

Văn đàn

TUẦN BÁO VĂN-NGHỆ XÃ-HỘI THỜI-SỰ * RA NGÀY THỨ NĂM

Chủ nhiệm : PHẠM-ĐÌNH-TÂN
Chủ bút : PHẠM-ĐÌNH-KHIÊM
Tòa soạn 290/11 Công-Lý — Saigon
Đ.T. 25.168

SỐ ĐẶC-BIỆT



TRONG SỐ NÀY :

NGƯỜI YÊU NƯỚC SÁNG SUỐT
của PHẠM-ĐÌNH-TÂN
TIÊU SỬ CHÍ SĨ NGUYỄN
TRƯỜNG-TỘ

của NGUYỄN-BÁ-THỂ
NGUYỄN TRƯỜNG-TỘ và Y-ĐĂNG
BÁC-VÂN

của ĐÀO-ĐĂNG-VỸ
TÔI VIẾNG MỘ VÀ GIA-ĐÌNH CHÍ
SĨ NGUYỄN-TRƯỜNG-TỘ

của PHẠM-ĐÌNH-KHIÊM
THƠ

của A-NAM TRẦN-TUẤN-KHAI,
MINH-ĐẠO — NGÔ-GANH

VÀI CẢM TƯỢNG VỀ NGHỆ THUẬT
KIẾN TRÚC CỦA NGUYỄN-
TRƯỜNG-TỘ

của Kiến-trúc-sư NGÔ-VIỆT-THU
NGUYỄN TRƯỜNG-TỘ, KIẾN-TRÚC-
SƯ TIÊN KHỞI TRONG NGÀNH
KIẾN TRÚC MỚI VIỆT-NAM

của PHẠM-ĐÌNH-KHIÊM
HAI BẢN ĐIỀU TRẦN CỦA
NGUYỄN TRƯỜNG-TỘ :

— KẾ HOẠCH GÂY NHÂN TÀI
— KẾ-HOẠCH TĂNG CƯỜNG
QUỐC-PHÒNG

QUANG-XÁN và
HỮU-HUYỀN dịch

MẤY VẦN THƠ NGUYỄN-TRƯỜNG-TỘ
VÀ CÁC MỤC THƯƠNG XUYẾN...



NGUYỄN TRƯỜNG TỘ

Kỷ-niệm Cửu Thập chu-niên
húy-nhật của Tiên sinh

★ PHỔ SẮC QUÊ-HƯƠNG
★ THU HƯƠNG MUÔN GIÓ

LÁ THƯ TÒA-SOẠN

BẠN ĐỌC THÂN MẾN,

Cùng lại họp với các bạn, hôm nay chúng tôi trong trung gởi đến các bạn và toàn thể đồng bào số báo đặc biệt kỷ niệm Chí sĩ NGUYỄN TRƯỜNG-TỘ nhân dịp ngày giỗ lần thứ 90 của Tiên-sinh (1871-1961).

Kỷ niệm Nguyễn Tiên sinh là chúng ta kỷ niệm

Một nhà ái quốc
Một bậc đạo đức
Một học giả
Một văn sĩ
Một thi sĩ
Một giáo sư
Một kỹ sư cầu cống, hầm mỏ
Một lý thuyết gia kinh tế
Một bình luận gia chánh trị
Một nhà cải cách xã hội
Một nhà ngoại giao
Một nhà chiến-lược

Tóm lại : Một con người hoàn toàn, tinh hoa của nòi giống Việt.

Với một vĩ nhân « toàn diện » như vậy, không một giới nào trong quốc dân là không cảm thấy có những liên hệ ràng buộc mật thiết.

Giới nào cũng có thể tự hào vì trong hàng ngũ mình đã có Nguyễn Trường-Tộ tiên sinh như bậc tiền phong hoặc như tiêu biểu xứng đáng, mặc dầu thời thế và cuộc đời gần gũi 41 năm không cho phép Tiên sinh thi thố trọn tài năng.

Cảm phục Tiên sinh, nhớ ơn Tiên sinh, trước đây một số người trong quốc dân đã tự động góp tiền xây mộ cho Tiên sinh. Và các bậc đàn anh trong làng văn, làng báo đã hiến dâng thân thể, sự nghiệp và nhất là chí lớn của Tiên sinh.

Số đặc biệt này của Văn-Đàn nối tiếp truyền thống vinh dự ấy. Máy trang mỏng manh, đôi hàng đơn bạc, nào xứng gì đâu với uy danh của bậc Thầy đáng kính, nhưng chúng tôi mạo muội dâng lên trước Anh hồn Người, mong Người chứng giám cho tấm lòng thành của đoàn hậu tiến.



Đề thông cảm với bạn đọc, chúng tôi tưởng cũng được phép trình bày thêm vài điều về số báo này. Tuy đơn giản và mỏng manh, số đặc biệt này cũng tiên biểu được một bước tiến mới trên phương diện tìm hiểu nhân vật lịch sử họ Nguyễn. Sau các công trình khảo cứu của các ông Lê-Dư, Lê-Thước, Nguyễn-trọng-Thuyết, Đào-đương-Vỹ, Đào-dương-Anh, Nguyễn-Lân, Dương-quang-Hàm, sự tìm hiểu về Nguyễn Trường-Tộ tiên sinh trong vài chục năm gần đây đã tiến như không tiến triển, ngoại trừ năm hai dịch đầu tiên trong Văn-hóa Á-châu năm ngoái.

Với số này Văn-Đàn công hiến thêm hai bài dịch Điều-trần và rồi đây sẽ tiếp tục dịch trọn bộ di-thảo quý giá của Tiên-sinh. Nhờ tập tài liệu của gia đình Tiên-sinh, Văn-Đàn có thể đính chính và bổ túc nhiều điểm về cuộc đời và sự nghiệp Tiên-sinh. Và đặc biệt, lần thứ nhất, Văn-Đàn phát giác tài liệu và nghiên cứu kỹ về công cuộc kiến trúc của Tiên sinh dưới khía cạnh lịch sử và nghệ thuật; đồng thời, Văn-Đàn cũng gọt thêm ánh sáng vào bức Chân dung khá kính của Tiên sinh.

Nhưng đây mới là bước đầu đề nối tiếp công trình của các bậc đàn anh trước năm 1941, hy vọng sẽ còn có những bước tiếp theo không ngừng.

Nguyễn vọng của chúng tôi là cùng với bạn đọc thân yêu, cùng với những đồng bào ngưỡng mộ Tiên sinh tiến tới việc thành lập một « ỦY BAN NGUYỄN TRƯỜNG-TỘ », đề phát huy tư tưởng học thuật của Tiên sinh.

Đối diện với pho tượng Trương Vĩnh Ký ở đại lộ Thống Nhất — hoặc ở nơi khác trong Đô thành — chúng tôi ước mong di tượng Nguyễn Trường-Tộ sẽ xuất hiện đề nêu cao gương sáng và chí cả của Tiên sinh muôn đời.

Và ước mong, trong mười năm nữa, lễ kỷ niệm bách chu niên hỷ nhật Tiên sinh sẽ là cơ hội cho những cuộc Hội thảo và Triền lãm lịch sử với đề tài « Nguyễn-Trường-Tộ và thời đại », như cách người ta mới kỷ niệm một sự gia bên Mỹ năm trước.

Hôm nay, đốt nén hương lòng tưởng niệm Tiên sinh, chúng tôi bồi ngùi nhớ lại hai câu thơ Tiên sinh ngẫu hứng ngay trong giờ lâm chung, ngày 10 tháng 10 năm Tự đức 24 (1871) :

Nhất thất tác thành thiên cổ hận
Tái hồi đầu thị bách niên thân.

Lược dịch :

Một lữ ngàn sau óm hận mãi,
Trăm năm nghĩ lại chiếc thân rồi !

Đó, lời di chúc thiêng liêng mà Tiên sinh lưu lại cho quốc dân.

Lúc này hơn bao giờ hết, chúng ta cần suy nghiệm và đem ra thực hành di ngôn ấy.

VĂN-ĐÀN



« Giựt gân » các bạn ký giả Ba.lê cái chơi !

BÁO chí Việt-Nam ở Sài-gòn vừa được báo chí Ba.lê chú ý đến nhờ một cái « tin giựt gân ». Chẳng những thế, có lẽ báo chí cả hoàn cầu cũng chịu thua tài « săn tin » của vài tờ báo ở đây.

Trước hết báo « L'Aurore », nhắc đến tin đăng trong một nhật báo ở đây, theo đó thì các cuộc tấn công vùng Tây ninh, Bình dương là nằm trong kế hoạch của Bảo-Đại sau khi đã hội kiến với Hồ chí Minh ở Hà nội. Cũng báo « L'Aurore », còn diễm một tin nữa của một tờ báo Việt khác nói rằng Bảo-Đại dường như đã lập một chính phủ lưu vong với sự thỏa thuận của Hà-nội, trong đó y giữ chức Thủ-tướng kiêm bộ Quốc-phòng.

Đến lượt một tờ báo có nhiều uy tín trong dư luận Pháp, tờ « Le Monde » cũng phải « giựt mình » khi đọc hai cái tin « giựt gân » của hai tờ báo Sài-gòn. Báo ấy phải cho là « lạ kỳ », và phê bình thẳng thắn rằng : « Đó chỉ là một câu chuyện ngụ ngôn hóa » (affabulation) (— nghĩa là « huyền-hoặc » vậy !). Báo này lại viết : « Thật dễ minh chứng rằng ông cựu hoàng kia không có đi Hà-nội và cũng không có lập một chính phủ với sự ủng hộ của Việt-Minh ». Trước sự kiện như thế, nhà báo Pháp cố nạo óc tìm hiểu lý do, ý nghĩa của việc « sáng tạo » tin tức kia. Rồi anh ta viết :

« Rõ ràng là báo chí Việt-Nam có ý muốn gạt bỏ Bảo-Đại ra bằng cách làm cho Bảo-Đại thành kẻ thiên-cộng, đề phòng một trường hợp cũng khó có thể xảy ra, là trường hợp Huê-kỳ nghĩ đến ông ấy » !

Không biết điều ấy có trùng kế của các nhà tạo tin không ?

Truyện ngụ ngôn thua gì truyện Phong-Thần

Giữa hai lập luận, dư luận quốc tế sẽ nghiêng về bên nào ? Chắc chắn

(Xem tiếp trang 23)

NGƯỜI YÊU NƯỚC SÁNG-SUỐT

của PHẠM-ĐÌNH-TÂN

« **N**GUỂN-TRƯỜNG-TỘ là người yêu nước sáng-suốt bậc nhất.»

Đó không phải là ý-kiến riêng của sử gia Từ-ngọc Nguyễn-Lân khi ông viết về « bậc vĩ-nhân đệ nhất nước Việt-Nam hồi thế-kỷ thứ 19 ».

Đó cũng là ý-kiến chung của mọi người, người trong nước cũng như người ngoại-quốc, một khi hiểu biết rõ đời ông.

Một danh-nhân Nhật-Bản hồi mới duy-tân là Y-Đặng Bắc-Văn đã nói về ông : « Kề tài, trí thì ông hơn tôi nhiều, nhưng cứ theo tình-thế của hai nước, tôi sẽ có thể dễ-dàng thành-công còn ông thì e sẽ hoàn-toàn thất-bại ».

Quả thực bậc vĩ-nhân Việt-Nam đã lâm vào cảnh mà bậc vĩ-nhân Nhật-bản tiên-đoán. Và lời trên đây của bậc vĩ-nhân Nhật-Bản đã chứng tỏ ông hiểu rành-mạch tinh-thần và tâm-trạng người Việt-Nam hồi đó.

Nhưng dầu tài không đặc-dụng, trí không được người đồng-thời biết tới, chí-nguyện cũng không thành bậc vĩ-nhân Việt-Nam vẫn tỏ là người xuất-chúng, người vượt lên trên số đông, người của thời-dại. Ông ôm hận mà chết nhưng tư-tưởng của ông không mai-một, tinh-thần ông vẫn sáng ngời cho muôn vàn thế-hệ mai sau.

Ông không có chức-tước nhưng ngày nay người ta phải đặt ông ngang hàng với các danh-nhân siêu-việt trên hoàn-vũ.

Ông không có một mảnh bằng, nhưng ngày nay người ta phải khâm-phục ông là nhà bác-học uyên thâm.

Ông không làm cách-mạng chính-trị hay xã-hội nhưng ngày nay người ta phải tôn ông là nhà cải-tiến quốc-gia.

Ông không đánh đông dẹp bắc, nhưng ngày nay người ta phải kính ông là chiến-lược-gia phi-thường.

Ông không cầm gươm chống ngoại-bang nhưng ngày nay người ta phải công-nhận ông là nhà ái-quốc sáng-suốt bậc-nhất.

Còn gì nữa?

Ông không là gì cả nhưng ông là tất cả.

Ông đã viết trong một bản điều-trần :

« Về học-vấn, món gì tôi cũng đề ý, trên là thiên-văn cao xa, dưới là địa-lý sâu-sắc, giữa là nhân-sự phiền-phức, cho đến luật-lịch binh-thu, bách-ngệ, cách-trí, thuật số, đều là đề ý đến nơi cả. »

Cho nên không việc gì là ông không biết, không vấn-đề nào là ông không am - tường. Từ việc lớn đến việc nhỏ, từ lý-thuyết đến thực - hành, từ việc quốc - nội đến việc quốc - ngoại, hết thấy ông đều thông-hiểu, đều biết rõ rành - mạch. Ông cũng chưng ra được những bằng-cớ hiển-nhiên, những lý-luận xác-đáng, những cách-thức thi-hành tường-tận.

Nếu ông biết bàn đến việc mở-mang kinh-thành Huế, việc trị-thủy tại Bắc-Kỳ thì ông cũng biết sửa-chữa đồng-hồ, biết lau chùi máy-móc.

Nếu ông biết đào sông, tìm mỏ như bất cứ kỹ-sư Đại-học Bách-khoa nào khác, thì ông cũng là một kiến-trúc-sư lỗi-lạc. Tu-viện các bà phước Dò g Thánh Phao-Lô thành Chartres ở đường Cờng-Đế Sa-gon hiện nay chứng tỏ tài kiến-trúc của ông với muôn thế-hệ.

Nếu ông là một nhà nho tân-tiến, nhà cải cách học-thuật thì ông cũng là nhà cải-lương phong-tục, nhà cứu-tế xã-hội.

Nếu ông biết bàn đến thuế-khoá, đến thống-kê và đặc-diên thì ông cũng biết trình-bày gãy gọn về sự liên-lạc giữa triều-đình và dân-chúng, sự cải-tô quan-lại,

Nếu ông tinh-thông về nội-trị thì ông cũng sáng-suốt trong việc ngoại-giao, việc quốc-tế.

Trong bản điều-trần ngày 18 tháng giêng năm Tự-Đức thứ 19 (5-3-1866) ông đã tiên-đoán việc phế-truất Hoàng-đế Nã-Phá-Luân đệ tam ở Pháp về bốn năm sau (1870).

Trong bản điều-trần ngày 2 tháng 8 năm Tự-Đức thứ 24 (16-9-1871) ông viết những lời này về cuộc thế-chiến 1914.1918 : « Thế nào nước Nga cũng liên-hiệp với nước Phổ để cho Phổ ra tay phía Tây-Bắc mà Nga hoành-hoành phía Tây-Nam. Khi đó nếu sức của Pháp đã phục-lại và cùng nước Anh liên-hiệp đi nữa cũng không thể thắng được »

(Xem tiếp trang 4)

Người yêu nước sáng suốt

(TIẾP THEO TRANG 3)

Lời dự-đoán trên đây tuy không hoàn-toàn đúng cả nhưng cũng đã chứng tỏ sự trông xa thấy rộng của ông.

Về quốc-nội, ông đề-nghị lập đoàn kỵ-binh để cho bộ binh đỡ mệt, lập đội thủy-binh để phòng thủ duyên-hải, dựng xưởng máy để khuếch-trương kỹ-nghệ. Ông cam đoan nếu nhà vua ưng thuận, ông có thể vay từ 8 đến 9 triệu ở Hương-cảng để chi-dùng vào ba việc trên đây.

Thế là không những ông thông-thạo về lý-thuyết và thực-hành nhưng còn giỏi về đường giao-tế nữa.

Nhưng tất cả cái học-thức uyên-bác, cái tài-năng quán-thế, cái trí-óc minh-mẫn mà ông phô bày trong những bản điều-trần của ông không phải để khoe-khoang hay để trục lợi mà chính là biểu-lộ một lòng ái-quốc thấm-thía và sáng-suốt vô song. Và chính lòng ái-quốc của ông là nguyên-nhân và động-lực của tập di-thảo quý báu ấy.

Ông đã viết :

« Ông Hàn-công xưa có nói : biết mà không nói là bất-nhân, nói mà không hết là bất-nghĩa. Nay tôi tuy ở chỗ giang-hồ mà lòng vẫn ở nơi đế-khuất, tôi không nở trông nước nhà chia-xẻ, trăm họ lưu-ly, dù chức-phận thấp-hèn cũng không ngại tỏ bày đường-dột ».

Thế là ông viết, viết những điều đã học-hỏi được ở nước ngoài, viết đề bàn về việc chấn-chỉnh quê-hương, cải-tiến xứ-sở. Đó không phải là lòng can-dảm, lòng yêu nước thiết-tha ư ?

Thử hỏi thời ấy ai đã dám nói lên những điều lạ tai lạ mắt để mang lấy tội khi-quân ? Thế mà ông đã dám làm, dám đệ-trình những bản điều-trần rất mực khôn - ngoan, dầu ông là người Công-giáo, hạng người mà triều - đình và số đông thời ấy hắt - hủi, kết tội, cấm không cho đi thi. Nếu không có lòng yêu nước tuyệt vời thì ai dám có thái-độ can-trương và thẳng-thần như thế ?

Trong bản điều-trần ngày 10 tháng 3 năm Tự-Đức thứ 24 (29-4-1871) ông đã viết :

« Tôi đem hết tâm-trí để lo việc nước, vậy thì việc nước là việc nhà ».

Thực rõ-ràng. Ông coi nước là nhà, và nhà là nước. Nhà còn chẳng muốn tan thì nước tất phải muốn thịnh. Nước thấp hèn thì nhà cũng lụn bại. Ông còn yêu nước một cách thấm-thía hơn nữa : Ông coi nước là chính thân mình. Trong bản điều-trần ngày 28 tháng 8 năm Tự-Đức thứ 24 (12-10-1871) ông viết :

« Người bắt trung với nước tất bắt trung với mình. » (Phàm bắt trung vu quốc giả tức thị bắt trung vu kỷ giả). Thế là ông coi mình là nước và nước là mình. Mình còn chẳng muốn cho suy-nhược, tất nước cũng chẳng muốn cho chậm tiến, suy-vong.

Cho nên ông chẳng sợ mất lòng, không ngại điều nguy-hiêm, cứ cố công gào hét lên những điều phải nói, những việc phải làm.

Thời nay ai đã có những thái-độ ấy chưa ? Bây giờ có lẽ có nhiều người học giỏi, tài cao nhưng còn muốn hầu-hạ người để cầu mong phú quý hơn là về phụng-sự quốc-gia !

Dầu không được đặc-dụng, dầu những lời kêu gọi thấm-thía của mình không được ai lưu ý, ông cũng không giận-dối, oán-hờn. Ông chỉ than-thở trong bản điều-trần ngày 2 tháng 5 năm Tự-Đức thứ 24 (19-6-1871) :

« Chỉ vì tôi là kẻ thường dân và lời nói lại thô-vụng, nên triều-dình không thêm để ý đến, chứ nếu có ông Không-Minh sống lại mà viết ra tập tấu này thì dù có sai lộn một đôi điều, cũng chẳng ai dám bàn đến »

Ông Không-minh không sống lại nhưng với những bản điều-trần kia ông đã chẳng là Không-Minh thời bấy giờ ? Chỉ có một điều khác là Không-Minh được trọng-dụng mà ông bị bỏ rơi. Và đó là chỗ thiệt-hại cho Việt-Nam thời ấy và di-hại cho Việt-Nam cho đến bây giờ !

Tuy vậy, ông không chán-nản, ông không ngã lòng. Ông chỉ nghĩ đến nước, chỉ lo cho quê-hương. Ngay đến khi thân đã tàn, hồn đã kiệt, ông vẫn còn viết :

« Hiện nay tôi đau bệnh tê-thấp, gần thành một người phế-tật, phải nằm ngửa trên giường mà viết ».

Yêu nước đến thế là cùng ! Không giận đối, không oán-hờn, không ghen-ghét, không thù-hận. Hơi thở còn thì còn nói, tay còn cử-dộng được thì còn viết. Nước chưa tiến mà mắt còn mở thì còn phải lo cải-cách, còn phải thức-tỉnh quốc-dân, còn phải kêu gọi kẻ cầm quyền chỗi dậy để kịp tiến theo người !

Không một lời nguyên-rủa, không một tiếng cõ-vô sự rẽ chia, không một câu súc-siêm nổi loạn, không một hành-dộng kêu gọi ngoại-bang ! Than-thở thì có than-thở chứ không một giọng phản-dộng, hai lòng.

Yêu nước như thế mới là yêu nước chân-chính, yêu nước thấm-thía, sáng suốt.

Yêu nước như thế mới là kiến-thiết quê-hương mà không súc-phạm ngoại-quốc. Yêu nước như thế không căm-thù ngoại bang mà lo cho nòi giống một ngày một tiến, một hơn người.

Yêu nước như thế là yêu mọi người như anh em một nhà : « Tứ hải giai huynh-đệ ».

Nguyễn Trường-Tộ quả thực là sự hi-sinh hiện thân hiến dâng cho Tổ-quốc ! Giữa lúc « Tổ quốc lâm nguy » hiện nay hơn bao giờ hết, tấm gương yêu nước sáng suốt của ông phải được treo cao cho toàn thể soi chung.

PHẠM-ĐÌNH-TÂN

TIỂU SỬ CHÍ-SĨ NGUYỄN TRƯỜNG-TỘ

XÉT trong lịch-sử Việt-Nam, khoảng giữa thế kỷ XIX, trong hàng anh tài bác-học có trí thức quốc-tế không kém gì các tay ngoại giao giỏi ngày nay, hẳn không ai bằng Ông Nguyễn Trường-Tộ. Sự học rộng thấy xa của Nguyễn tiên sinh đã dành vượt hẳn người đương thời, mà khoa kiến-trúc cũng vào bậc thầy, tài văn chương cũng liệt vào bậc đại-văn-hào.

Nguyễn Trường-Tộ người thôn Bùi-Chu, huyện Hưng-Nguyên tỉnh Nghệ-An. Thân sinh là Nguyễn Quốc-Thư — một nhà đông y, nên thuở bé ông học chữ nho ngay với cha. Ít lâu, nhân dời nhà ở ngang nhà thờ đạo Thiên-chúa ở Tân-ấp, tiên sinh được cha cho đi học với các thầy giỏi ở quanh vùng. Nhưng học văn chương mà xem ra ông không mấy chú trọng đến từ chương, óc đã sớm nuôi chí lớn; chuộng đường lối dụng mà chán lối hư văn. Năm 23 tuổi, chí ấy càng lộ rõ ra, khiến thầy học là ông cố gắng sinh Hựu ở Kim-Khê phải lấy làm khen, khuyên ông nên đến học với viên nguyên tri-huyện Địa-linh mở trường ở làng Tân-Lộc. Ông vâng theo.

Một lần, theo thầy và bạn lên chơi núi Lự Sơn, giữa lúc ai nấy đua nhau ngâm vịnh, ông lại ngồi yên lặng, có dáng suy tư. Bạn đồng học trêu ghẹo:

— Bí vận chưa nghĩ ra thơ à ?

Ông thản nhiên hỏi lại bạn :

— Núi này cao bao nhiêu ? rộng bao nhiêu ? Cách hòn Song-ngư độ mấy trượng ?

Ông vẫn thường đem theo mình một cuốn sổ tay, nghĩ được điều gì liền ghi chép đề sau nghiên cứu.

Học ba năm với ông huyện Địa-linh, trước sau ông chỉ dự vòn vẹn có một kỳ thi khảo, làm một bài phú theo lối văn cử nghiệp, do ông huyện ép mãi ông phải làm. Thế mà bài của ông được chấm vào hạng ưu, rõ là tài văn chương nào kém chi ai, và nếu ông muốn, có công traui giỏi huân hỏ từ chương, trên đường cử nghiệp hẳn ông cũng đã ngát

nguồn bia đá bằng vàng. Nhưng không suốt đời, ông đã không hề thi cử chi cả.

Sân chí hiếu học, lại được một dịp may mắn đề mở đường cho ông tham khảo lối học Âu-Tây : Mậu-Ngọ 1858, nhà thờ đạo Thiên-chúa ở Tân-ấp mời ông làm thầy dạy Hán văn. Ông nhận lời. Vị Giám-mục người Pháp là Gauthier (ta quen gọi là Ngô-gia-Hậu) phục ông là người thông minh nhanh nhẹn, bèn dạy ông học Pháp-văn và Khoa-học phổ-thông. Chỉ trong hai năm, sức học của ông đã khá cao. Bấy giờ ông mới 31 tuổi.

★ của NGUYỄN-BÁ-THẾ ★

Canh-thân 1860, Giám-mục Gauthier đưa Nguyễn Trường-Tộ sang Âu-châu. Trên đường về Pháp, ông được cùng Giám-mục Gauthier ghé nước Ý yết kiến đức Giáo-hoàng. Rồi đặt chân trên đất Paris, Ông ngụ ở đấy mà học tập. Trong vài năm, sức học thêm rộng, chẳng những lưu tâm về văn-ngệ học-thuật của phương tây, ông cũng nghiên cứu cả về chính trị, kỹ-ngệ, cơ khí.

Đến khi trở về nước, ngang qua Hương cảng, ông lại được một vị Giám mục người Anh yêu mến, giữ ở lại. Khoảng này, một hôm nhân đi thăm viếng miếu Hạng Vũ, ông cảm hứng có câu :

Anh hùng dụng võ ghi vô địa
Chiến thắng thành công tự hữu thiên.

(Dùng võ anh hùng không thiếu đất,
Nên công chiến thắng ở như trời)

Lại một hôm chơi núi ở Quảng-đông, ngồi nghĩ cho thân thể chẳng biết ngày mai có được như chí nguyện hay rồi ra sẽ thế nào, ông bâng-khuâng làm bài thơ như sau :

Thừa nhàn tỷ lý trực đang san.
Túc hạ phong sinh chuyển giác hàn.
Hân mạn dĩ cùng thương mấn ngoại,
Bồi hồi như tại bích văn đoàn.
Tam hoàn thành thị phân minh khán,

Lưỡng Quảng giang san chỉ chương
glan.

Vạn lý phù dao như khà tá,
Lãng không hồi quốc bất ưng nan.

Bản dịch của Từ-ngọc :

Thư nhàn bước tới đỉnh non chơi.
Dưới gót hươu hươu gió lạnh người.
Đã lúc lang thang bên góc bể,
Nay còn lơ lửng giữa mây trời.
Ba vòng thành thị trông từng chỗ,
Hạt Quảng non sông trở khắp nơi.
Muốn dặm gót đưa như mượn được,
Muốn về đất nước chẳng bao hơi.

Hai câu thúc kết, ông đã bộc lộ tình ý với nước non nhà, bao giờ cũng một tấm lòng son chan chứa, tha thiết niềm quyết tâm tô diêm cho đất nước.

Bởi lòng thương quê cha đất tổ ông chỉ ở Hương-cảng vài tháng, rồi từ giã vị Giám-mục người Anh, hăm hở về nước. Vị Giám-mục Anh trao tặng ông vài trăm bộ sách Pháp-văn và Hán-văn, đủ loại. Nhưng không may giữa đường gặp bọn giặc bề đón đánh, các rương sách bị chúng ngỡ là rương vàng bạc, quần áo, cuốc mắt cả, ông chỉ còn giữ được bên mình vài quyển Hán-văn.

Non nước Việt bấy giờ đang ở vào cảnh chuẩn bị chiến tranh chống xâm lăng, và đang bị đặt vào tình thế bất lợi. Ông vốn là người Công-giáo, thông Pháp văn, trong lúc cần dùng người cố nhiên người Pháp đầu đề ông đứng ngoài vòng. Quân đội Pháp ở trong Nam, đón ông ở lại Sài-gòn, dùng làm thông dịch viên. Ông toan từ chối, nhưng còn từ chối làm sao được trong hoàn cảnh ấy.

Tuy nhiên, làm việc với người Pháp nhưng lòng ông vẫn là lòng người Việt, bao giờ cũng hướng về đất tổ quê cha. Những khi phiên dịch giấy tờ, Ông vẫn cố giữ quốc thể và hết sức lựa chiều che chở.

Đến khi hòa-uớc 5-6-1862 ký kết, ông lui về quê nhà ở thôn Bùi-chu, rắp tâm đem những điều sở đắc giúp dân giúp nước.

Dù sao, như tự biết mình đã bị đặt trong cái thế khó chạy khỏi bị nghi ngờ,
(Xem tiếp trang 6)

(Tiếp theo trang 5)

trong một bản « *Trần đình khởi* » gửi cho một vị quan triều ngày 20 tháng 3 năm Tự-đức 16 (7 Mai 1863), ông biện minh tấm lòng mình ở cuối bài giải tỏ : « *Nếu triều đình lượng xét đến nỗi khổ tâm của tôi mà tha cho cái hình tích lỡ làng kia, tôi xin đem hết tài lực ra hiệu dụng.* » Trong bài, còn có hai câu tỏ tấm u hoài :

*Ký thân Tào thị Từ Nguyên-Trực,
Bất đề Doanh Tân Lỗ Trọng-Liên.*

(Gửi thân Tào thị : Từ Nguyên-Trực,
Không khứng tôn Tần : Lỗ Trọng-Liên)

Câu trên, ông tự ví cảnh ngộ mình như Từ Thử gửi thân nơi Tào Tháo, mà tâm sự thì « *Chẳngặng khôn Lưu thà đại Ngụy. Thân này xin gát ngoại vòng thời.* ». Còn câu dưới thì tự ví mình như Lỗ Trọng-Liên, dù bạo Tần có sung ép thế nào cũng không hải hùng sấm sét búa riêu, vẫn vững lòng ngay thẳng, quyết chẳng tôn Tần.

Thống thiết hơn nữa, ông còn có hai câu hoài cảm bình sinh thường ngâm ngợi :

« *Nhật mộ tuy vô hồi chiều xứ,*

« *Quỹ hoa tự hữu hướng dương thâm.*

(Một nhật dù không quay dọi tại,
Lòng quỳ vẫn cứ hướng dương mờ).

Chưa thi thố được gì ở triều đình, vì không khí nghi kỵ, ông đem ngay tài học thực dụng của mình mưu ích cho đồng bào quanh vùng :

Năm 1863, nhận thấy trong tỉnh mình (Nghệ-An) có thôn Xuân-mỹ đất xấu dân nghèo, ông Nguyễn Trường-Tộ bèn đi tìm một khu đất tốt ước vài chục mẫu, lập ấp dời dân Xuân-mỹ sang ở đấy. Ngoài ấp, bốn mặt mở lớn, trong có đường nhỏ ngang dọc thông nhau như hình bàn cờ.

Công trình lập ấp hoàn thành ông được nhân dân mến phục, đề cao tâm chí. Kế đó, ông đứng ra làm đốc công xây dựng ngôi nhà thờ mới ở Tân ấp, và dựng ngôi nhà ở của vị Giám-mục cùng trường học La tinh, quy mô theo lối tây. Xong ông lại được họ đạo trong Nam nghe tiếng, rước vào coi cất nhà tu cho các nữ tu sĩ, tục gọi « *Nhà trắng* » (Nhà dòng Saint Paul de Chartres) trong năm 1864. Công trình kiến trúc « *Nhà trắng* » trước đó, kỹ sư đã dự ước phải tốn đến 30 vạn, ông vào Nam đảm nhận việc ấy, chỉ cần có 10 vạn là xong. Có điều, khi xong việc ông bị bệnh ở chân vì rui ro té từ trên cao xuống đất, phải về quê nhà dưỡng bệnh.

Giữa lúc còn đau chân, ông lại được Tổng-dốc-An Tĩnh là Hoàng-Tá-Viêm vời đến. Nguyễn Hoàng-Tá Viêm đốc suất dân phu đào kênh, nhưng đào mãi không thành, phải viết thư vời ông vào ngày mồng 7 tháng 5 năm Tự-đức 19 (16 Juin 1866), uỷ thác cho ông việc đào sông. Mặc dù còn bệnh, tiếp được thư mời ông nhận lời ngay. Ông Nguyễn Trường-Tộ bèn ngồi vờng đi xem xét hình thế, cảm nêu chỉ rõ đường lối cho dân phu theo đó mà đào sông. Đường sông dài vài mươi dặm đều theo đường thẳng, duy có một khúc hình cong. Hoàng-Tá-Viêm lấy làm lạ hỏi. Ông cho biết : Dưới chỗ ấy có nhiều đá tảng không thể xeo được, còn muốn phá đi thì không có cốt mìn, máy móc như người Âu-châu, thả phóng nêu đào tránh như thế hay hơn. Hoàng Tá-Viêm nghe theo, nhưng ý vẫn còn ngờ, bảo người đào thử chỗ đó, quả đúng như lời ông dự định. Do đó, trước kia đào sông khó nhọc không thành, mà đến tay ông thì không đầy một tháng công trình hoàn tất.

Trước kỳ công ấy, Hoàng Tá Viêm lấy làm khâm phục, dâng sớ tiến cử ông với triều đình. Tháng 6 năm ấy (1866), Nguyễn-Trường-Tộ được Vua Tự-đức vời vào bộ kiến. Vua hỏi điều gì, Nguyễn bày bày rành rẽ, được khen ngợi, ban kim-khánh, kim-tiền, rồi sai ông cùng Giám-mục Gauthier sang Pháp, tìm rước thợ khéo và mua các thứ máy.

Trước khi phụng mạng ra đi ông thừa dịp đệ trình hai bản điều trần :

1) Bản « *Lục lợi từ* », ngày 29 tháng 7 năm Tự-đức 19 (1er Sept. 1866), nói về sáu điều lợi cần phải làm.

2) Bản « *Điều trần thời sự* », ngày mồng 1 tháng 8 (31/9/66), nói về các lẽ nên duy tân cải cách, mưu cuộc phú cường.

Cả hai bản, lời lẽ thiết tha, tỏ ra người có tâm huyết đối với đất nước giống nòi.

Này đây, chúng ta hãy xem một đoạn cực kỳ thống thiết ở bản « *Điều trần thời sự* » để lắng nghe lòng ta rung cảm đến độ nào :

« *Hàn-công nói : « Biết mà không nói là kẻ bất nhân, nói mà không nói hết là kẻ bất nghĩa ». Thế cho nên thân tôi tuy ở chốn giang hồ mà lòng vẫn gửi nơi lang miếu. Tôi thật không nỡ nhìn thấy nước nhà đồ nát, trăm họ lưu ly, cho nên không xét phận hèn mọn mà dám phạm vào lời nói ngay thẳng. Nếu cho lời tôi là khi trá, hoặc*

là có ai xui giục, thì xin đem tờ biểu này treo ở Quốc-môn để sau này làm chứng ».

Một mặt dâng biểu điều trần, một mặt ông phụng mạng lên đường sang Pháp, vào tháng 8 âm lịch (Septembre 1866). Phái đoàn gồm có Ông, Đức Giám-mục Gauthier, Linh-mục Nguyễn-Điều và các tùy-viên Trần-văn-Đạo, Nguyễn-tăng-Doãn.

Nhưng hai bản điều trần để lại nhà kia, rốt ra vẫn không được ai quan tâm đến; mà rồi chuyện đi công cán sang Pháp này, cũng phải bỏ dở mà về. Vì tháng 5 năm Tự-đức 20 (Juin 1867), liên quân Pháp - Ý hùng hổ đánh chiếm miền Nam. Triều đình không còn sức sáng về việc sai phái bộ sang Pháp tìm thợ và mua máy kia nữa, nên quan Thương-bạc phải hai lần gửi thư sang Pháp gọi phái-bộ về nước và dặn chỉ muốn một hai người thợ khéo và mua một ít máy rẻ tiền thôi.

Ái gây nên nỗi lỡ-làng ? Ngỡ-ngàng biết bao nhiêu ! Nhớ lại lúc ra đi hăm-hở biết chừng nào, ngang qua Đà-nẵng ông Nguyễn Trường-Tộ đã cảm xúc đến không cầm lòng được :

Vạn đại thiên tri thử phong cảnh.

Tây triều hà sự động binh đao ?

Nhất triều sát khí không lưu thủy,

Thiên cò oan thình thượng nộ đào.

Giang tự tây nam song phái hạ,

Môn khai đông bắc lưỡng sơn cao.

Như kim dĩ khánh kinh ba tịnh,

Phá lãng thừa phong khí tự hào.

Bản dịch của Từ-ngọc Nguyễn-Lân :

Vùng ấy muôn năm cảnh khác nào.

Triều tây sao bỗng nổi binh đao ? ?

Cạn qua một sớm đầy sông thắm.

Oan khốc nghìn năm đập sóng đào.

Tự ngã tây nam hai nhánh chảy,

Mở đường đông bắc cặp non cao.

Ngày nay sông cả mừng yên tĩnh.

Cưỡi gió lãng lừng khí tự hào.

Té ra ông đã lạc quan quá sớm. Ngờ đâu chuyện binh đao nay đã lại nổi dậy tối đất trời. Còn biết làm sao ! Lạc quan bao nhiêu ông càng thêm đau xót bấy nhiêu. Tình thế chẳng những đã bất lợi cho nước nhà, mà cũng bất lợi nhiều cho ông nữa rồi.

Thất vọng, nhưng Ông không nản chí, vẫn nất trí lo toan sao cho nước tránh dân giàu. Nhưng bệnh cũ phát sinh, ông dù muốn hăng hái hành động, vẫn phải bó gối ngồi nhìn thời cuộc đa đoan, và phải đau lòng từ chối không theo chân phái đoàn sang Pháp lần nữa được, vào tháng 2 năm Tự-đức 21 (Mars 1868).

(Xem tiếp trang 21)

NGƯỜI TA ĐÃ VIẾT GÌ VỀ NGUYỄN TRƯỜNG-TỘ ?

TÁC-PHẠM MỚI NHẤT : LUẬN ÁN TIẾN SĨ CỦA

ÔNG BÙI-THẾ-PHÚC TẠI SORBONNE (chưa in)

của **HUNG-BÌNH**

NGƯỜI đầu tiên đã viết tiểu sử Cụ Nguyễn Trường-Tộ, chính là con trai cụ, ông Nguyễn Trường-Cửu, tức Đồ-Cửu. Dưới nhan đề : « *Sự tích ông Nguyễn Trường-Tộ* », tài liệu này viết bằng chữ nôm, không in, chỉ đề lưu trữ tại gia đình và mở cho các nhà khảo cứu đến coi. Tuy vậy, tài liệu cũng cho biết khá đủ chi tiết cốt yếu về tiểu sử nhà Chí-sĩ.

Các ông Lê-Dư, Lê-Thước, Nguyễn Lân, Đào Duy Anh đã có tra cứu đến nhưng cũng còn nhiều chi tiết chưa khai thác. Tòa-soạn *Văn-Đàn*, hiện có một bản sao. Như vậy nếu vì lẽ gì bản chính của gia đình có thất lạc (nhất là dưới chế độ Cộng sản) thì cũng còn có người giữ được một tài liệu căn bản tuy sơ lược.

Đối với quốc dân, tạp nhĩ Nam Phong chính là cơ quan đã có công trước nhất biểu dương thanh danh và sự nghiệp chí sĩ Nguyễn Trường-Tộ.

Người đầu tiên đã « phát giác » Nguyễn Trường-Tộ là ông Lê-Dư, biệt hiệu Sở-Cường. Trong phần chữ Hán tạp chí *Nam-Phong* số 100, ra hồi tháng 11 năm 1925, từ trang 47 đến 58, ông có viết một bài tiểu dẫn và đăng một bản điều trần thứ nhất của Nguyễn Trường-Tộ. Nhan đề : *Nguyễn Trường-Tộ điều trần—Thiên hạ đạt thể nguyên tập (Nguyên danh quốc tế thượng giao thông chí chính sách)*.

Đến số 102, tháng giêng 1926, cũng trong *Nam-Phong* phần chữ Hán, từ trang 4 đến 6, đến lượt ông Lê Thước viết bài : *Nguyễn Trường-Tộ tiên sinh Tiểu sử*.

Qua năm 1927, vẫn ở phần chữ Hán, *Nam-Phong* lục đăng nguyên văn một số bản điều trần dưới nhan đề chung : *Nguyễn Trường-Tộ tiên sinh di thảo* :

— Số 117, tháng 5 — 1927, từ trang 54 - 59. Bài Trần-tình-khai (20 tháng 3 năm Tự-đức 16).

— Số 118, tháng 6 — 1927, trang

66 - 70. Điều-trần về tôn giáo (23 tháng 7 Tự-Đức 19).

— Số 119, tháng 7 — 1927, trang 3 - 11. Điều-trần về lục lợi từ (23 tháng 7, Tự-Đức 19).

— Số 120, tháng 8 — 1927, trang 11 - 21. Điều-trần về giao thông (16 tháng 2, Tự-Đức 24), và Điều-trần về tục lệ Tây phương, (19 tháng 2, Tự-Đức 21).

— Số 121, tháng 9 — 1927 trang 31 - 39. Điều-trần về kinh tế quốc gia, (20 tháng 8 Tự-Đức 24).

— Số 122, tháng 10 — 1927, trang 45 - 50. Điều-trần về vấn đề nhân tài, (tháng 9, Tự-Đức 24).

Mãi đến năm 1933, phần quốc văn của *Nam Phong* (số 180, tháng 1-1933, trang 1-11) mới có bài về Nguyễn Trường-Tộ, do Nguyễn Trọng Thuật viết, nhan đề : « *Nguyễn Trường-Tộ trên lịch sử Việt-Nam* ».

Sau khi nói sơ lược về thân thế, tác giả trình bày đại ý bảy bản điều trần, mỗi bản có trích dẫn một vài câu chủ chốt.

Sau đó, do ngọn bút của ông Đào-Đằng-Vỹ, Nguyễn Trường-Tộ được tuyên dương trên tờ « *Patrie Annamite* » từ số 221 và tiếp tục trong khoảng năm chục số báo. Học giả họ Đào đã thực hiện một thiên khảo luận rất công phu và quý giá.

Trên tờ *Tri-Tân*, số 6 ra ngày 10 tháng 7 năm 1941, ông Đào-Duy-Anh viết bài : *Nguyễn-Trường-Tộ học ở đâu*.

Đến đây, ta phải kể đến tác phẩm của Từ-Ngọc Nguyễn-Lân : « *Nguyễn Trường-Tộ* » do Viễn-Đệ (Huế) xuất bản năm 1941 và Mai-Lĩnh tái bản năm 1942. Cuốn sách chỉ chú trọng đến nội dung một số bản điều trần, còn tiểu sử rất sơ lược, và chẳng phần nhiều theo tài liệu của Đào đăng Vỹ.

Từ đây trở về sau, các bài viết về Nguyễn Trường-Tộ phần nhiều dựa vào những tài liệu đã kể trên.

Năm 1951, nhật báo *Thần-Chung* ở Sài Gòn (từ số 19 tháng 4-1951) đăng một loạt trên mười bài nhan đề : « Đại

chí-sĩ Nguyễn Trường-Tộ » do ký giả Nguyễn Duy-Hình viết.

Nhiều báo chí khác cũng lác đác có những bài ngắn như : nhật báo *Tiếng-Dội*, ngày 19-1-1950, với bài : « *Nguyễn Trường-Tộ, Lương-khai-Siêu Việt-Nam* », ký tên : Phan-Quân ; hoặc như tạp chí *Sinh-Lực* số 1, ngày 1-11-1956 (trang 55-60), với bài « *Nguyễn Trường-Tộ, nhà thơ bất đắc chí trước hiềm họa, mất nước, vua yếu, quan hèn* », của Lê-công-Tâm ; như *Văn-hóa nguyệt san* với bài : *Nguyễn Trường-Tộ oát vấn đề kinh tế của Đào-văn-Hội* (số 19, 1957, trang 131-136) và bài : *Nguyễn Trường-Tộ (1828-1871) của Tư-Nguyên* (số 26, 1957, trang 1013-1021) v.v.. (1)

Gần đây, ông Nông-Sơn Nguyễn-Can Mộng có dịch nguyên văn một số bài điều trần theo bản chữ Hán của *Nam-Phong*, và đăng trên tạp chí *Văn-hóa Á-châu* :

1) Điều trần về tục lệ bên Tây và cách cư xử của phái đoàn khi đi sứ (V.H.A.C. số 1, tập III, loại mới, trang 72-74).

2) Điều trần ngày 16 tháng 2 năm Tự Đức 24 về việc giao thông với nước ngoài (V.H.A.C. tập III số 1 tháng 4 1960, trang 75-77).

3) Bài khai trần tình, ngày 20 tháng 3 năm Tự đức 16 (V.H.A.C. tập III số 2 tháng 5-1960), 5-83-89).

4) Điều trần về vấn đề tín ngưỡng, ngày 23 tháng 7 năm Tự đức 19. V. H.A.C. tập III số 3, tháng 6-1960, trang 73-77).

5) Điều trần về kinh tế quốc gia, ngày 29 tháng 8 năm Tự đức 24 (V.H. A.C. tập III số 4, tháng 7-1960, trang 67-78).

Công trình nghiên cứu mới nhất và có lẽ công phu nhất về Nguyễn Trường-Tộ là một luận án tiến sĩ văn chương, do ông Bùi-thế-Phúc, anh họ ông Bùi Kỳ, đệ trình tại Đại học đường Paris. (Theo lời người trong họ nói với chúng tôi).

Giới văn hóa, giáo dục ở đây chắc không lạ đối với ông, vì trước đây ông là giáo sư trường Sư-phạm và có thời kỳ là Đại diện Bộ Quốc-gia Giáo-dục tại Saigon trong khi Bộ này đặt trụ sở ở Hà-nội ; hiện nay ông làm giáo sư ở Paris.

Thiết nghĩ Ó. Bùi-thế-Phúc nên cho xuất bản luận án của ông để thỏa mãn những người muốn hiểu biết thêm về chí sĩ và học giả Nguyễn Trường-Tộ.

H.B.

(1) Chúng tôi xin cáo lỗi vì không thể kể hết các bài báo.



TỪ lâu trước, được đọc những bài báo và sách về Nguyễn Trường Tộ tiên sinh tôi đã say mê trước chân dung một bậc danh nhân vừa đầy lòng yêu nước vừa chứa đựng một học vấn bao la, hơn nữa lại là một nhà đạo đức gương mẫu.

Và tôi vẫn thầm ước nguyện có cơ hội thuận tiện đến tận quê hương nhà chí-sĩ để kính viếng phần mộ và thăm hỏi gia-đình người, hầu thỏa lòng sùng bái danh nhân.

Từ Ninh-bình quê tôi, hoặc từ Nam-định (nơi tôi hoạt-động buổi đầu với tờ tạp-chí *Thanh Niên*) đến Nghệ-an, quê hương của Nguyễn tiên-sinh, đường xa cũng chỉ bằng khoảng từ Saigon lên Lâm-đồng hoặc Di-linh, thế nhưng dưới thời thực dân, vượt « biên giới » từ « Bắc-kỳ » vào « Trung-kỳ » cũng khó khăn phiền phức như một cuộc xuất hành ngoại quốc ! Và lại tôi cũng chưa gặp được cơ hội nào thuận tiện.

Phải đợi đến những ngày sôi nổi trong bầu không khí « cách mạng » hồi cuối 1945 sang 1946, tôi mới thực hiện được mong ước xưa nay một cuộc hành trình vận động cho Liên-đoàn Công-Giáo và báo chí Công-Giáo, từ Hà-nội đến vĩ tuyến 16 lúc ấy ngăn cách hai khu vực ảnh hưởng Pháp Anh theo quyết định của Đồng-Minh.

Rời Hà-nội một buổi chiều đông giá lạnh — chiều áp lễ Giáng-sinh 1945 — sau những chặng hoạt động ở Nam-định, Ninh-bình, Thanh-hóa tôi đến Vinh trong thượng tuần tháng giêng dương lịch 1946, giữa lúc cuộc « tổng tuyển cử » của Việt-Minh đang diễn ra sôi nổi ở khắp nơi (bỏ phiếu ngày 6-1-1946).

Đến Xá-đoài, trung tâm hoạt động công giáo Nghệ-An, tôi được hai bạn tâm giao hướng dẫn : hai cán bộ nòng cốt của Liên Đoàn Công Giáo Địa phận Vinh mà ngày nay một người đã bị chôn vùi cách thế thảm dưới ba tấc đất

do sự đàn áp khủng bố của độc tài đỏ : Anh Phạm-Tuyên — một tấm gương can đảm phi thường !

Tại đây tôi được chứng kiến mấy công trình kiến trúc do tiên sinh đề lại, đáng chú ý nhất là căn nhà ba tầng (lầu) hình chữ thập, tục gọi « Nhà tây » lớn lao rộng rãi, dùng cho các linh mục hội họp làm tuần tĩnh tâm. Ngoài ra lại có một nhà hai tầng cho Cố giữ việc (quản lý) và một nhà trước kia Đức cha Ngô-gia-Hậu (Gautier) ở. Người ta còn kể một nhà nguyện kính Đức Mẹ, tại trường La-tinh ở gần đây cũng là tác phẩm của Nguyễn-tiên-sinh làm phảng phất theo kiểu nhà thờ Lô-đức (Lourdes). Các tác phẩm kiến trúc này, đến nay, đã được 100 tuổi thọ, mà vẫn bền vững cùng thời gian. Người ta chú ý thấy các tường gạch rất dày, không xây bằng xi măng (vì thời ấy ta không có xi măng) song bằng vôi trộn mật.

Từ Nhà-chung Xá-đoài đi ra phía sau, chỉ độ 100 thước, thì gặp một con kênh rộng chừng 10 thước lòng : đó chính là cái kênh do Ông Nguyễn Trường-Tộ đào, nối liền từ Cửa Lò đến Vinh, gọi là Kênh Sắt hay Kênh Gai, hay nói trống là « kênh đào ». Về việc đào kênh này, tập « Sự tích Ông Nguyễn Trường-Tộ », bản chép tay lưu trữ tại gia đình ông có chép một đoạn như sau :

« Tự Đức 19 là năm Bính dần (1866) tháng năm, Bộ sai quan Tổng đốc Nghệ-an là ông Hoàng-tá-Viem ra đào Kênh Sắt. Người được chỉ, ra trợ nơi xã Kim Khê, liền viết thư cậy ông Tộ đi xem xét hình thế đất, chỉ lối cho mà đào ; trước ông Cao-Biên là quan vua Đường bên Tàu, sang làm quan đô-hộ-ủy nước Nam, lại vua Quý-Ly nhà Hồ, đã đào không xong, vì mắc nhiều đá cuội dưới đất. Ông Tộ đi xem nói rằng : có một khúc vì nhiều đá lớn, như bên Tây có cốt mìn thì phá đi, ta không có nên phải tranh. Ông cầm nêu một hồi buổi sớm thì xong, dân phu cứ thế mà đào, thì kênh hoàn thành. Ông Tộ có làm bài thơ mừng kênh Sắt ».

(chép nguyên văn, chỉ đổi một vài chữ).

Kênh này làm cho Ông Nguyễn Trường-Tộ càng được biết tiếng, và nó đã thay thế cho những văn bằng đại khoa đề giới thiệu ông với vua Tự-đức. Quả thực, sau khi hoàn thành, ông Hoàng Kế-Viem phục tâu ông, liền làm sớ tiến cử ông với triều đình. Từ đó ông bước vào « đời công ».

Chúng tôi qua kênh trên một chiếc dò nan, sang bờ phía Tây là vào đất làng Bùi Chu, tổng Hải-Đô, phủ Hưng-Nguyên) tỉnh Nghệ-An, là nơi chôn nhau cắt rốn của ông Nguyễn Trường-Tộ. Từ bờ kênh đi theo đường ruộng, độ 300 thước thì đến nhà của Tiên sinh. Một kiến trúc sư đã từng xây bao dinh thự cho người, lại nuôi mộng lập bề rời non, xoay đời thời cuộc, vậy mà đến nhà riêng mình, thì chỉ là một căn nhà tranh ba gian, chật hẹp úp xúp ! Đó là một ấn tượng đập mạnh vào trí óc tôi... Có kiến trúc sư nào, ngày nay bằng lòng với cảnh khó nghèo đến thế không ? Tôi tự hỏi, và chỉ còn biết khâm phục con người trọng nghĩa khinh tài đến thế.

Tại căn nhà « lịch sử » này (vì đã tạo ra một nhân vật lịch sử) người trước hết chúng tôi được hân hạnh gặp là ông Nguyễn Trường-Vô, cháu đích tôn của Cụ Nguyễn Trường-Tộ. Ông nhã nhặn mời chúng tôi ngồi xuống một chiếc giường tre rồi bảo người nấu nước pha trà. Lát sau, mẹ ông cũng ở ngoài vườn về : đó là Bà Đồ Cửu (vợ ông Nguyễn Trường Cửu) con dâu nhà chí sĩ.

Trải qua 15 năm với bao nhiêu biến cố quan trọng chúng tôi thú thật không còn nhớ rõ hình dung tướng mạo và các chi tiết của cuộc viếng thăm. Dĩ nhiên, sau khi được người hướng dẫn giới thiệu là nhà báo — và là nhà báo công giáo — lúc ấy tôi đã đem hết lòng chân thành trọng vọng, bày tỏ lòng ngưỡng mộ đối với nhà chí sĩ họ Nguyễn và cảm tình quyến luyến đối với dòng họ, con cháu.

Bà Đồ Cửu và ông Nguyễn Trường Vô tỏ ra rất cảm động và thân ái đối với tôi. Bà bảo con cháu ra vườn cam trước nhà bẻ mấy trái to và

chín vàng đi đem về bỏ ra mời chúng tôi ăn. Các bạn hẳn đã biết vùng Xá-đoài này nổi tiếng vì thứ cam ngon ngọt nhất miền Trung cũng như cam Bó-hạ nổi tiếng ở miền Bắc. Nhưng tiếc thay! Những người sành ăn cho biết rằng tuy cam vùng này chỗ nào cũng gọi là « cam Xá-Đoài », song chỉ riêng ở làng Xá-Đoài, cam mới có cái mùi vị « đặc biệt Xá-đoài », còn như ở các làng lân cận, ngay như Bùi-chu chẳng

Đức Giám-mục, từng giúp đỡ Giám-mục trong nhiều việc khó khăn hệ trọng nhất là đối phó với các mưu thần chước quỷ của Cộng-sản. Hiện nay, cha Tín được cử trông coi xứ Kẻ Gai, thuộc quận Nghi-Lộc, Nghệ An, cá.h Xá-đoài 5 cây số.

Nhân cuộc viếng thăm này, tôi đã chú ý hỏi han các tài liệu và kỷ niệm của nhà chí sĩ, thì được ông Ng. Trường Võ lấy cho xem tập « sự tích » ông Nguyễn Trường-Tập bằng chữ nôm, viết tay trên giấy bản, do thân phụ ông là Nguyễn Trường - Cửu biên soạn. Ông có nhã ý cho chúng tôi mượn đem về Nam-dịnh sao chép lại để có tài liệu tham khảo. Sau đó, chúng tôi đã gửi trả bản chính, và hiện nay

tên Đức Giáo Hoàng, một bên đúc hình đền thánh Phêrô. Theo chúng tôi hiểu đó là loại huy chương kỷ niệm để ghi nhớ một biến cố quan trọng đặc biệt trong đời một vị Giáo hoàng : như lễ Đăng-quang chẳng hạn. Gia đình cho biết huy chương này do người cháu đi tu (L.M. Nguyễn Trường-Tín) giữ.

Còn về đạo sắc vua Khải-Định, nhân dịp lễ Tứ tuần đại khánh, truy tặng ông chức « Gia Nghị Đại Phu Hàn Lâm Viện Trục Học Sĩ » thì tôi không nhớ lúc ấy gia đình còn giữ không hay đã bị buộc lòng « đóng góp » cho tuần lễ hòa thiêu bằng sắc cũ do Việt-minh xướng xuất rồi.

Nhưng tôi tiếc nhất là kho sách của ông đã bị tản mát hết, không còn để chúng ta thử tìm biết ông tự học cách nào mà thông thái như vậy.

Bên mộ Chí-sĩ

Sau một giờ đồng hồ nói chuyện, uống trà và ăn cam Xá-đoài, chúng tôi cáo biệt bà Đồ-Cửu để ra viếng mộ chí sĩ Nguyễn Trường-Tập.

Mộ tiên sinh nằm ở ngay cánh đồng làng, chỗ gọi là bãi Đá-mài từ nhà ra không xa.

Trước kia mộ này chỉ là « một nấm cỏ khâu xanh rì » mỗi năm con cháu ra tu sửa một lần, rồi thắp nến đọc kinh cầu nguyện cho linh hồn Phao-lô (bồn mạng ông) hưởng phúc đời đời. Người đầu tiên đã có sáng kiến và hy sinh xây mộ cho ông, không ai khác hơn nhà văn Từ-Ngọc Nguyễn-Lân, tác giả cuốn Nguyễn Trường-Tập. Vào khoảng năm 1942, sau khi bán được 900 cuốn sách, tính tiền nhuận bút, ông được 110 đồng, lại có thêm 23đ của người khác góp, ông liền gửi cả vào cho cố Laygue, quản lý nhà chung, để nhờ xây mộ cho nhà chí-sĩ. Cố Laygue giao việc ấy cho Cha già Chân, chính xứ Xá-đoài. Thân hào vùng Thanh-Nghệ hưởng ứng, quyên được thêm 271đ. Thế là, ngôi mộ xây tôi được kính viếng lúc đó tuy không lay gì làm to lớn, mỹ thuật, cũng tiêu biểu

(Xem tiếp trang 22)

...VÀ GIA-ĐÌNH CHÍ-SĨ NGUYỄN TRƯỜNG-TẬP

Hồi ký của PHẠM ĐÌNH KHIÊM

hạn, dầu chỉ cách một con sông nhỏ, mùi vị của cam đã khác. Nhưng phần tôi được ăn cam vườn nhà ông Nguyễn Trường-Tập do nàng dâu của bậc danh nhân khoản đãi, thì dầu là cam mọc bên làng Bùi chu, tôi cũng cảm thấy ngon ngọt hơn « Cam Xá-đoài chính cống » rất nhiều !

Nguyễn tiên sinh còn có người cháu đích tôn khác nữa, em ông Nguyễn Trường-Vô là Nguyễn Trường-Vấn, lúc ấy đã rời gia đình đi tu, làm con cha Thân ở Đức hậu (Đô lương, Nghệ An). Về sau chúng tôi được biết Ông này đã đổi tên là Nguyễn Trường-Tín (có lẽ trong thời kỳ học chủng viện muốn tránh trùng tên với Cố Văn (R.P. Legourrierec) giám đốc chủng viện. Thụ phong linh mục khoảng năm 1953, cha Nguyễn Trường-Tín được chọn ngay làm bí thư cho Đức Cha Trần Hữu Đức, Giám mục địa phận Vinh. Với trí thông minh đặc biệt, lý sự vững chắc làm việc có phương pháp khoa học, linh mục Tín tuy là bí thư, nhưng cũng được coi như cố vấn của

chúng tôi còn giữ lại được bản sao nguyên văn.

Chính tài liệu căn bản này đã giúp ông Lê-Thước, người Hà-tĩnh, lúc ấy là Đốc học Nghệ-an viết thành bài tiểu sử Nguyễn Trường-Tập bằng chữ Hán đăng trong Nam Phong số 102 năm 1926, được nhiều người tra cứu. Tuy nhiên còn nhiều chi tiết mà Ông Lê-Thước cũng như ông Từ-Ngọc Nguyễn-Lân sau này chưa khai thác.

Dĩ nhiên trong cuộc viếng thăm này, tôi chú ý nhất đến những tập điều trần lịch sử của Tiên sinh, nhưng gia đình cho hay hiện không còn giữ được bản nào. Ông Nguyễn Trường-Vô còn phản nản với chúng tôi về một vụ nợ, trước làm tri phủ sở tại, có mượn một số tài liệu rồi ông đổi đi đâu mất và quên... không trả.

Hỏi về những kỷ niệm riêng của nhà chí-sĩ, gia-đình cho biết có tấm huy-chương do Đức Giáo Hoàng Piô IX ban tặng hồi ông sang viếng Rôma và vào châu Đức giáo Hoàng (khoảng 1860). Tấm huy chương này tròn, lớn hơn đồng bạc ta ngày trước ; một bên đúc hình và

MÂY VÂN THƠ

Một nén hương lòng

Vịnh ông Nguyễn Trường-Tộ

Non sông thiêng sáng đức nên tài,
 Những ước ra tâm giúp giống-nòi.
 Láy đạo-nghĩa xưa làm mực-thước,
 Đem khoa-học mới đề trau-giồi.
 Bao phen xuất-ngoại lòng nuôi mộng,
 Mấy độ trần-tinh lệ nhỏ rơi
 Hồn ám kẻ chi phùng sống tạm,
 Nghìn thu luống để tiếc thương ai !

Á-NAM TRẦN-TUẤN-KHAI

Nhớ người yêu nước

Lần giờ trang sử Việt
 Đọc truyện các danh-nhân
 Nhớ ông Nguyễn-Trường-Tộ
 Quê Nghệ-An, Trung-phần
 Sinh dưới Triều Minh-Mạng
 Tuy không là đại-thần
 Nhưng nặng lòng yêu Nước
 Tận-tụy với Quốc-Dân
 Gặp hồi Vua cấm đạo,
 Ông đi xa lánh thân.
 Biết nhìn cao trông rộng,
 Học hỏi đề canh-tân.
 Qua Ba Lê, Hương-Cảng
 Về nước dâng điều-trần
 X'n Triều-đình cải-cách
 Trước hết lo việc quân
 Phải có vũ-khí mới
 Đề chống đối ngoại-xâm
 Công, Thương cần rộng mở
 Kinh-tế phải nắm phần
 Văn-hóa nên sửa-đổi
 Giáo-dục dùng quốc-âm
 Thanh-niên cho du học
 Ngoại-giao là việc cần ;

Cho ngoại-quốc buôn-bán
 Gây thêm tình tương thân.

Vua quan quá cố-chấp
 Tư-tướng Ông chết lần
 Sự-nghiệp Ông tan vỡ
 Sống được qua tứ tuần.
 Hoài-bào Ông không đợi
 Non-sông cũng mất dần
 Tài Ông Vua không dụng
 Ngàn sau còn thương-tâm
 Viết mấy lời than-tiếc
 Góp với báo Văn-Đàn
 Nhớ thương người ái-quốc
 Văn, thay nén hương trầm.
 Anh hồn xin ủng-hộ
 Nước Việt sớm hồi-xuân
 Xóa nhà ranh Bến-Hải
 Chấm dứt nạn qua phân
 Mong ngày về Xứ Nghệ
 Đến thăm viếng mộ phần
 Tạ ơn Người để lại
 Cho đời một phương-châm

Minh-Đạo
 NGUYỄN-BÁ

NGUYỄN TRƯỜNG-TỘ và Y-ĐĂNG BÁC-VĂN

NGUUYỄN TRƯỜNG-TỘ tiên-sinh chẳng những là người Việt-Nam sáng suốt nhất ở thế kỷ 19, mà có lẽ cũng là một trong những người đồng thời ở Đông-Á đã hiểu biết nhất về tình hình thế-giới đã uyên thâm về nho học, lại thấu thái được cả những tinh hoa của nền Tây-học hồi bấy giờ.

Tài năng, học lực của tiên sinh nếu được vua Tự-Đức và triều đình Huế khai thác triệt để có lẽ cuộc diện Việt Nam đã hoàn toàn thay đổi, mà cuộc diện cả vùng Đông-Á cũng chịu ảnh hưởng rất nhiều.

Cuối thế-kỷ 18 đến đầu thế-kỷ 19, nước Việt-Nam đã tạo được ở Á châu một địa vị vô cùng xứng đáng và một uy tín hầu như ngang với Trung hoa: Đồng thời, có lẽ Nhật bản trước con mắt của nhiều quốc gia ở Á đông, không thể sánh vai cùng Việt Nam. Uy thế của Việt Nam đã được củng cố nhờ: những trận Nguyễn Huệ chiến thắng quân Xiêm la đã qua giúp Nguyễn Ánh ở Nam Việt (1785), Nguyễn Ánh giúp Xiêm chiến thắng Miến Điện (1785-86), và nhất là trận Nguyễn-Huệ đại phá 20 vạn quân nhà Thanh do Tôn-sĩ-Nghị lấy cớ giúp vua Chiêu-thống, sang đánh chiếm cả Bắc-Hà (1789)... Sau đó vua Gia-Long nhất thống sơn hà, tổ chức việc nước, ngoại giao với Tây-phương, cải tổ quân lực và hành chánh, xây đắp thành trì, đúc súng đóng thuyền theo kiểu Âu-Châu v.v., những sự kiện ấy đã đem Việt-Nam vào hàng ngũ những nước có thế lực nhất ở Á-đông... Tuy-nhiên, tình-thế ấy đã biến đổi do chánh sách thủ-cụ của con cháu vua Gia-long đã làm cho giang-san ngày một suy-vi. Óc thủ-cụ của các nhà cầm quyền ở Việt-Nam cũng như ở Trung-hoa, ở Nhật-bản, ở Xiêm-la... đã đưa tất cả

các nước Á-đông đến chỗ thất bại đau đớn trước sự gặp gỡ với Tây phương.

Muốn chống lại Tây phương, chỉ còn cách phải sớm học lại Tây phương. Ở Việt-Nam, Nguyễn Trường-Tộ cùng các đồng-chí (như Nguyễn-Điền v.v...) đã hiểu thế, cũng như ở Nhật Y-đăng Bác-văn và các bạn (Kaoru Inouye...) cũng đã hiểu thế. Nguyễn Trường-Tộ nhờ các Linh mục người Âu (nhất là Đức Cha Gauthier mà thời nhân thường gọi là Ngô-gia-Hậu...) mà thấu-thái học văn Tây-phương, rồi lại do các Linh-mục đưa đi du học ở Âu-châu để bồi túc trí thức. Đồng thời ở Nhật bản, trái với các nhà cầm quyền vẫn khư khư muốn giữ lễ lối cổ truyền và chém giết hành-phạt những ai chủ-trương cải cách theo Tây-phương (chẳng khác gì triều đình Minh-Mạng, Thiệu-trị và Tự-Đức)... một nhóm người đã bạo dạn đứng lên tìm phương tiện cải hóa nước nhà. Y-Đăng đã cùng Inouye bí mật trốn sang Anh để học, trong khi nhiều người hoặc đi công khai hoặc cũng trốn tránh đi du (học ở Hòa-Lan, Đức, Pháp, Hoa-Kỳ như Enomoto đã sang Hòa-Lan, Fukuzawa và Nitshima đã đi Mỹ...).

Nguyễn Trường-Tộ được đi Pháp năm 1859, Y-đăng Bác-Văn trốn đi Anh năm 1863. Hai người đã có dịp đi Tây về Đông mấy lượt, và các cụ xưa đã kể lại rằng chính trong một chuyến du hành ấy hai nhà ái-quốc Việt-Nhật đã do một cuộc bút-dàm bằng Hán-văn, mà quen biết nhau (1) Đồng thanh tương ứng, đồng theo một chí-hướng cùng đi cầu học Tây-phương để cứu-quốc, hai người cùng trở thành bạn đã mền phục nhau. Hình như hai bạn thanh-niên đã cùng nhau trao đổi kế-hoạch cứu-quốc và kiến-quốc, và nhà ái-quốc Nhật đã hết sức tán-phục tài học của bạn đồng-hành, và đã thốt ra một câu nói rất bồi-ngùi: "Với tài học của tiên-sinh,

của ĐÀO-ĐĂNG-VỸ

chắc quý quốc sẽ chóng thành-tựu trên đường cải tiến và thế nào cũng chống lại được ngoại-xâm. Chỉ lo cho số-phận chúng tôi không biết sẽ ra sao, vì ở nước chúng tôi e ít ai tài học được như tiên-sinh... Về tương-lai, nếu đời ta đều được trọng-dụng, sẽ xin hai nước tương-trợ lẫn nhau !.."

Giai-thoại trên đây không biết có đúng sự thật hay không, chúng tôi không đủ tài liệu để xác nhận, chỉ nghe nói rằng sau những ngày tương-hội trên tàu, hai người về xứ đã có trao đổi thơ từ cho nhau! Những thơ ấy về phần Nguyễn tiên-sinh không thấy ai còn giữ lại, không biết ở Nhật, trong gia-đình cố thủ-tướng Ito Hirobumi có còn lại vết tích gì không!

Chúng ta chỉ ngậm ngùi mà suy tưởng đến sự thành bại ở đời, sự tồn vong của các dân tộc, vận rủi may có thể xảy đến cho các cá nhân cũng như cho các quốc gia!

Y-Đăng về tài năng học lực có lẽ cũng chỉ là đàn em của Nguyễn-Trường-Tộ (dàn giai thoại có đúng sự thật hay không). Xuất dương du học năm 1863, sau khi trở về nước, Y-đăng đã cùng các đồng chí lật đổ chế độ Mạc-phủ và ủng hộ Thiên-hoàng, lấy lại quyền bính. Năm 1869, ông đã từng giữ chức Thứ-tướng bộ Tài-chánh. Đến 1871-1873, ông được cùng Phái-bộ Hoàng-thân Tomomi Iwakura đi vòng quanh Thế-giới. Năm chức bộ-trưởng công tác năm 1872, lại đi Âu-châu, và khi về được lên chức Thủ-tướng, ông đã đề nghị và thi hành những việc cải cách quan

(Xem tiếp trang 23)

(1) Trong tập nghiên cứu về Nguyễn Trường-Tộ bằng Pháp văn, nhan đề là Nguyễn-Trường-Tộ et son temps đăng ở báo La Patrie Annamite (1937-1938), chúng tôi đã từng kể lại cuộc gặp gỡ này. Hầu hết những chánh ý của các Điều trần Nguyễn Trường-Tộ, cũng đã dịch ra Pháp văn trong tập nghiên cứu này.

KẾ-HOẠCH VAY TIỀN HƯƠNG-CẢNG để tăng - cường Quốc - Phòng

Bản điều-trần gửi lên Cơ-mật-viện ngày 21 tháng 2
năm Tự-Đức thứ 24 tức 10 tháng tự năm 1871

Lần đầu tiên dịch ra Việt-văn do **TRẦN-HỮU-HUYỀN**

L. T. S. — Bản điều trần này từ trước đến nay hình như chưa ai dịch. Nhiều người thường nhắc đến bài « Điều trần về việc tu chỉnh oổ-bị » (ngày 2 tháng 5 năm Tự-Đức 24) nhưng cũng ít thấy kẻ đến tìm liệu này.

Trong văn kiện này, Ông Nguyễn Trường-Tộ đề nghị :

10) Tổ chức đạo binh kỳ mã để giữ an ninh trên đất, quân đội đồ vật và, quốc gia đỡ chi phí ;

20) Lập nhà máy chế tạo đồ dùng, máy móc, súng đạn, binh khí ;

30) Mua tàu chiến, tổ chức canh phòng hải phận để trừ giặc bề.

Đề có ngân khoản thực hiện ba công tác này, 'ác giả đề nghị vay 8—9 triệu quan tại Hương-cảng và ông bảo đảm sẽ vay được. Ta biết rằng, trong thời gian lưu trú ở đây, ông đã có dịp làm quen với tất cả các giới chánh quyền, tôn giáo cũng như thương gia, kỹ nghệ gia.

Ngày 21 tháng 2 năm Tự
Đức thứ 24 (1)

TÔI là giáo sĩ (2) Nguyễn Trường-Tộ xin kính trình :
Ngô-Khởi đã nói : đạo dùng binh, trước phải lo cho của cải phong phú, sau mới dùng tới sức.

Tiêu Thố đã nói : thóc nhiều, của dư, hễ đánh đâu thì lấy được đó, giữ chỗ nào thì vững được nơi đó.

Luận ngữ cũng nói : ăn uống no đủ thì dân tin tưởng. Lại nói : làm cho giàu có trước, rồi sau mới dạy dỗ.

Đu thấy một quốc gia phải được giàu có trước, rồi sau mới mạnh được.

Nước ta gần đây, hết đánh nam tới dẹp bắc, của cải tích trữ cạn sạch cả. Dân gian thì hết tai này tới nạn khác, làng mạc đều hư hỏng. Ngoài thì giặc bề hoành hành, đường buôn tắc nghẽn. Trong thì sự cung đốn mỗi ngày càng tăng, dân tình chia rẽ !

Thầy đều do bệnh thiếu của cải mà ra cả !

Tôi được thấy các nước Tây phương đều có vay mượn nhiều ở các nhà đại phú thương, để cứu vãn tình thế khi cần, rồi sau đó mới trả lại nợ.

Nước lớn bao nhiêu tất nợ thiếu nhiều bấy nhiêu, thế mà không ai cho như vậy là yếu kém, hoặc coi là kẻ dở !

Nay tôi nài xin hãy sai người đi Hương Cảng, vay tạm độ 8-9 triệu quan của những nhà buôn lớn. (Tôi xin bảo đảm rằng được). Mỗi năm trả số tiền lời cho họ, hoặc định hạn đem hóa vật của ta giao cho họ để trừ ngang với số nợ (hoặc họ tới lấy, hoặc ta đem giao đều được cả) hoặc cho họ được thông thương ở một hai cửa bờ để đánh thuế khẩu trừ ; hoặc cho họ được đồn gỗ tại một hai khu rừng (về chỗ ích lợi lâu dài của những việc này, tôi đã trình bày rõ ràng trong bài « khai hoang từ lúc trước », rồi định hạn mỗi năm trừ đi một số độ bao nhiêu tiền. Khế ước thì lập theo luật Tây, sau đó nhờ quan chức Anh Quốc làm chứng, có thể bảo đảm được vĩnh viễn, không gì phải nghi ngại.

Khi ta đã có được một số tiền lớn lao này, đem về sẽ cùng một lúc ra tay. Đã có vốn to tất phải có lợi lớn ! Đó là lẽ thường.

Một mặt, trước hết ta đi Ma-Ní-La, mua về khoảng 400 — 500 cỗ ngựa đã được tập luyện. Lại mượn độ 100 người Ma-Ní, đưa về điều tập với quân

ta. Khí hậu, thổ ngơi họ giống như ta ; và lại giá ngựa cũng không quá đắt. Những tay kỵ mã của họ rất nổi tiếng tài, dùng họ tập dượt cho người mình, tất sẽ trở nên lành nghề. Sự ăn uống cư xử của họ cũng giống như người mình, nên vấn đề nuôi dưỡng không có gì khó.

Mã trận thật đặc lực nhất cho binh gia.

Thử xem quân đội tây phương, dù kéo binh tới bất cứ chỗ nào, cũng đều đem theo xe ngựa để dùng vào những trường hợp gấp rút.

Khi ta đã tập thành được mã trận (mã trận của họ rất giỏi, quân họ đều thành, thực), nhân chuyển đi này, lại mua thêm lấy độ 500-600 cây súng mã pháo, và sắm thêm khoảng 20 khẩu súng đồng lớn loại tử mẫu, có đầy đủ đạn dược xe cộ.

Rồi sau đem bộ binh cùng súng lớn đóng chính giữa, còn mã trận chia làm hai cánh tả hữu. Từ đại lộ bằng phẳng, chỉ việc một mặt bắn vào đồn giặc. Khi đồn vỡ, giặc tan, thì dùng Mã-binh chia ngả đuổi đánh, mới tào thanh được.

Công dụng của mã trận có nhiều phương diện, lại dễ dàng thi thố, người ta đã biết nhiều, khỏi cần nói thêm.

Việc binh chỉ nghe nói tới chỗ vụng mà mau lẹ, chớ chưa từng nghe nói tới chỗ khéo mà lâu lắc. Nếu như dùng lối tốc chiến mà thắng lợi được thì dẫu có thiệt hại lớn, cũng có lợi lớn. Há lại chẳng hơn cứ kéo dài hòng chiêu dụ, để còn mắc thêm mối lo nạn nuôi giặc phòng giặc nữa sao ?

Huống chi việc dùng mã trận này cũng chưa đến nỗi hao tổn lớn lao chi.

(1) Từ c 10 tháng 4 năm 1871. — 7 tháng trước khi Tiên sinh từ trần.

(2) Chữ giáo sĩ đây chỉ có nghĩa là một nhân sĩ theo Công giáo, không có nghĩa như ngày nay là linh mục, tu sĩ.

Bây giờ dùng nó để tạm đối phó với một việc cần kíp, đến sau lại dùng để thi hành mã chính, mà trở nên cách dùng không hết cho quốc gia, há lại chẳng là nhất cử lưỡng lợi sao ?

Một mặt lấy khoản tiền này mà cấp thêm bổng lộc cho quan binh trong quân ngũ để khuyến khích tinh thần (khoản này tôi đã trình bày rõ trong bài « 7 cấp tu vô điều » khi trước, xin miễn nhắc lại).

Một mặt đem khoản tiền này để mua sắm những thứ thật cần thiết cho việc chế tạo đồ dùng buổi ban đầu như sửa chữa máy móc, chế súng, đúc đạn, nấu tự-lai-hòa (?) cùng với các binh khí. Tất cả các khí cụ kê trên đây mua về rồi lập riêng lấy một xưởng máy móc, thuê người Anh và Pháp, mỗi nghề một người để dạy cho thợ thuyền của ta chế tạo lấy đồ cần dùng.

Đã có người tây phương hợp tác với người mình, chẳng những có thể có được đồ dùng cho lúc này, mà trong 5, 6 năm tới, thợ thuyền của ta dần dà thành khéo léo nữa, hóa ra nhất cử lưỡng tiện vậy.

Mấy năm gần đây, sở dĩ giặc bề tại nước ta ngày một tăng, đều tại : mậu dịch Trung Quốc lúc này thêm thịnh vượng. Họ đã chế tạo được nhiều tàu tuần bề có súng lớn. Tàu buôn và tàu binh của Tây phương đi lại ngoài mặt bể như mắc cửi. Về phía người Pháp, họ lại tuần phòng nghiêm ngặt suốt từ Bình-Thuận tới Hà-Tiên. Vì thế, bọn giặc bề khó lòng làm hòng nơi hai mặt biên đó, nên đã lặn trốn tới gửi chân nơi hải phận của ta.

Nay nếu như ta mua được lấy 5, 6 chiếc tàu lớn kiên cố, mỗi chiếc có khoảng 10 khẩu súng lớn loại tử mấu, lại thuê mỗi tàu một người Anh với một người Pháp để trông coi máy móc và 4 người để tập bắn. Họ sẽ hợp cùng quân ta, vừa tuần tiễu vừa tập duyệt dần thành thế trận chữ nhất từ Bắc vào Nam, rồi từ Nam ra Bắc sẽ bắt giữ tất cả bọn giặc bề đem trị tội. Thuyền sẽ xung công. Nơi nào giặc bề đóng thành sào huyệt, thì ta đem những tàu lớn tới tiêu trừ, giặc tất phải tan vỡ. Bị mất chỗ tụ tập, chúng sẽ khó lòng vào được nội địa của ta.

Một khi giặc bề của nước nhà đã bị mã trận phá vỡ, thì dân chúng được yên ổn làm ăn. Quân đội được nghỉ ngơi, quốc gia tình giảm được chi phí. Trên mặt bể không còn giặc cướp phá khuấy, việc buôn bán đi lại Nam Bắc sẽ được thuận tiện. Nơi Kinh thành thì đồ dùng về máy móc cũng đã được luyện tập thành thục, ngày một thêm tinh. Ta lại đem những thợ thuyền đã hiểu rành công việc, chia đi dạy lại các tỉnh khác, một dạy thành mười.

Đủ được 3 việc lớn nói trên thì con đường tự cường tức khắc xuất hiện vậy.

Mà nếu muốn cùng một lúc cử hành cả 3 việc nọ, tất nhiên cần phải có một số tiền to tát mới làm đắc lực được. Nếu chỉ trông cậy vào thuế khóa quốc gia, thì số thuế chỉ có hạn, chỉ đủ cung ứng cho những chi dụng hàng ngày, còn mong làm việc lớn sao nổi ? Một khi

đã đào tạo được những thầy thợ lành nghề máy móc, ta đem dùng khai thác các nguồn lợi, chế tạo đồ dùng.

Lúc đó, quốc gia yên lành. Lành nhiều tiêu ít, sẽ thừa sức trả nợ vậy.

Nhược bằng chẳng mau làm theo đường lối thiên hạ thường làm, để kịp thời cứu vãn khi không có, thì dầu cho đến Khổng-Minh có tái thế. Lưu-An có sống lại, cũng không thi thố được.

Tôn Tử đã nói : sức thiếu, tiền ít, thì người ta sẽ thừa chỗ kém đó mà nổi dậy, dầu có bậc trí cũng không làm nên chuyện được.

Tôi thành thực có ý nghĩ như vậy cho nên xin đem đường lối của bậc trí giả trong thiên hạ đã làm, để trình bày, nhưng còn chưa dám rõ có hợp với sự thế nước nhà hay không.

Xin kính bầm cùng liệt vị đại thần cơ mật viện soi xét.

NGƯỜI VIỆT NÓI TIẾNG VIỆT

Lệnh-lang

MỘT ông bạn nhà nho của tôi vừa tạt cho tôi một cái này lửa vì tôi đọc một « Tin mừng » đăng trong báo mà cho ông biết :

— Ông tỉnh trưởng tỉnh X. vừa làm lễ thành hôn cho « Lệnh-lang »

— Anh nói sao ? Con trai tôi mới 6 tuổi mà thành hôn cái gì ! Và lại ông tỉnh trưởng tỉnh X. có ăn thua gì tới tôi mà lấy vợ cho con tôi ? Ông nhà nho nòi nóng hổi như thế.

Suy nghĩ lại thì mình bị bật tai đáng lắm « Lệnh-lang » là danh từ dùng trong giới quan-trường, quý-tộc, có nghĩa là con trai của ông (người đối thoại trực tiếp với mình). Ví dụ mình hỏi : « Thừa Ngài, hồi này lệnh lang có học ở Mỹ chứ ! »

Té ra có nhiều « Tin mừng » đăng báo dùng danh từ « lệnh-lang » đã vô tình... cưới vợ cho con trai tất cả các bạn đọc và cưới có đúng một cô.

Lưu-ý-ông

Mấy năm nay, có hai chữ « lưu ý » bị dùng khác với nghĩa đã dùng từ trước tới giờ. Ví dụ : Tôi « lưu ý » ông thay vì : Tôi xin ông lưu ý.

Trước đây, các danh từ : lưu ý, chú ý, lưu tâm, vấn đồng nghĩa. Người ta nói : Chánh phủ lưu ý đến việc học của dân, nghĩa rõ ràng là : chánh phủ đã đề tâm, đề ý đến việc học của dân.

Còn muốn người khác đề ý đến việc gì thì người ta nói : « Tôi xin ông lưu ý đến việc này » chứ không nói « Tôi lưu ý ông việc này ».

Ít lâu nay có một vài công văn đã tránh sự dùng lầm danh từ « lưu ý » và thấy có công sở đã viết : « Tôi xin ông lưu ý » thay vì « Tôi lưu ý ông ».

Ta phải tránh sao cho cùng một danh từ mà trong một cuốn sách xuất bản 10 năm trước và một cuốn xuất bản 10 năm sau lại có hai nghĩa khác nhau.
A.B.C.

NGUYỄN TRƯỜNG - TỘ

Kiến-trúc-sư tiên khởi của ngành kiến-trúc mới Việt-Nam

★ Phát giác một sử-liệu giá-trị của người đương thời làm chứng về cá-tính ông Nguyễn Trường-Tộ.

SỐ 4, đại lộ Cường-Đề Sài-gon có gì lạ ?

Xin thưa : Đó là tòa nhà thứ nhất của Thủ-đô xây theo kiến trúc Âu-Tây, chỉ còn ba năm nữa lên thượng thọ bạch tuế (1864-1964).

Các giới tôn giáo, giáo dục, từ thiện, và phụ huynh học sinh ở đây không lạ gì tòa nhà lớn lao đó : Người ta quen gọi « Nhà Trắng » không phải vì sơn toàn màu trắng như tòa Bạch-ố của Tổng-Thống Mỹ, nhưng vì chủ nhân là những nữ tu trình bạch từ linh hồn, thề xác đến y phục : các chị em Dòng Thánh Phao lô gốc ở thành Chartres (Soeurs de Saint Paul de Chartres).

Đó cũng là trụ sở một tư thực có lưu học xá, quan trọng vào bậc nhất Thủ-đô với số 1.600 học sinh, kể cả nội trú, từ mẫu giáo đến tú tài.

Tòa nhà kỷ cụ này ở thẳng công vào, trước có sân và giữa sân có tượng Thánh Bồn mạng của Dòng. Đó là một tòa kiến trúc ba tầng (nói theo kiểu thông thường của ta) không hề hầm chứa đồ đạc, bề dài 45 thước tây, rộng 26 thước, cao 18 thước, tiếp liền với một nhà nguyện cực kỳ xinh xắn, với 48 thước chiều dài, 26 thước chiều rộng và 20 thước chiều cao.

Hàng chục ngàn gia đình từ bao lâu nay có liên hệ với tòa nhà này, ít ai ngờ rằng đây là dấu tích của một bậc danh nhân đáng kính trong sử Việt. Ngay đến các bà Phước, tuy vẫn ghi nhớ công ơn của kiến trúc sư buổi đầu, nhưng lại ghi tên kiến trúc sư ấy là một « Thầy Học » nào đó chứ chẳng phải một danh nhân nào !

Vậy thì ai đã xây tòa nhà kỷ cụ nhất thủ-đô và xây trong trường hợp nào ? Ba tài liệu « đầu tay » sẽ giải đáp các câu hỏi đó.

Kiến trúc - sư Nguyễn Trường-Tộ

Tập Sự-tích Ông Nguyễn Trường-Tộ do con trai là Nguyễn Trường-Cử

soạn, hiện chúng tôi giữ bản sao — có đoạn như sau, viết theo lối văn cổ sơ :

...« Rồi (ông Nguyễn-trường-Tộ) sang nước Đại-Pháp, ở thành Đa-lê, là kinh-đô, đi du lịch xem chính trị, học hành, kỹ nghệ, phong tục nước Đại-Pháp, Khi nghe lạng sắp (1) rồi, thì Đức Cha Hậu (2) lại đem ông Tộ và các Cụ (3) về Nhà-chung Xã-đoài mà ở. Bấy giờ trong Nhà-chung, ngoài dân sự, tan lành tả tơi, chẳng còn gì nữa, thì ông Tộ ra mẫu và coi sóc làm nhà phòng cho Đức Cha Hậu ở, có làm cái vụng lâu để cầu

Tây-quốc cơ đồ... (câu này thiếu 3 chữ)

Nam thiên vũ lộ túc niêm nhu (4)

Lại làm nhà hai tầng cho Cố giữ việc ở, và nhà Trông La tinh ba tầng, hình chữ thập gọi là « nhà tây » cho học trò la-linh ở và học, hãy còn đến rầy (5), cùng làm nhà thờ Đức Bà riêng cho học trò, theo mẫu nhà thờ Đức Bà hiện ra thành Lộ đức (Lourdes) đẹp lắm, và ở ngoài xây tường cái hoa lộng, giống các sắc hoa tây nam rực rỡ xanh tươi vui mắt lắm, rầy hư rồi. Đoạn tựu vườn làm nhà ở phía bắc Nhà-chung, làm iờ để lại, cũng cả nhà và vườn cho Nhà-chung, rồi vào Gia-định làm sở nhà Bà Phước cho các người nhà mự Tây ở ».

Như vậy sự nghiệp kiến-trúc của Ông Nguyễn Trường-Tộ cũng rất quan-trọng nhất là ở buổi giao thời khó khăn ấy.

Bốn tòa nhà ở Xã-đoài, thì đã rõ rệt rồi, còn « Sở Bà Phước... Nhà Mụ Tây » ở Gia-định là nhà nào ?

Lịch sử truyền giáo cho biết : khoảng tháng tư năm 1860, đáp lời mời của Đức Giám mục Lefebvre, các Nữ tu Dòng Thánh Phao lô gốc ở thành Chartres, từ căn cứ Hương cảng đặt chân đến Sài-gon. Tháng mười năm sau (1861), đến lượt các Nữ tu Dòng kín từ Lisieux đến. Thoạt đầu mấy Nữ tu đầu tiên của hai Dòng chia nhau ở chung căn nhà lờ lẽ gần nhờ thờ ở khu chợ cũ bấy giờ. Sang năm 1862, Mẹ Philomène, bề trên Dòng kín, quyết định xây cơ sở viện tu trên khu đất Đường Thành (Rue de la Citadelle) sau đổi là đại lộ Luro, tức đại lộ Cường-Đề ngày nay, đến cuối năm thì hoàn tất. Cùng năm ấy vào tháng chín Mẹ Benjamin, bề trên Dòng thánh

★ PHẠM ĐÌNH KHIÊM ★

Phao lô cũng khởi công xây cất « Nhà trắng » đối diện ngay với Dòng Kín. Công cuộc này phải thực hiện trong hai năm mới hoàn thành.

Các tài liệu đều cho biết lúc ấy Giám mục địa phận Vĩnh là Ngô-Gia-Hậu (Gauthier) có mặt tại Saigon và trong khi chờ trở về Nghệ An, người nhận làm tuyên úy cho Nhà Kín. Như vậy tất cả ông Nguyễn Trường-Tộ. Nhưng ông đã xây ngôi nhà nào trong số hai « nhà mụ tây » nói trên ?

Dòng kín chẳng ? Không phải. Vì ký sự Dòng Kín ghi rõ tên người đảm nhận việc xây cất là cha Roy, Linh mục thừa sai.

Vậy chỉ còn « Nhà trắng ». Nhưng, như trên đã nói, ký sự « Nhà trắng » lại ghi tên kiến trúc sư là « Thầy Học ». Phải nhờ phương pháp phê bình sử học, chúng ta mới trả lại được cho danh nhân Nguyễn Trường-Tộ tác phẩm kiến trúc quan trọng nhất của ông.

Tài liệu của Nhà - trắng

Đây là một tập tài liệu viết tay, nhan đề « La Création des Etablissements des Soeurs de Saint Paul de Chartres en Extrême-Orient » (ký sự về thành lập các cơ sở Dòng Thánh Phao lô thành Chartres tại Viễn Đông) do Mẹ Benjamin, sáng lập Nhà Trắng, soạn thảo và lưu lại như « gia phả » của ta. Trong khi viết về « Thầy Học » tác giả đã đề lộ nhiều phương diện khiến ta có thể nhận ra được nhân vật ấy chính là Nguyễn Trường-Tộ tiên sinh.

Đặc biệt, tác giả cho biết ; Mẹ Bề trên phải thỏa thuận với Đức Cha Ngô Gia Hậu đề « Thầy Học » xây cất Nhà trắng. Như vậy đủ hiểu « Thầy Học » là người tùy tùng Đức Cha, môn đệ Đức Cha.

Tác giả lại nói « Thầy Học » là giáo hữu Đàng Ngoài, là « chủng sinh » (séminariste).

Sau cùng, tác giả cho biết « Thầy Học » rất thông minh, rất linh hoạt hoàn toàn tự tín ở tài nghệ của mình và hi sinh không cầu lợi.

Tất cả các chi tiết ấy ứng hợp hoàn toàn với ông Nguyễn Trường Tộ, từ địa vị, quê quán, học thức đề cá tính, đức hạnh và chỉ mình ông thôi—mặc dầu Đức Cha Ngô gia Hậu, trên đường lưu vong, có mang theo ba đồ đệ khác nữa như dẫn ở trên. Dĩ nhiên, ông không phải là « chủng sinh », nhưng hoàn cảnh ông lúc đó và mối liên hệ với Đức Cha Hậu khiến mọi người coi ông cũng là chủng sinh như ba bạn đồng hành khác.

Sau cùng, ngay đến hai tiếng « Thầy Học » dùng để chỉ ông Nguyễn Trường Tộ cũng rất là xứng hợp với ông : Ông đã từng làm *thầy dạy học* cho Nhà Chung, và đã tỏ ra là con người ham học, học giỏi, lúc nào cũng học, không ai hơn !

Như vậy, vị kiến-trúc-sư xây cất Nhà Trắng Saigon đích danh là ông Nguyễn Trường-Tộ. Danh xưng « Thầy Học » có lẽ là một « biệt hiệu » thông thường người ta dùng để chỉ về ông, mà bà Phước tây ghi vào ký-sự như tên riêng. Vào thời ấy, ở hoàn cảnh ấy, với những chi-tiết ấy, ngoài ông ra, không có nhân vật nào khác thích ứng với « sử liệu » của Nhà Trắng.

TÀI LIỆU TỪ PARIS

Giả như còn ai thắc mắc, chúng tôi lại xin đưa thêm một bằng cứ khác nữa cũng vào thời đó. Tạp chí « *La Semaine religieuse* » ở Paris, năm 1867, quyển II, trang 731, nhân nói về phái đoàn do vua Tự đức cử sang Pháp hồi ấy, có viết :

« Người Đông phương ở trong phái bộ thì có hai ông quan và một người kiến trúc sư Công giáo, có trí nhớ lạ lùng, tài năng lỗi lạc, và chính là người đã xây giáo đường của ta ở Sài gòn ».

Hai ông quan là Nguyễn Tấn Doãn và Trần Văn Đạo. Kiến trúc sư chính là Nguyễn Trường Tộ. Công cuộc kiến thiết của ông được tiếng vang tận trời Âu, thời phải là một công cuộc lớn. Xét thời bấy giờ, Nhà thờ Đức Bà chưa xây, còn đặt tạm ở Chợ cũ. Vậy trong giáo đoàn Saigon, nếu có công cuộc kiến trúc nào lớn lao đáng kể, thì chỉ là Tu viện của Dòng Thánh Phaolô, vừa khánh thành trước đó mới ba năm,

Nhân đây, chúng tôi tưởng có thể nhận định rằng Nhà trắng Saigon được xây trước các cơ sở ở Xã Đoài, và là

tác phẩm kiến trúc đầu tay của Nguyễn Tiên sinh đồng thời là tòa nhà đầu tiên ở Việt-Nam theo khoa kiến trúc mới. Bằng cứ : Tiên sinh xuất ngoại năm 1860 mà năm 1862 ông đã khởi công xây cất ở Saigon, vậy có thời giờ đâu mà xây bao nhiêu công cuộc khác ở quê hương. Điều này cũng xác nhận một chi tiết về tiểu sử : Từ Âu-Châu ông về Saigon trước, rồi mới về Nghệ an sau năm 1864. Còn về phí tổn xây cất Nhà trắng có tác giả (không ghi xuất xứ) viết : theo sự ước lượng thông thường phải tốn ba chục vạn đồng nhưng ông Nguyễn Trường Tộ chỉ làm hết mười vạn. Điều ấy chúng tôi tưởng là lời truyền tụng mà thôi.

Một bức chân dung linh động

Đến đây, chúng tôi xin trở lại với bản ký sự của Nhà trắng Saigon, một tài liệu quý giá liên hệ đến tiểu sử ông Nguyễn Trường Tộ. Ngoài việc xác nhận sự nghiệp kiến trúc của ông, tài liệu này còn đề lộ những nét độc đáo về cá tính Tiên sinh và uy tín Tiên sinh đối với người đương thời. Vì vậy chúng tôi xin trích dịch nguyên văn công hiến bạn đọc và bổ túc sử liệu về Tiên sinh.

Ký sự viết :

«... «Được khu đất tốt đẹp như vậy, lại chán cảnh tạm bợ nhiều khi còn lộn xộn, bà bề trên liền quyết định xây nhà vững chắc. Bà bàn tính công việc xây cất ấy với Đức Cha Gauthier và Cha Croc (6) các vị này đồng ý rằng khi trở về Đàng ngoài, sẽ đề THẦY (chủng sinh) HỌC (tức ông Nguyễn Trường Tộ) ở lại điều khiển các công tác. Nhà dòng liền trao đồ án nhà tu và nhà nguyện cho kiến trúc sư trẻ tuổi, nhưng ông hăng hái quá độ, chỉ khảo vấn nghệ thuật của mình chứ chẳng chịu xem đến túi tiền của chúng tôi ; ở nhà nguyện, thay vì làm một cái vòm đơn sơ như vẽ trong đồ án, ông lại làm thêm cột ; các trang trí, các bức họa đều do ông làm ; cả tháp chuông cũng vậy, mặc dầu chúng tôi định hoãn việc làm tháp chuông, vì chi phí đã lên cao khá nhiều.

«Bên nhà tu, ông lại trang trí thêm cho đẹp mắt, và đâu nơi thế nào, ông cũng không chịu làm một cái mái kiêu đơn sơ như vẽ trong họa đồ.

« Ông là một giáo hữu ở Đàng-ngài ; không hề cái tính kiên quyết theo ý tưởng của mình, ông lại rất thông minh, rất linh hoạt và hy sinh vô vị lợi đến mức tuyệt đối, vì ông không nhận một đồng lương nào, chỉ ăn cơm

không và tiêu vật chất đình. Không có ông, chúng tôi không bao giờ có thể xây dựng được nhà nguyện tu, nhà nguyện đường, bởi vì thợ đã không quen việc, lại không có ai chỉ huy, đến nỗi Chánh-phủ cũng không xây cất được tòa nhà nào. Chúng tôi sẽ đặt đời tri ân người chủng-sinh tận tâm ấy, cũng như Đức Cha Gauthier và Đức Cha Croc, những vị đại ân nhân của chúng tôi ở xứ Nam sau Đàng Quan-phòng.

« Nhà Nguyễn được đề nền vào tháng chín năm 1862, mấy tuần sau thì đến lượt Viện tu và mồ-côi (Sainte-Enfance). Nhờ Thầy Học (tức Ông Nguyễn trường-Tộ), công tác kiến thiết tiến hành rất mau chóng, đến ngày 18 tháng 8 năm 1864 chúng tôi đã có thể đến ở nhà đó với 150 em mồ côi.

« Ngày 10 tháng 8 tiếp đó, Đức Cha Lefebvre chủ tọa lễ làm phép nhà nguyện. Du khách ngược dòng sông đến Saigon, từ đàng xa đã phải chú ý trước hết đến ngọn tháp nhọn với đường nét thanh thú nổi lên trên nhà nguyện của Viện Tu. »



Đề chấm dứt, chúng tôi thành thật cảm tạ Mẹ Bề - trên ARSÈNE đã vui lòng mở cho chúng tôi tập hồ sơ xưa từ một thế kỷ của Dòng Thánh Thao là tại Việt Nam, nhờ đó mà chúng tôi sung sướng tìm được, qua sự nghiệp kiến trúc Nhà Trắng, một bức chân dung linh động (chỉ vẽ bằng mấy nét chấm phá) về bức chí sĩ khả kính của dân tộc Việt Nam.

Sự thật lịch sử đã được lập lại, từ nay mỗi khi đi ngang « Nhà trắng » Saigon, du khách nhìn lên bức tượng Thánh Phaolô ngự giữa sân danh dự, chẳng những nhớ đến vị Bồn mạng chung của các Nữ tu dòng Thánh Phaolô thành Chartres đang theo đuổi công cuộc bác ái trên khắp hoàn cầu, mà còn liên tưởng đến vị kiến trúc sư tài ba và chí sĩ khả kính Nguyễn Trường Tộ, cũng có Bồn mạng là Thánh Phaolô.

P.Đ.K.

- (1) Lặng sát : yên cuộc phân sáp (biện pháp thời cấm đạo bắt giáo hữu phân tán vào các làng bên lương).
- (2) Đức Cha Gauthier, giám mục Vinh, có tên Việt là Ngô-gia-Hậu.
- (3) Cụ Khang, cụ Điều, cụ Hậu, lúc ấy chưa làm linh mục.
- (4) Nhân đây, xin đề nghị các bậc túc nho thử nghĩ giùm ba chữ thiếu ở ở trên có thể là những chữ nào. Đó cũng là một trò chơi chữ lý thú vậy.
- (5) Nhà này ở sau đây chỉ đề các cha về cấm phòng, hoặc hội họp, còn trường latin ở chỗ khác.
- (6) Ông này sau cũng làm giám mục địa phận Nam Đàng ngoài (Tonkin méridional) tức địa phận Vinh ngày nay.



ĐI THĂM « NHÀ TRẮNG » SAIGON XÂY NĂM 1864

VÀI CẢM TƯỞNG VỀ NGHỀ - THUẬT KIẾN - TRÚC của NGUYỄN TRƯỜNG-TỘ

Đã lâu lắm, cầm bút đề vẽ, không hề viết bài bao giờ, chỉ biết ngưỡng mộ các anh em công việc lu bù, mà vẫn không quên bồn phận chia sẻ cảm tưởng về văn-chương, mỹ-thuật và kỹ-thuật mọi ngành với đồng-bào.

Hôm nay bị mấy anh em đòi phải viết, trong bụng thiệt là lo, chắc không thể nào diễn tả hết được sự mến phục đối với công trình kiến trúc vĩ đại đầu tiên mà Cụ Nguyễn Trường-Tộ đã xây trên khoảnh đất khi xưa còn bùn lầy, hoang dại...

Có ai ngờ giữa « Saigon xa xưa » lại có một công trình kiến trúc mặt

ngoài rất tầm thường, mà bên trong rất thâm mỹ, chứa đựng toàn sự trang nhã, với những bình diện rất cân đối, và đường nét rất đơn sơ nhưng đã diễn tả hết được vật-liệu đã dùng.

Bước qua ngưỡng cửa vào, nhìn lên bậc thang tầm thước, khách đã phải e dè như sắp rớt mùi tục lụy đè vào chốn tôn nghiêm.

Đến bậc thang cuối, nhìn qua hai cánh cửa gỗ bật đi bật lại, thấy được tất cả bề sâu của Tu-viện, khách rẽ vào bên trái, ngồi ở phòng đợi được một lát thì Mẹ Viện-trưởng đến.

Chào hỏi, giới thiệu, khen ngợi, nhắc lại lịch sử, rồi được Mẹ Viện Trưởng thân hành dẫn đi xem nhà.

Bài của Kiến-trúc-sư
NGÔ - VIẾT - THỤ

Đệ nhất Giải La-mã
Ảnh của MẠNH-ĐAN

Qua hành lang rất sáng sủa, xuống bậc thang mới cất lại sau hồi Đại chiến thứ hai, qua sân rộng có nhiều cây cổ thụ um-tùm tỏa bóng, đề vào hạ-diện: cất bằng đá nhám dày linh một thước, sẵn theo lối ong, nếp vôi còn trắng tinh không một chút suy siên, bất chấp cả trăm năm qua...

Một thứ ánh sáng nhạt lọt qua các cửa bằng đá nhỏ chiếu vào các phòng

Vài cảm tưởng về nghệ-thuật kiến-trúc của Nguyễn Trường-Tộ

làm việc của tu nữ sắp đặt hai bên lối đi chính đề vào hạ điện, nằm tận phía trong cùng.

Hạ-diện có một lối kiến trúc súc-tích, thấp và rộng, xây theo lối khung vòm quá bán-viên, trang bày đơn sơ nhưng vẫn có vẻ cô kính.

Bước lên bậc thang để trở lên tầng trên, Mệ Viện trưởng dẫn vào thượng điện :

Thiệt là một kiệt tác phẩm.

Cụ Nguyễn đã dùng vật liệu tại chỗ mà xây nên một giáo đường huy hoàng với đường nét thâm mỹ lối Gothique. Các khu vòm hình liềm cung, đua nhau vượt lên tới 20 thước, không một chút chạm trổ hoa hoè. Sự cân đối của các diện-tích, sự giản-dị của cách phối hợp, tạo nên một hòa điệu hoàn bị lạ lùng, thêm vào đó một thứ ánh sáng huyền ảo làm cho khách tưởng nhớ ngay đến giáo đường " Sainte Chapelle " ở Ba-lê, một kỳ công kiến trúc của Pierre de Montreuil, xây dưới đời Vua Thánh Louis, thế kỷ XIII.



« Bậc thang thoát-tục »
hay là cửa vào Tu-Viện « Nhà-Trắng »

Có một điều lạ hơn nữa, là cảm giác khi nhìn chung công-trình ấy, khách liền tưởng đến một khúc nhạc hòa tấu của J. S. Bach. Thật là một sự thành công mỹ mãn của một công trình kiến trúc tôn giáo (xin miễn nói đến đồ án bình diện là phần thuần túy chuyên môn).

Ngược trở lại đề-di ngang qua bậc thang lên các tầng thất nằm ở tầng trên, khách có thể thăm các thực-đường cao rộng, có thể dọn ăn cho hàng mấy trăm nữ-tu-sĩ, vẫn xây theo lối khung vòm quá bán viên, khách có thể vẫn còn băng khuê trong bản nhạc tân kỳ của giáo đường, làm khuất cả sự thành tựu của nhiều phần khác của Tu viện mà có lẽ khách không được phép vào thăm hết.

Trở qua chiếc cửa bật đi bật lại, thì ra khách đã trở lại cái bậc thang tài tình, mà cụ Nguyễn đã nghĩ ra để cho khách trở về với cuộc thế, với những cảm tưởng nhẹ nhàng pha lẫn cảm phục.

Cảm tưởng nhẹ nhàng, vì sự thành công của vị kiến-trúc sư làm cho ai vào đó cũng cảm thấy thoát-tục.

Kính phục, vì ai ngờ ngoài cái tài chính trị, kinh tế và óc duy tân của cụ Nguyễn trường-Tộ mà ai ai cũng biết, Cụ lại có tài kiến-trúc đến như thế, làm cho người xem dầu không có tài cầm viết cũng phải mạo muội chia sẻ cảm tưởng của mình với đồng bào... Khi ra về, lẫn trong khúc nhạc của Bach, khách còn nghe có tiếng văng vẳng rằng tòa nhà đó đã đứng vững và chịu đựng được hơn ba mươi quả bom tước xuống sát chung quanh hồi thế-giới đệ nhị chiến...

N.V.T.



« Đường nét nâng cao tâm hồn »
hay là vòm nóc nhà nguyện
Tu-viện « Nhà-Trắng »

VỀ TIÊU-SỬ

Ô. Nguyễn Trường-Tộ

I.— Từ trước các tác giả viết về ông Nguyễn Trường-Tộ, người nói ông sinh năm 1828, người viết 1829 ; người nói ông thọ 41 tuổi, người viết 44.

Bản sự-tích lưu trữ tại gia đình cho biết Tiên-sinh từ trần ngày 10 tháng 10 năm Tự đức thứ 24 tức năm 1871, thọ 41 tuổi.

Căn cứ vào đó, thì phải kể tiên sinh chào đời vào năm 1830 mới phải.

II.— Nhiều tác giả viết ông Nguyễn Trường-Tộ khi ở Âu châu ở nước, có ghé Hương-cảng thăm miếu Hạng Võ, gặp vị Giám mục người Anh, được vị này tặng cho vài trăm cuốn sách v.v. Sự thật, vẫn theo tài liệu kể trên, việc tiên sinh ghé thăm Hương-cảng và đề thơ miếu Hạng-vô, thuộc chuyện đi chứ không phải lúc về.

Vị Giám-mục tặng sách không phải là « Giám-mục người Anh tại Hương-cảng » mà là một Giám Mục « Thệ phàn tại đảo Java (có lẽ là người Hòa-lan), và cũng trong chuyến đi. (Sự tích chép là « gò Gia-ô », gần « cửa biển hẹp gọi là Tồn Tha Hải Hiệp (Dét. de la Sonda — đúng là Détroit de la Sonde).

III.— Sự tích của gia đình nói : Tiên sinh từ Âu châu về Xã Đoài, xây cất bốn cơ sở cho Nhà chung, rồi vào Sài gòn cất « Nhà Mỵ Tây ». Bài nghiên cứu về việc kiến trúc Nhà trắng đáng ở số này minh chứng Tiên sinh xây nhà trắng trước các nhà ở Xã Đoài. Như vậy có lẽ Tiên sinh khi ở Âu châu về, đã ghé thăm Sài gòn không qua Hương cảng, ở lại cất xong Nhà trắng (1862-1864), rồi mới về quê hương.

KẾ-HOẠCH GÂY NHÂN-TÀI

Chính nhan đề là : « Học tập trừ tài trần tình tập »
(Tập trần-tình về việc học tập để dành gây nhân tài)

Lần đầu dịch ra Việt-văn do TRẦN-QUANG-XÂN và TRẦN-HỮU-HUYỀN

L. T. S. — Đây là một trong những điều trần quan trọng nhất do Ông Nguyễn Trường-Tộ đề lên Cơ-mật-viện ở Huế hồi tháng chín năm Tự-đức thứ 24, (1871) (không ghi rõ ngày).

Sau khi phê bình lối học khoa cử từ chương của ta, và nêu ra gương thịnh suy của các nước Đông Tây tùy thuộc nơi việc học, tác giả đưa ra những thỉnh nguyện cụ thể để gây dựng và đào tạo nhân tài, làm căn bản cho công cuộc phục hưng quốc gia.

TÔI trộm nghĩ : từ ít lâu nay Triều-Đình đã gấp rút lo việc tự cường, mở rộng đường dư luận, lập ra nhiều đề mục mới, để trong nước không một tài năng bị vùi bỏ, không một việc tốt đẹp bị sơ sót. Chỗ dụng tâm đó, đáng đủ coi là đã rất mực tha thiết vậy !

Nhưng ngoài môn khoa cử ra, thì chưa từng được thấy có một khoa nào khác lạ, để hòng đáp lại chỗ trông mong đó của triều đình. Thực là mong mà chưa đạt được.

Tháng trước, trong tập « Quốc vị vi trọng, quan vị vi quý » vẫn đề tôi đã trình bày, chính là nền tảng gốc rễ lớn cho những việc phúc thiện trong nước tự đó phát sinh, là then chốt cho sự thăng giáng cô kim, cho sự suy thịnh của người và nước.

Giờ đây tôi lại xin trình bày một tập về việc học tập, vì nó là một con đường lớn dẫn đưa đến chỗ giàu mạnh. Tự trung, ngôn ngữ tựa hồ bỏ quên, mưu mới ; có vẻ như quá trọng vọng người mà hạ thấp giá trị mình. Nhưng « Chửi Phật mới là yêu Phật » (!) nên dám mong rằng sẽ được Triều-đình xét : thấu cho chỗ khổ tâm của tôi, mà dụng thứ cho.

Trộm nghĩ : đạo đức nhân nghĩa là bản tính của con người. Dẫu là một phường mọi rợ, cũng không thể bỏ nó mà giữ được đất nước tồn tại. Đến kẻ đạo tặc, cũng không thể ngoài chỗ trí của thánh hiền được. Nhưng kẻ nói nhân nghĩa, mà lại bỏ bỏ thủ lợi, thời trí phải lu mờ, không còn biết phải trái, không còn có tài nghệ, để tự nuôi dưỡng sở học. Vì thế nên thấy lợi quên nghĩa, phản dục thắng, thiên lý vong.

Người xưa đã nói : phải có đầy đủ kho lẫm đã, rồi sau mới biết tới lễ tiết. Ăn mặc đủ đã, rồi sau mới nghĩ đến vinh nhục. Nếu đã bị cái ngặt nghèo đeo đuổi, thì chỉ những lo cứu tử cũng chưa xong, bởi còn giữ gìn lễ nghĩa sao được ?

Cho nên Mạnh-tử nói đến « Nhân » là dựa vào chỗ của cái đã có sẵn ; Khổng-Tử nói đến « Tín », trước cũng phải lấy chỗ đủ ăn.

Xét kỹ thâm ý, thì « Phú » phải đi trước « Giáo », đến « Nghệ » là thành việc vậy. Bởi vì có làm sáng được tài nghệ, mới thấu rõ các lẽ của người của vật, mà nuôi dưỡng cái gốc của đạo đức.

Cho nên công hiệu của những việc « chính tâm », « tu thân », « tề gia » « tề quốc » « cách vật trí trị ». Mà công phu của cách vật trí trị là do nơi học tập.

Người xưa có nói : một « nghệ » không biết, kẻ nho giả phải lấy làm thẹn ; chứ không nói một « chữ » không biết ! thật đã coi trời, đất, người ta, đều là sự vật hết thấy.

Cỏ nhân thấu rõ phép cầu đạo, nên cho rằng gần thì tự học lấy nơi mình, xa thì học lấy ở muôn vật. Chính chỗ tự học mình, học muôn vật, học nghệ nghiệp đó là đề hiệu đạo-lý vậy.

Cái « đức nghiệp » của đời người, gốc từ bồi nhỏ bé.

Vì thế cho nên người xưa bắt đầu học thì được dạy về « lục nghệ » (2). Sau khi đã tới chỗ « cử đức », « y nhân » (3) lại còn nói đến « du nghệ » nữa (4). « Nghệ » mới là chỗ thủy chung.

Xưa kia, người được gọi là bậc đại thánh, là lấy theo chỗ biết « khai vật thành vụ » (5). Như từ Phục-Hi, Thần-Nông, Hoàng-Đế, bắt đầu bày ra đồ dùng làm việc, tới những công cuộc « tự công tu phủ » của Nghiêu, Thuấn, « trị thủy tác công » của Đại-Vũ ; « chinh phạt khai cơ » của Thương, Võ ; « chế tác tập thành » của Chu-Công ; « Cửu phủ lợi dụng » của Thái-Công.

Vào những thời đại đó, chưa từng nghe nói đến cái gọi là văn chương vậy.

Từ đời Tam Đại trở xuống, những bậc làm vua chúa như từ Ngũ Bá cho tới Tần, Hán, Tùy, Đường, Tống, Nguyên, Minh, kẻ mở mang dựng nghiệp cũng chưa từng căn cứ ở cái gọi là văn chương.

Làm tới bậc tướng văn tướng võ tiếng tăm, như tài nội chính của Quân-Trọng ; tài dùng binh của Tiền Chuân ; tài tung hoành của Tào-Tần, Trương-Nghị ; chỗ ít chữ nghĩa của Tiêu-Hà, Tào-Tham ; và cho tới cả những bang Trương-Lương, Đặng-Vũ, Không Minh, Phòng-Đỗ, Quách-tử-Nghị, cũng chưa từng dựa vào cái gọi là chương-cú.

Hạng dân man rợ, như rợ Yêm-Doãn đời Chu, rợ Đột-Quyết đời Đường, rợ Hung-Nô đời Hán, tất cả người Man Mọi khi đó cường thịnh vượt cả Trung Quốc, mà cũng không ý được sức mạnh để đề đầu cúi cổ người ta được mãi mãi. Là vì khi đó người ta đã có hạng tài nghệ giỏi giang vậy.

Nay cứ xem các sách vở về luật, lịch, thuốc men, binh thư, kỹ nghệ, khí cụ, thấy đều lưu truyền từ đời Đường trở về trước, từ Ngũ Đế trở về sau, cũng đủ tường tượng thấy chỗ chuyên môn đáng quý của những thời đó.

Hồi tiếp theo, từ những đời Tống đời Minh chỉ chuyên về mặt văn học ủy mị, yếu hèn, không phấn phát lên được. Mãi cho đến đời Nguyên, đời Thanh, vẫn còn tiếp tục như thế. Dẫu có thể đó là vận hội xui nên, nhưng cũng tại thiếu người tài năng xuất chúng đứng ra chèo chống vậy.

Tây phương cũng thế. Vào khoảng các đời Hán, Đường, Tống, thì Lạc-Mã (6) cũng

đương là một triều đại nhất thống. Vô công của triều đại này vang dội khắp bốn bề, uy linh tràn ngập ba phương lại từng chế tạo ra được lắm thứ lạ lùng, còn lưu truyền tới bây giờ.

Nhưng tới nửa chừng triều đại trở về sau, kẻ thủ thành thì chỉ biết lấy yến tiệc làm vui, kẻ sĩ tiến thân thì chỉ lấy văn chương làm bậc thang tiến bước. Hạng quân tử thay nhau xuất hiện khi đó cũng chỉ viết lách luận theo kiểu từ chương để tự coi là cao, là khác, mà dần dà bỏ mất thực học, đề đến nỗi bị đám mọi rợ miền Tây bắc đập dõ, mà chia xé thành liệt quốc.

Tới nay, người Tây phương đã biết lấy đó làm răn, cho nên trong việc kén chọn quan chức, tuyệt không hề có một khoa văn chương !

Ngoài Trung-Quốc, Nhật-Đôn, Cao-Ly, và nước ta ra, không có một nước nào còn đem văn chương đề mà lựa chọn nhân tài.

Mà thực ra, thơ phú cũng chẳng đầy lui được giặc giã, ngàn vạn lời nói suông cũng chẳng dứt được một kế hoạch. Cho nên họ đã thay đổi đi mà học theo việc làm của Tào-Hóa, và vạn vật mới là thầy của muôn dân. Mọi công việc Tào vật đã làm, thấy đều thực dụng, như thời khắc lưu hành, thấy đều sinh sản, hơi nước bốc lên, nước mưa rơi xuống, trăng, sao, tinh tú trên trời, gió, mây, mưa, tuyết giữa không gian, chim muông, cầm thú, động vật, thực vật, trên mặt đất, những kinh doanh vận động của nhân loại, phim mọi thứ mắt người xem thấy có này nọ, biến hóa, đều là những vật có thực dụng cả.

Nếu chúng ta không biết noi theo đường lối sáng tạo của Hóa Công, không biết bắt chước những vật hữu hình, không biết học theo cái quyền lực xảo diệu, không biết làm đặng theo sự xếp đặt lớp lang thứ tự, không biết quan trị những quý báu của núi sông, không biết dùng đến những báu vật trời đã dành cho gồm tất cả khí lực, tài chất Tào-vật đã sinh ra, cơ nghiệp vlah viên còn truyền lại, chỉ những trao phó cho lời nói suông mà không nghĩ tới tác thành những cái đặng truyền lại, khéo dùng những cái được ban phát, để chờ chờ cho tới lúc sự thế bất buột, mới ngửa mặt kêu trời rằng sao trời nỡ làm tình làm tội tôi tôi chi.

Há chẳng làm nhục lấy cho tạo vật sao ?

Vì thế cho nên học tập tài nghệ chính là để bắt chước theo cách thức của Tạo vật. Như cổ nhân xem thấy thứ cỏ bông lán chuyên mà làm ra xe cộ, học theo hình trăng khuyết mà chế ra cây cung ; lấy hình con vật mà chế ra chữ,

(1) Nguyên văn : « Mạ Phật phương thị át Phật ».

(2) Lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số,

(3) Cử đức : dựa vào đức. Y nhân : theo đường nhân,

(4) Du nghệ : ý nói giỏi về nghề nghiệp.

(5) Ý nói biết đem sự vật biến chế thành công việc.

(6) Tác giả hẳn muốn nói Đế-Quốc La-mã.

nghe tiếng gió thổi mà chế ra âm luật ; bắt chước hình tình từ mà chế ra khí cụ, khảo rất kỹ lưỡng địa thế để xây cất. Tất cả đã phải uốn nắn theo khuôn khổ mà thành, bắt đầu thấy đều như vậy.

Mọi khí cụ lạ lùng của Tây phương lúc này, cũng đều nhân sức tự nhiên của trời đất mà làm ra cả. Cho nên những nhà học rộng đã nói : Chỗ khéo léo của máy móc vĩ đại nhất, cũng chẳng khác chi với việc dùng một khúc cây để làm ruộng của người còn mọi rợ, nhưng người ta chưa thấy rõ mà thôi.

Bởi thế, mọi khoản đã học đem thực hành được, đều là học theo sự dạy dỗ của Tạo-Hóa. Mọi điều đã biết, đều là biểu theo những hình dạng sự vật của Hết-Cong. Mọi việc đã làm, đều nhân những cái tạo vật đã dựng nên. Mọi sở đắc, đều là những sở dĩ của tạo vật cho hưởng thụ.

Sở dĩ thế cho nên nói rằng « người thành trời » vậy.

Mọi việc trong thiên hạ, chưa bao giờ có chuyện không nghĩ mà ra, không học mà nên được. Dù đến thánh nhân cũng còn phải học, huống chi hạng người tầm thường.

Học ở thực sự thì có được chỗ thực dụng. Học viễn vọng thì cũng được bảo ngay bằng viễn vọng. Trồng đậu được đậu, là lẽ tự nhiên. Hỏi ai có thể làm trái được đường lối nó ?

Bởi vậy, chúng ta cần phải lấy môn học tự sửa mình cho đúng dần dần chuẩn đích năng cao giá trị, lấy đó làm vinh, thì rồi cũng sẽ được tôn trọng. Nếu như cứ mãi nhai văn chấp chữ quá cầu nệ ở văn tự, thì làm sao tận dụng chỗ khéo léo của trời đất cho được !

Người tây phương cũng chỉ là người. Nào họ có được ngoài vòng thiên địa đâu. Mà tại sao họ lại thu thập được những công hiệu to tát như tôi đã trình bày trong bài « Quản vị quan vi ».

Thầy đều do chỗ họ biết học nơi những thực sự của Tạo Hóa.

Cho nên từ trong chỗ tối tăm đã sẵn có mặt khai đề thành được những công dụng kỳ diệu của trời đất, để giúp vào chỗ bất cập của Tạo Hối.

Nước ta há chẳng là dân của Tạo Vật ư ? Mà sao lại kêu hèn đến như vậy ?

Điều tôi đem trình bày, chẳng phải là cần đem bỏ cũ để mưu mới, nhưng là cần lấy cách khéo léo cố hữu của ta để đem dùng chung với cả những cách khéo léo tài giỏi của thiên hạ mới sáng tạo. Như thế, thì cái gì mới có của thiên hạ, chúng ta sẽ cũng đều có ; mà cái gì đã vốn có của ta, thiên hạ sẽ lại không có được. Đem hai cái thông minh mà chọi lại một, như lời đã trình của tôi ở đoạn giữa bài « Lục Lợi Từ » thế như vậy, còn ai mà dám khinh ta ?

Nay dám xin Triều đình hãy đặt ra nhiều đề mục mới, giao xuống cho các quan địa phương, phổ biến cho khắp nơi khắp chốn, bắt luận người nào, không kể đạo nào, hễ ai đem được những thực lý, thực sự, viết rõ theo đề mục trình nộp, mỗi tháng một lần sẽ đem đệ nạp tất cả các quyền đó về kinh để nơi đây khảo duyệt — bắt luận quyền nào, nếu có tình thần cấp dụng, xin hãy ban thưởng chút ít để khuyến khích.

Lại sức cho người đồ, phải dựa theo quyền đó mà thi hành. Như đúng với lời đã bàn, mà có ích được cho công dụng khắp nước, thế cứ áp dụng theo. Nếu như chỉ có ích được cho sự dùng riêng giữa dân chúng, thì sẽ phát bằng cho phép được chế tạo đem bán.

Nếu có quan chức địa phương nào, vì kỳ thị bỉ thử, dấu nhem quyền văn, thì cho phép ai nấy đều được thượng tố về thẳng kinh.

Có những đề mục kê sau :

— Tất cả các cuộc thi Hội, thi Hương, thi Khóa, thi Hạch và hết các trường tỉnh học, quốc học, hay tư thực, đều phải lấy thời-văn làm trọng.

Mọi văn đề chính sự như luật, lịch, binh quyền, công, hình, lại, lễ, đều được nói thẳng nói hết,

Hễ có chỗ nào xấu, dở có phương pháp gì khôn khéo, thấy những điều nào nên bỏ, những điểm nào nên giữ, hoặc những điều khẩn cấp cho ngày nay, mà nhất nhất phân tách rõ xẻ kỹ càng, quy về chỗ xác thực, hợp thời, thì mới được coi là trúng cách.

Còn cổ văn sẽ coi như hạng nhì.

— Về khoa hải lợi, nếu có ai biết bày cách mới về nghề làm muối, biết chải lưới tóm cá, biết làm mắm, bằng những phương pháp khéo léo hơn cũ đều xin ban thưởng cho họ.

— Về khoa sơn lợi, nếu người nào tìm ra được khoáng chất mới như loại ngũ kim (1) lại nghĩ ra được cách lấy, cách nấu như thế nào, cách khai quật ra sao ; hoặc bày được cách tài giỏi để săn voi, săn tê ; tìm lấy những của quý giá ; khai thác gỗ rừng và lâm lợi ; lại có ai, cứ theo địa phương gần kề, về lại được những chỗ núi cao, hang lớn, hoặc hình thể cao nguyên, ước lượng được những chỗ xa gần rộng hẹp, cao, sâu, hiểm căn yếu, hiểm lợi hại, nhất nhất ghi chú được rõ ràng, không sai sẩy, đệ đệ nạp lên trên, cùng với những ích lợi lớn nhỏ tùy theo, xin hãy ban thưởng cho họ.

— Về khoa thủy lợi, là mối lợi lớn lao nhất. Nếu ai biết lập cách mới mẻ, hoặc ngăn đập, đắp đê ; hoặc chứa nước để phòng khô cạn hoặc khơi nước cho khỏi ứ đọng ; hoặc dẫn nước tới ruộng... Như đã dùng thử có hiệu nghiệm, mà phương pháp có thể truyền được, xin ban thưởng lớn để đền công cho họ. (Như tại bốn tuyến (2) văn thường bị thủy nạn, nếu có ai biết lập cách trừ được dứt mối lo đó, cần phải dùng ngay để làm lợi cho dân).

— Xin rằng về tất cả những đồ dùng thường làm hàng ngày, như có ai biết suy xét kỹ mà lập thể nhân tiện cũ bày ra kiểu mới, sự tiện lợi và giá trung bình khá hơn vật thường dùng ;

— Xin rằng với các vật ăn uống, nếu như có người nào biết lập cách làm cho những vật thường dùng được thêm dồi dào, hoặc dễ làm khỏi bị hư mục, mùi vị lại tốt hơn trước ; hoặc tìm ra được vật gì vốn chưa ai biết ăn dùng mà lấy ăn dùng được ;

— Xin rằng phạm những vị thuốc mà nước nhà có nhiều và khí chất nó cũng hợp được cho tính chất người mình nếu có ai biết lấy thứ nào có vị giống như của Tàu, cách chế biến tính tế cũng như vị Bắc ; lại biết đem những vị thuốc lưu truyền, và những vị thuốc do dân Mường Mọi vẫn quen dùng, đem trông cây chế tạo đúng cách, không cứ phải nhiều ít miễn đã được đích xác đương đương thì nghiệm, ghi chép vào sách vở để ban hành ;

Với cả 3 môn : đồ dùng thức ăn uống, và vị thuốc nói trên đây, đều xin được ban thưởng riêng, cấp cho được dùng riêng để lấy lợi đền bù cho công lao khó nhọc họ.

— Một mặt xin rằng hễ có ai từng được dịp đi ra nước ngoài, mà lấy được thổ sản ngoại quốc, lựa chọn được thứ thích hợp với trong nước, đưa về cấy trồng mà thực có sinh lợi, thì xin cũng thưởng như về vị thuốc vậy.

— Một mặt xin rằng tất cả những nhà buôn trong nước, những ai biết góp vốn lại để buôn bán, mà liên vốn lên tới trăm vạn, hiện có sự thật, xin hãy ban thưởng lớn cho họ.

Hãy có ai biết góp vốn lại, hoặc chỉ một nhà mà chế tạo được thuyền lùn, hay là đi mua tàu đem về cũng được nữa, khỏi cần kiểu cách ra sao, miễn đi lại buôn bán được với Đại Thanh hoặc ngoại quốc, thầy đều xin cho họ được thưởng.

— Một mặt xin rằng phạm trong dân chúng có những người biết kết hội cứu trợ lẫn nhau, như loại cứu hỏa ; hoặc loại bồi hoàn thuyền buôn thất bại ; hoặc loại khơi đắp cửa sông bể để lấy thuế ; hoặc loại đứng ra thay mặt nhà nước để xây đắp đê đường nhà cửa, cầu cống ; hoặc loại bỏ tiền cho nhà nước vay mượn mà thu lợi vào những năm sau ; hoặc xuất tiền bạc cho nhà nước lập nên những nhà nuôi kẻ mồ côi, cô độc, nghèo nàn, bệnh hoạn ; hoặc tự nguyện xả thân giúp việc ; hoặc những người mà lúc nhà nước cần tới, đã cho vay trên một vạn đồng, thầy đều xin xét theo sự lớn nhỏ của công lao hay sự việc mà phân biệt thưởng cho họ tước phẩm, hoặc thưởng cờ, thưởng biền cho họ.

— Một mặt xin rằng bất cứ người nào, hễ ai tự học riêng được ngôn ngữ ngoại quốc, như tiếng Y-Pha-Nho, tiếng Anh-Cát-Lợi, là hạng nhì ; tiếng Qua-Oa (3), tiếng Trung Quốc, là hạng ba ; tiếng những nước phía tây biên giới nước ta, như những nước Miên, Lào, là hạng tư ; tiếng Phú-Lăng-Sa là hạng nhất.

Nếu khảo xét thấy đúng thực, đều xin cho họ được gọi là Tú Tài. Lại xét cho họ được tha miễn tạp dịch, hoặc mấy năm, hoặc trọn đời.

Nếu những ai tinh thông được sách vở về các loại cơ xảo mà có ích cho thực dụng, theo đúng chữ dịch lại, theo đúng hình vẽ ra, hoặc 1,2 hay 3 bộ — không hạn. — đều lấy 1.000 tờ làm chuẩn, đệ nạp lên Bộ, cũng duyệt lại với các quan Tây mà không sai sót, họ sẽ được thưởng là cử nhân tại gia.

— Một mặt xin rằng những khu đất công ở trong hay ngoài Kinh thành, như có những phủ, bộ nào bỏ tiền của riêng xây cất nhà ngôi cho người ta thuê mà cư trú, phá bỏ được hết nhà gianh đi, thì xin sẽ tùy chỗ nhiều ít mà ban thưởng cho họ. Số tiền cho thuê mượn đó sẽ trích ra 2/10 bỏ vào công quỹ.

Khoản này có nhiều huy kỵ, nhiều lợi hại, như triều đình đã từng am tường. Tôi không dám trình bày nữa.

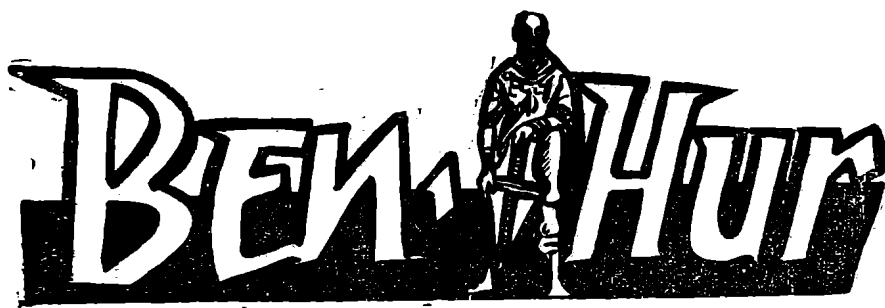
— Một mặt xin xây những viện dục anh, viện dạy trẻ, là chi nhánh của các đạo giáo. Tây phương và các nước, nơi nào cũng có cả. Nay nếu như nước ta mở rộng được đường lối, viết giấy chuẩn cho các hội của các nước Tây phương được phép tới giúp đỡ. Với chính sách « nhân » của Váo-vương, khoản này là đầu. Mà chúng ta thì còn ngại trở bởi việc lớn, chưa có hành được tất cả. Và người dám xả thân giúp việc cũng khó tuyển chọn được. Ta mà bỏ phí đi mất một người, là hao phí mất một phần trong nước vậy. Nay có thể nuôi dạy họ được, làm cho họ vẹn toàn được sự sống, thành được tính, há lại chẳng hơn xây được chín đợt phủ đồ hay sao ?

(Xem tiếp trang 23)

(1) Vàng, bạc, đồng, chì, sắt.

(2) Tỉnh ngày xưa.

(3) Java



TRUYỆN DÀI CỦA LEW WALLACE và GUY ENDORE

Bản dịch của LÊ - CÔNG - THÀNH

(Tiếp theo)

II

Hôm sau ngày ba người lạ nói trên gặp nhau trong sa mạc, một anh thợ mộc lối bốn mươi tuổi, tên Josep, rời Nazareth từ buổi sáng để đi Bethléem. Anh năm mươi tuổi, con của ông và bà là người vợ trẻ tuổi của anh, tên Marie. Vợ anh chưa quá mười lăm tuổi nhưng đang có thai gần ngày đưa con đầu lòng.

Muốn tới Bethléem phải đi ngang kinh thành Jérusalem. Hai vợ chồng anh thợ mộc vừa bước qua cửa thành thì đã bị kẹt giữa đám đông. Josep cố lách đi, lòng nơm nớp lo cho Marie.

Trong rừng người quay cuồng đó, tai nạn bất ngờ có thể xảy ra không biết lúc nào. Thật vậy, chính tại cửa thành này, con đường Bắc-Nam từ Nazareth đi Bethléem gặp với con đường Đông-Tây từ Jérusalem ra hải cảng Jaffa. Và từ ngàn xưa, ngã tư đường ấy là một cảnh chợ trời náo-nhiệt lạ thường. Lái buôn súc vật chen lẫn các nhà trồng tía ngời vắt vẻo trên lưng lạc-dã với hàng tá giò chà-là, lựu. Thêm vào đó, các nhà chăn nuôi lừa vào thành phố nào bò, nào trâu, nào dê dùng để thần tại đền lớn. Và, như để đưa cảnh hỗn-độn lên tới cực độ, bọn bán hàng rong mang từng đồng quần áo, hàng vải chạy lẩn-quẩn, choán cả lối đi, giành-giật khách hàng với các chủ sạp, sanh ra cãi-vá thô-tục và thường thường đánh nhau tri-mạng.

Còn nói gì tới bọn bán gà vịt, chim-chóc. Họ chất hàng chục giỏ gà hay lồng chim trên cầu, chen lẫn, la hét, không kể gì những bết phần gà phàn vùi dính khắp mặt mày, râu tóc họ.

Người ta lại trông thấy các cụ bán nữ trang đeo ở cườm tay, ống chân hàng trăm chiếc vòng bằng thau, đeo ở cổ hàng tá cây kiềng mạ, còn lỗ tay, cẳng rộng đi thường, thì đeo khoen vàng nhỏ lóng đù cỡ trông như họ đeo hai chùm nho to. Nhiều cụ khác treo trước bụng cả một quầy hàng, bày bán đủ thứ dầu thơm sấp chàl tóc; họ lượn khắp các ngõ đường, buông lại sau lưng họ một luồng hương ngây-ngật.

Nhưng, chính các bác bán nước trái cây là ồn ào hơn cả. Họ là những người lực lưỡng, râu tóc rối rùi, chân lấm lem bùn đất, dầu dơ đầy da đầy nước nho hay nước lựu, miệng hét như mổ lông : « Nước nho nguyên chất đây ? Nước lựu thượng hảo hạng đây ? »

Càng khó tin hơn nữa là giữa biển người chật ních ấy vẫn còn chỗ cho một đám con nít tiểu quí, bày trò cảnh trò rượt ăn trộm dê có tình tạo thêm cảnh xô đẩy hỗn loạn hầu có cơ hội chớp một giò chà là hay một xấp vải.

Ngoài ra, từ ngày dân La-Mã đến cai-trị xứ này, cảnh chợ náo-nhiệt nhiều lớp người trước kia không bao giờ dám xuất đầu lộ diện : đó là bọn dụ rắn, bọn thầy bói, bọn đu giây và, khỏi phải nói, bọn các ả buôn hương.

Cuối cùng, để cho bức tranh không thiếu nét nào, chúng ta hãy ghi thêm hình-ảnh khốn-khở của người hủi, trùm kín dưới lớp vải trắng, chỉ để lộ gương mặt lơ-lơ, ghê-tởm, tay cầm sanh gỗ đều đều để thiên-hạ biết mà tránh trước.

Vợ chồng anh Josep đang lên lối khó-khăn giữa cảnh huyền-náo nguy-hiêm ấy thì bỗng một người đàn-ông lạ từ đâu nhảy ra giật giây cương nơi tay anh và cản đường không cho anh tiến bước. Người lạ có vẻ giận dữ, cộc-cần hỏi Josep :

— Ê, bác không mang tiền đi Bethléem đóng thuế cho tụi La-Mã chứ ?

Josep nhỏ nhẹ :

— Xin van Ông, Ông để tôi yên đi đóng thuế cho kịp ngày.

— Và bác không chối cãi bác là dân Do-Thái ?

— Phải, tôi là dân Do-Thái.

— Ở kia, hỏi con người tồi, vậy mà bác nhìn nhận một việc nhục nhã như thế trước mặt con gái bác ?

Marie lật đật kéo khăn lên che mặt trong khi Josep vội chữa lại :

— Đây là vợ tôi...

— Vợ bác hay con gái bác cũng không can gì nhưng nếu nàng là dân Do-Thái, nàng tất phải thẹn vì người thân của mình sắp đi đóng thuế cho tụi La-mã ghê-tởm ấy. Bác thuốc giòng-dối suy-tàn nào hở ?

— Giòng-dối David (1)

— Giòng vua ! người lạ hét to đến nỗi con lừa phát sợ giật lùi một bước và Marie kéo vội một chiếc khăn nữa che thêm mặt. Giòng của một David oai vệ, rạng rỡ trước mặt Chúa ngày xưa, mà bây giờ lại quì trước tên La-Mã tục tằn. Tàn lụn đến thế là cùng !

Ngay lúc đó một binh sĩ La-Mã bước trở tới. Người lạ vùng vằng hạ thấp giọng :

— Quốc gia Do-Thái vẫn sống mạnh. Đi đi, đi đóng môn thuế khốn nạn của bác đi. Nhưng chờ xem ! Ngày huy hoàng không còn xa !

Y nói xong nhanh-nhẹ lẩn mất trong đám đông.

Josep đi được vài bước lại phải dừng chân một lần nữa và lần này người cản đường bác là một kẻ nước da rám nắng, khô như que củi, miệng chỉ mặc một mảnh da dê. Y la to :

— Bác hãy reo mừng đi ! Mừng đi vì Đấng Cứu-Thế sắp giáng sinh. Bác mau mau bán lừa bán hết đồ tế-nhiễn rồi theo tôi !

— Cậu Chúa phù hộ anh, nhưng xin anh tránh đường tôi đi, tôi phải về nhà lo việc kiểm tra.

— Bác sợ gì, tôi đã bảo bác bán hết của cải rồi theo tôi đi tìm Đấng Cứu-Thế.

— Không được, xin anh cho tôi đi... vợ tôi đã cận ngày nở nhụy khai hoa.

Người lạ mặt hần học :

— Khéo lựa lúc để chưa ? Thế bác không biết ngay lúc này Chúa có thể ra đời à ?

— Tôi có nghe, nhưng tôi rất dốt những việc ấy.

— Vì bác đã không sùng-kính Chúa của bác. Nếu bác gieo tội, bác chỉ có thể gặt tội. Vậy ra không còn ai giúp tôi đi tìm Đấng Cứu-Thế ư ? Tôi phải tiếp tục đi một mình ư ?

Kẻ cuồng-tín ấy than xong bỏ đi không ngảnh lại.

Phải mất thêm trọn nửa giờ nữa Josep mới ra khỏi chợ. Anh nghĩ một một lúc rồi rẽ qua con đường đi Bethléem bên tay trái. Con đường này quanh co đều xuống thung-lũng Hinnom, giữa những vườn ô-liu bỏ hoang. Josep ăn-cần đi bên cạnh vạ và thận-trọng dấn dẫm con lừa từng bước một.

Vì đường lồi-lôm khó đi nên họ tiến rất chậm. Mặt trời càng lên cao, không-khí càng oi-ả, khó thở. Marie tỏ vẻ thối mặt. Nàng đẹp áo toai và khăn quấn chặt để đón chờ một tí gió mát. Để cho nàng quên đường xa, Josep kể những nghe lịch-sử của tổ-tiên anh : chính tại nơi này, một ngàn năm về trước, David đã tấn công bắt thần quân Philistins ngay trong doanh trại của chúng... Những điều anh kể không khác mấy may câu chuyện cổ-truyền rút trong sách của Salomon gồm toàn chiến-tranh và giết chóc, khiến Marie nhàm tại không quan tâm tới nữa : nàng lim dim ngủ, đầu lắc-lư theo nhịp đi của con lừa.

Hình thoải mái, nghĩ tới giờ lâm bồn sắp đến, mỗi nàng run như bị xúc động bởi một cảm giác vừa sợ hãi vừa bồn chồn. Nàng ngược mắt lên trời, tay xếp tếp trước ngực hình như siết dứa con còn trong lòng. Lúc đó trông nàng như biến hình, không còn là người trần gian nữa. Josep há mồm quên kể nốt câu chuyện, gật gù nhìn với đôi mắt mê mẩn.

Và họ vẫn tiến bước. Họ đi vòng cánh đồng lớn, rồi thì tới ngọn đồi Mar Elias. Nhìn qua thung lũng bên kia sườn đồi, họ đã trông thấy Bethléem với vòng tường trắng, chói sáng trên nền nâu sẫm của các vườn cây trụi lá. Trước khi qua thung lũng, họ dừng lại giây lát cho lừa ăn ít cỏ và chính họ cũng dùng qua loa một bữa ăn đạm bạc.

Nhưng mùa đông xé chiều rất gần và họ đã bắt đầu nghe lạnh. Họ lại lên yên, tiếp-tục đi. Bây giờ thì họ không còn trông thấy một mình nữa. Nhiều kẻ bộ hành khác, từ khắp hướng, cùng đến nhập bọn với họ. Khi qua khỏi trụ đá tròn đánh dấu ngôi mộ của Rachel (1) và sắp sửa vào cửa làng, Josep bỗng bán-khăn lo-lắng.

Làm sao có đủ chỗ cho ngần ấy người và lừa ngựa tại Bethléem ?

Chỗ trú tại Bethléem là một ngôi nhà vuông tường đá, nóc bằng, chính giữa để lộ thiên. Đó vừa là nơi nghỉ chợp cho các đoàn lữ-hành, vừa là mạch nước của dân làng. Ngoài ra còn có nhiều cửa hàng buôn bán, nhiều trại thợ thủ công. Thời chiến, người ta dùng làm thành lũy. Thời bình, người ta mở cửa cho mọi kẻ lạ mặt vào nghỉ đêm một cách an toàn.

Khi vợ chồng Josep tới đầu làng, họ điếng người nhìn thấy nơi trú đã đen ngbet người và vật. Josep vỗ-về vợ :

— Mình an tâm đứng yên đây. Anh đi một chút về ngay.

Ngày thường, Josep hiền như bụt, nhưng hôm nay anh mạnh dạn rẽ đám đông, thúc bèn này lần bên kia, bập bẹ một lời xin lỗi, song vẫn tiến bước. Không như sáng nay ở chợ Jérusalem sự quây-quýt của anh khiến mọi người phải tránh đường cho anh đi. Cuối

(1) Vua Do-Thái, tạo lập kinh thành Jérusalem hồi thế kỷ thứ 10 trước Thiên Chúa Giáng Sinh.

(2) Rachel : mẹ của Josep

cùng, anh tìm tới chú gác đàn, người to sẫm, đứng chặn cửa vào nhà trú, một tay cầm cây lao dài, một tay dắt con chó dữ.

Joseph rụt rè :

— Chúc chú bình an.

— Chúc bác và gia quyến bác bình an, người gác đàn bình thần trả lời, song vẫn đứng yên không cử động.

— Tôi là dân làng Bethléem.

— Bác và tôi, có ai không là dân Bethléem ?

— Có lẽ chứ...

— Không có gì cả.

— Tôi có chút đỉnh tiền.

— Tiện cho bác lắm nhưng ở đây không có gì mua đâu.

— Chính đây là nơi chôn nhao cắt rún của tôi. Lâu lắm rồi, tôi rời quê nhà để đi Nazareth...

— Bác kể chuyện đó với tôi ích gì ?

— Chỉ để cho chú biết qua vậy thôi. Tôi là người giòng David. Nhà trú bây giờ trước kia là nhà của tổ tiên tôi để lại.

Joseph đặt cả hi-vọng của mình vào mấy lời sau cùng này. Nếu nó không hiệu-quả, thì anh có van lơn thế mấy cũng bằng thừa.

Ở Do-Thái, thuộc giòng vua David không phải là một việc tầm thường. Không một vinh quang nào khác có thể sánh kịp. Thật ra thì hơn ngàn năm đã trôi qua từ ngày tên chăn cừu David, chỉ nhờ một cái ná với một cục đá nhỏ mà giết chết Goliath (1) và nhờ đó, được mời nối ngôi vua Saul, rồi sáng lập lấy triều đại của mình. Dầu đã quá cũ, câu chuyện ấy vẫn còn làm mắt của mọi người Do-Thái sáng quắc lên. Bao nhiêu chinh chiến, bao nhiêu thiên tai, bao nhiêu triều đại của những vua chúa khác và nhất là sự diễn tiến âm thầm của thời gian đã dim đám con gòng cháu giòng của David xuống ngang hàng với mọi người Do-Thái tầm thường khác về phương-diện tài-sản và sanh kế ; cũng như mọi người, họ phải làm-lụng cực-nhọc để có miếng ăn, nhưng dĩ-vãng rạng-rỡ của họ, uy-thế bất tử của lịch-sử, vẫn nguyên-vẹn.

Tuy nhiên, riêng phần Joseph, anh ít khi đem cái dĩ-vãng để vương của tổ-tiên mình ra lờ người. Vì anh nhận chân rõ-rệt địa-vị thấp kém của mình. Anh chỉ là một chú thợ mộc hèn-mọn trong một thị-trấn nhỏ và không có gì khác lạ có thể thay đổi số kiếp anh. Và bỗng nhiên bây giờ thốt ra câu : « Đây là nhà của tổ-tiên tôi », anh vụt thấy cảm-dộng vì câu ấy không phải là một câu nói khoác-lác, vớ-mớ, mà chính là sự thật.

Người giữ cửa cung kính hạ cây lao xuống :

— Thưa tiên-sanh, ngôi nhà này mở cửa lần đầu-tiên hồi nào để đón khách bộ-hành lữ bước tới thật không biết rõ, nhưng chắc đã lâu lắm, hơn ngàn năm có lẽ. Và từ thuở đó tới nay không hề có một người đứng-dẫn nào bị đuổi xó mà bỏ đi, trừ phi khi không còn một phòng nào trống — như hôm nay. Thật không còn một phòng nào cả. Nhưng vì tiên-sanh là con cháu của David, tôi xin mời tiên-sanh đi xem lại, rồi tiên-sanh sẽ nhận thấy ngôi nhà to lớn như thế này mà không còn một chỗ còn con có thể ngồi nghỉ chơn giây lát đừng nói chi tới nghỉ cả đêm. Trong buồng ngựa, trong sân, trên nóc bằng, đầu đầu cũng chật như nêm. Xin mời tiên sanh vào.

Joseph thờ dài :

— Tôi tin chứ bằng lời, khỏi phải vào quan sát nữa.

Người giữ cửa trang trọng tiếp :

— Luật xứ ta có dạy : « Hãy xem kẻ lạ đang ở với mình như người ruột thịt và hãy thương xót kẻ ấy như chính mình ».

(Còn nữa)

(1) Goliath : người khổng lồ, dân Philistin, lúc đó xâm chiếm xứ Do-Thái.

CHÍ-SĨ NGUYỄN-TRƯỜNG-TỘ ★ CHÍ-SĨ NG.-TRƯỜNG-TỘ

(Tiếp theo trang 6)

Tuy nhiên, năm nhà điều trị bệnh không đi được, ông vẫn nghĩ đến thể thống quốc gia, nên trước khi phái đoàn lên đường sang Pháp, ngày 19 tháng 2 năm Mậu-Thìn (12 Mars 1868), ông có đệ trình một tờ biểu, tâu rõ các lẽ tặc của người phương tây, đề phái đoàn theo đó mà xử sự cho khỏi tổn thương thể diện.

Bấy giờ, tình hình mỗi ngày một thêm nghiêm trọng. Bệnh ông một ngày lại một thêm, khiến ông phải chịu nằm một chỗ, xê dịch khó khăn. Còn gì đau khổ bằng người thích hành động mà phải nằm một xó ; dù nằm một xó nhưng vẫn gắng gượng cất tiếng kêu gào lo cho dân nước, mà bao lời thống thiết không ai màng nghĩ tới !

Ngày 11 tháng chạp năm Tự-đức 23 (31 Janvier 1870), bỗng có chỉ vời ông vào kinh, đề hướng dẫn một đoàn du-học-sinh sang Âu-châu, hầu dùng vào việc thông dịch ! Nhưng dù thế nào, ông cũng đành phải dâng sớ xin từ, không còn phụng mạng đi đâu được nữa, vì bệnh cũ phát lại càng ngày càng nặng. Triều-đình bèn phái Linh-mục Nguyễn Điều đi thay.

Rồi gương bệnh, dường như biết mình sắp chết, trước khi chết toan đem bao nhiêu tâm huyết, tư tưởng, kiến thức có thể ích quốc lợi dân, giải bày ra hết để cống hiến quốc dân, ông lần lượt thảo ba bản điều trần nửa đệ trình :

1. — Bản Điều trần về Quốc-tế giao-thông, ngày 16 tháng 2 Tân-Vị (5 Avril 1871).

2. — Bản Điều trần về Nông-chính, ngày 20 tháng 8 (4 Octobre 1871).

3. Bản « Học tập trừ tài trần thánh tập », xin mở mang việc học tập để trừ bị nhân tài, ngày tháng 9 (Nombre 1871).

Bản trần thỉnh sau cùng thảo dâng trong tháng 9, rồi chỉ trong tháng 10, ngày mồng 10 (22 Nombre 1871), ông mất, mới 41 tuổi.

Đến lúc sắp mất vẫn nghĩ đến điều ích quốc lợi dân, lòng thương mến nỗi giống của ông, còn ai dị nghị vào đâu được nữa ! Ôm khối hận lòng mà mất, tâm sự thật đáng cho người sau thương tiếc !

Theo tài liệu của ông Sở bảo Doãn Kế Thiện, bệnh tình của Nguyễn-Trường Tộ người thì bảo là chứng ỉu-ường ung, người thì bảo là chứng huyết tích, vì trong lồng ngực thường có một khối nhỏ lên xuống luôn luôn. Khi ông nhắm mắt, bè bạn và người quen biết đến thăm viếng rất đông. Có người bạn biết rõ hơn cả, vỗ vào thi thể ông, thở dài mà nói :

— Học thức rộng như thế, bảo phụ to như thế, mà chẳng được thi thố một cái gì ở đời, đã không được sống lâu lại bị bệnh đau đớn ê-chề mới chết. Thương thay ! Tiếc thay !

Người nhà coi cái mền đắp thấy hơi có vết máu, mở xem, thì ra cái khối nhỏ ấy đã vỡ mà huyết phun ra vậy.

Phê-bình ông, Lê Thuớc đã viết :

« Hỡi ơi ! Nguyễn-Trường-Tộ là nhà văn-học, nhà chính trị và cũng là nhà tân-học nước ta xưa. Tư-tưởng và kiến thức của tiên-sinh hơn người đồng thời muôn nghìn. Giữa lúc người trong nước mê hồn cứ giữ thói đóng cửa làm hơn, mà tiên sinh dám hô to la lớn chỉ chỗ lợi hại về nội chính ngoại giao, tài trí của tiên sinh sánh với Phú-trạch, Bỗ-sơn bên Nhật thì có phần hơn, chớ chẳng chỗ kém. Nhưng tiếc vì trong triều lúc ấy, vua không biết xem người, bầy tôi thì có tính vị kỷ, khiến nên lời tiên sinh nói không ai nghe, mưu tiên sinh bày không ai làm, đề đến nỗi tiên sinh ôi chí mà chết, vận nước suy bại, non sông không khác, thành quách thay hết phân nửa. Kẻ có tâm sự đi qua nhà cũ tiên sinh, thấy những cây của tiên sinh trồng nay nó cao nghệu to lớn, thì sao cho khỏi nhớ tiếc tới việc trước mà mũi lòng rơi lụy. »

Nhiều học giả cũng đồng ý cho rằng tâm chí Nguyễn Trường-Tộ sánh ngang với Phúc - trạch - Dụ cát của Nhật, Khang Hữu-Vi của Trung-Hoa. Chỉ tiếc thất thời không được trọng dụng mà phải ôm khối hận lòng đến chết.

Lại có người bảo : Nguyễn Trường-Tộ cũng đã từng được vua Tự-đức triệu dụng, sao lại nói là không có dịp thi thố ?

Điều đó quả thế, nhưng nên biết việc Vua Tự-Đức triệu dụng Ông, không phải là biết rõ đại tài mà dùng vào đại sự, chẳng qua chỉ vì sự bất-buộc mà phải đòi lúc dùng đến thôi. Bấy giờ, vì sự giao thiệp với người Pháp, trong khi thù ứng, ngôn ngữ bất thông, cần phải dùng ông làm người thông dịch ; xong việc rồi lại thôi. Những điều do học vấn, tư tưởng, kiến thức của ông Nguyễn-trường-Tộ từng bao lần tỏ bày trong các bản điều trần như giải mật phôi gan, vua có xét tới đâu, chẳng thu dụng một điều gì, thì còn thi thố vào đâu được !

Chẳng đem thành bại luận anh hùng, thì cứ xem xét học vấn cũng tâm chí Nguyễn Trường Tộ đã từng bày tỏ, thân dù có lúc ở Tào mà lòng vẫn cứ hướng về Lưu, nỗi đau khổ và mối hận lòng ấy muôn thuở vẫn là đáng cảm.

NGUYỄN-BÁ-THẾ

MẦY VẦN THƠ Nguyễn Trường-Tộ

Đề Miếu Hạng Võ (Hương cảng)

Anh hùng dũng vũ phi vô địa
Chiến thắng thành công cái hữu thiên.
Dịch :
Dùng võ anh hùng không thiếu đất
Nên công chiến thắng ở như trời.

(Rút trong sách "NGUYỄN TRƯỜNG-TỘ,
của Nguyễn-Lân)



Vịnh Phong Cảnh Núi Thạch-Bì

Phong bất năng giao vũ bất tời
Bì truyền vạn cổ tự thời ngời
Cô viên như tước bài sơn đỉnh
Trắc lập vô song trấn thủy ôi.
Tương thị bồ thiên tăng luyện quá ;
Phi quan diên hải bị khu lai.
Nhược đi chích trợ thành song trợ ;
Địa tác bàn san hải tác bồi.

Bài dịch của Thái-Bạch :

Mưa khôn bề chuyền, gió khôn lay ;
Muôn thuở bia còn vời vọi đây.
Chóp đỉnh tròn xoe vừng đá dựng ;
Bên dòng sâu thăm nước xanh vây.
Vá trời tường khách chân qua lại ;
Lấp biển như hình cánh vỗ bay.
Chiếc đũa ví thành đót đũa được ;
Biền là chén nọ ; đất mâm này.



Vịnh phong cảnh Cần-Giờ

Nhân gia lão lạc tạp Tây thiên
Nhất vọng bình lâm trấn hữu yên.

Văn-Đàn Số Giáng-sinh 1961

Nhắn tin các Bạn Cộng-tác
gần xa :

Bài vò nhận đến ngày
5.12.1961 là hạn chót.

Sơn khởi tam phong hồi hải ngạn ;
Đăng cao nhất trụ dẫn dương thuyền.
Quan hà diện định nhưng y cự :
Cảnh sắc thương mang dĩ bất tiền
Như thử giang sơn thù thị chủ ?
Yếu tương tình tự vấn chi thiên ?

Bài dịch của Thái-Bạch :

Triền Tây san sát cửa nhà bên ;
Rừng lặng như đùn khói bốc lên.
Núi ngất ngòai khơi, ba chòm đá ;
Thuyền vào trong bến, một cây đèn.
Quan hà ngoảnh lại còn như cũ,
Cảnh sắc trông chừng đã biến thiên,
Sông núi gì đây, ai chủ tá ?
Xanh kia hải thấu nỗi niềm riêng ?



Lời bình của dịch giả

Đọc những bài trên đây của Nguyễn-Trường-Tộ, ta thấy ông là một nhà thơ chẳng những đã già dặn về phương diện kỹ thuật, mà về phần nội dung còn có một giọng hùng tráng lạ thường của một con người có một tâm hồn rất phong phú và cương nghị. Ông có những tư tưởng rất mới và hiếm có ở trong các nhà thơ xưa nay. Chẳng thế mà khi nhìn thấy núi Thạch-lư cao như chiếc đũa, ông liền nghĩ ngay đến việc tranh quyền tạo-hóa để biến thành hai cái cho đất kia thành mâm, biền nọ thành chén.

Thơ ông có những cái hay và cái hùng như vậy, tỏ ra một con người có tài tế thế kinh bang không phải nhỏ...

Nhưng than ôi, phải chăng hai câu thơ ông đề miếu Hạng-Vương, cũng chính là ông tự đề miếu ông vậy ?

Tiếc thay ! Tài lại không gặp thời...

THÁI-BẠCH

Tôi viếng mộ Ng.Tr-Tộ

(Tiếp theo trang 9)

được phần nào tấm lòng ngưỡng mộ và nhớ ơn của quốc dân đối với bậc học giả hết lòng vì nước. Một tấm bia đá đặt trước mộ, còn lưu mãi hậu thế thanh danh và sự nghiệp của Người.

Lúc ấy, mặt trời đã khuất sau dãy Trường-sơn, sương đã bắt đầu xuống và gió heo may thổi lạnh lùng. Kẻ âm người dương còn cách nhau ba tấc đất, nhưng tịch mịch, cô liêu và rét lạnh đã kéo hai lớp người lại gần nhau hơn nữa; và một Đức-Tin chung, một lòng Yêu Nước chung, đã tạo nên giữa kẻ sống và kẻ chết, một thông cảm hoàn toàn, một lòng một trí duy nhất — *cor unum et anima una* ! Tôi không thể nào diễn tả lại được hết các cảm khái và ý niệm dồn dập đến với tôi lúc ấy... Càng phục Ông bao nhiêu tôi lại càng thương ông bấy nhiêu... Thương ông rồi lại thương mình, Thương Ông, thương mình rồi lại thương đất nước, thương giống nòi... Thời-dại Ông, dất nước đi vào lăm than. Thời-dại tôi dất nước thoát khỏi lăm than chăng ? Kia những tiếng reo hò "Độc lập Tự do hạnh phúc" vang lên khắp cõi. Nhưng sao tôi bối rối ? sao tôi lo sợ tương lai ? Phải rồi ! Khi những con người miệng nói « Độc lập » mà lòng nghĩ « Sô viết » thì có khác gì những người đi cướp nước thuở xưa tự nhận là « gieo rắc Văn minh » !...

Trong mỗi ưu tư ấy, tôi đã cầu nguyện vị Anh hùng mà nay đã là vị « Thánh » — sống khôn thác thiêng— dẫn đường cho bọn hậu tiến chúng tôi, trong mọi hoàn cảnh, giữ vững Đức Tin và một lòng yêu nước sáng suốt, như Nguyễn Trường Tộ tiên sinh đã từng nêu gương chói lọi..



15 năm qua.. Mỗi lần nhớ lại cuộc hành hương kính viếng này, tôi vẫn tưởng như mới hôm qua.

Và hình như tôi vẫn còn nghe rộn trong lòng một tiếng nói rất thân yêu vang lên từ bên kia mồ...

Thủ đó, Ngày giỗ 90 năm Nguyễn Trường Tộ tiên sinh — 10 tháng 10 Tân sửu (1961).

PHẠM ĐÌNH KIỆM

NGUYỄN-TRƯỜNG-NG-TỘ VÀ Y-ĐĂNG BẮC-VĂN ★

(Tiếp theo trang 11)

trọng trong nước. Ông cũng là người dự thảo Hiến pháp của Nhật, và đã nhiều lần làm thủ tướng hoặc chủ tịch Thượng nghị viện, hay chủ tịch Hội đồng Tư-vấn Hoàng-gia... nên đã có dịp thi hành Hiến pháp do ông cùng các đồng chí soạn thảo. Đã dự phần lớn trong việc chiến thắng Nga (1904-1905), ông được giữ chức Toàn quyền nước Cao-ly, và sau bị một người Cao-ly ám sát ở Cáp-nhĩ-tân (Mãn-châu) năm 1909...

Ông chết, nhưng tất cả hy-vọng của ông đã thành, và nước Nhật trở nên một đại cường-quốc trên thế giới, một phần lớn đã do công Ông xây dựng.

Còn Nguyễn Trường-Tộ thì sao? Lòng ái-quốc nồng nhiệt đã không kém Y-Đặng Bắc-Văn mà sở-trường hiểu biết cũng không nhường ai thế mà chỉ lĩnh-sanh không sao đạt được. Những đề nghị của Y-đăng đã được nhiều đồng chí ủng hộ và được vua Minh-Trị chấp thuận và thi hành. Còn những điều-trần của Nguyễn tiên sinh đã gặp bao nhiêu chướng đối, nên dầu có được vua Tự-Đức đề ý, cũng không được thi hành đầy đủ. Y-đăng đã gặp tri kỷ nên đã

thành công. Nguyễn tiên sinh thì như đã kêu gào trong sa mạc nên bao nhiêu sở nguyện đều như những giòng nước trôi qua. Có lúc được dùng nhưng chỉ dùng trong chức-vụ tầm-thường và một cách quá dè-dặt thì làm sao tiên-sinh thi-hành được những nguyện-vọng cao-xa!

Cho nên người có tài cũng phải gặp được người biết dùng tài mới thỏa được chí lĩnh-sanh. Nguyễn Trường-Tộ không đem được tài năng mình phụng-sự tổ-quốc, lỗi ấy ở người có trách-nhiệm cầm vận nước, hơn là ở tiên sinh. Buồn vì vận nước, quá chán nản vì thái độ của Triều-dinh, tiên sinh lại chỉ là một nhà nho yếu ốm, nên chẳng bao lâu bị bệnh nặng và lúc chết (1871), chỉ thọ được 41 tuổi.

Tiên-sinh chết, chắc thời nhân cũng chẳng luyến tiếc bao nhiêu, nhưng kẻ hậu sinh như chúng ta, ai đã đọc được những bài Điều-trần đầy tâm huyết của tiên sinh để lại cũng không khỏi đau đớn cho tiên sinh và buồn tủi cho vận nước. Tài tiên sinh bị mai một, và nước nhà bị điêu linh, chỉ tại Tự-đức không phải là Lưu-Bang, không phải là Nguyễn-Huệ!

ĐÀO-ĐĂNG-VỸ

Ý VÀ VIỆC ★ Ý VÀ VIỆC ★ Ý VÀ VIỆC

(TIẾP THEO TRANG 2)

không phải về phía làng báo chúng ta!

Vì ở ngay thủ đô Pháp, người ta có thể kêu một cú điện thoại cho cơ quan thẩm quyền là biết tên « công tử làng chơi » Bảo Đại có ra khỏi lãnh thổ Pháp một lúc nào không hay y vẫn la cà hết sông bạc này đến hộp đêm khác. Hay là 2 tờ báo ở Saigon sẽ cãi lại: Bảo-Đại có ra Hà-Nội thật và đó là « tin riêng của bốn báo » và trọng bí mật nhà nghề, bốn báo không thể minh chứng nguồn tin ấy ở đâu ra.

Xin đọc giả Âu Mỹ cứ tin chúng tôi đi. Cái tên bù nhia Bảo Đại sanh ra ở cái nước lăm « ông đạo » này, biết đâu lại chẳng có phép tàng hình và tài xuất quỷ nhập thần, trong chớp

mắt là có thể biến ra Hà nội rồi lại trong chớp mắt trở về Bà lệ, không cần xin giấy tờ xuất ngoại cả! một chánh phủ đã sẵn lòng chứa chấp y.

Dùng chữ « affabulation », báo « Le Monde » hẳn ý muốn ví chúng ta... ngang hàng với một nhà thơ ngụ ngôn của văn học cổ điển Pháp đấy! Ai mà không biết câu truyện ngụ ngôn « Đứa nhỏ bị chó sói vờ ».

Áp dụng vào một trường hợp cụ thể: Bên cạnh tin Bảo Đại về Hà nội, làng báo ta cũng đăng đầy tin thanh niên nam nữ Việt Nam hàng hải tòng quân, và chiến sỹ ta chiến thắng ở Đồng Tháp. E có người sẽ đặt câu hỏi: Có thật không hay lại như câu truyện ngụ ngôn về Bảo-Đại?

BỨT-NHON

MỖI NGÀY NÊN ĐỌC:

NHẬT BÁO

Cách - Mạng Quốc - Gia

Chủ-nhiệm: ĐỖ-LA-LAM

BÌNH-LUẬN ĐÚNG — TIN TỨC CHÂN XÁC

Tòa-soạn 5, 7, 9 Ngô-đức-Kể

SAIGON

Kế-hoạch gây nhân-tài

(Tiếp theo trang 19)

Tức như Viện dục-anh, sẽ đem dạy chữ Tây, nghề Tây. Lại đem cả chữ Nam, nghề Nam cũng dạy dở nửa, không có chỉ trái ngược cả. Trái cũng như gái đều vào học, cho tới lúc trưởng thành.

Và những hội khác, cũng làm như vậy. Triều đình là cha mẹ của thứ dân. Phàm việc gì có ích cho con cái mà có thể lấy được, thì chẳng kể xa, gần, kia, khác, đều phải lập cách lấy về cho gia đình mới là phải.

Hoặc giả có thể cho lập lại mỗi tỉnh một viện mà đề vị Giám-mục đứng cai quản cho.

Tôi sợ dĩ nài xin trừ liệu về các dục-anh đường, là vì nó có ích thực lớn lao cho trẻ nhỏ.

*

Các điều trên đây, là tôi chỉ xin lựa chọn những sự kiện tần thường mà đề làm, đưa tới nhiều tác dụng lớn về sau này.

Đó mới chỉ là tóm tắt những điểm chính, còn các mục nhỏ nhất thì chưa trình bày rõ ràng được (muốn viết hết ra, phải tới trên 5,600 trang giấy).

Nếu triều đình cần lấy đề mục nào, tôi sẽ xin trình bày đầy đủ rõ rệt. Tức như một khoản thời văn về chính sự, đã quá nhiều phiền phức, mà lại có thể thay đổi dần dần được.

Riêng điều này là cần kíp, là quan trọng. Còn như những công trình lớn, như xây Cơ-xảo lớn, sau này sẽ từ từ cử hành một hai việc đề xướng xuất cho dân chúng.

Đặc phàm những cái ưa, ghét, chê, bỏ, của kẻ dưới, đều là do ở sự thường, phạt, khen, răn, của người trên. Những cái mà dân chúng tranh dành, chỉ tại bởi cấp trên qui trọng mà ra vậy.

Thế mà lúc này điều ta lấy làm quý, là « Nhỏ ». Mà chỗ coi làm quý của « Nhỏ » là « Đa văn ».

Nếu như bây giờ đem cái công khó đề học thành « đa văn » mà làm kiếm luôn cả những chỗ phú quý khác nhau hàng ngàn vạn của tạo vật, thì chỗ quý cũng sẽ rất nhiều. Bởi vì vật thường chia loại nào ra thứ này. Mỗi thứ đều có chỗ kỳ diệu đáng quý, nên gọi là mỗi vật đều có một thái cực vậy.

Nếu biết chia môn, phân loại mà học, thì trong một nước sẽ có được nhiều cái đáng quý, chẳng hơn chỉ có độc một cái đáng quý hay sao?

Than ôi, tính tình con người ta, mỗi người một khác! Mỗi người đều có chỗ sở trường đề đáp ứng với sự vật. Nay ta chỉ dùng được một sở trường này, thì phàm khi cần biến ra sở trường khác, làm sao mong đắc lực được.

Tóm lại mà xem, thì Tây phương họ biết tùy theo tính chất con người, đề bắt chước cho thực sự đa phương của Tạo vật, mà đi đường tính tình, quy về đạo đức. Cho nên dân họ cũng có được nhiều thành tựu đề ứng dụng với cả trăm chiều.

Mà ta thì chỉ biết quý trọng duy một hàng « sĩ » bởi vậy dân chúng cũng lấy « sĩ » báo lại.

Giả như bây giờ đi, chúng ta biết rõ được rằng triều đình còn kiếm lấy cả chỗ « Đa nghệ » làm quý, thì với thời gian chẳng mấy năm, họ sẽ lại cũng tranh dành nhau đem cái tài « đa nghệ » mà chôn giấu nơi cửa khuyết vậy?

Xin kính bần
— Hiệp-Tá Đại-học-sĩ lãnh Binh bộ thượng thư, sung Cơ-Mật Viện Đại-thần, chương Khâm Thiên-Giám sự vụ, kiêm quân thượng Bạt đại nhân.

— Hình-bộ thượng thư kiêm Lễ-bộ-thượng thư đại nhân.

— Lại Bộ-thượng-thư, kiêm Công-Bộ Thượng thư đại nhân,

— Hộ bộ Thượng thư đại nhân.

Lượng xã,



HUẾ

Núi đến Huế, phải nói ngàn vẻ đẹp
 Của sông Hương, êm-ả... nước mơ màng...
 Của thuyền-nan cất mái gợn trắng vầng
 Của đình Ngự mỹ-miệu sương lóng-lánh

Của Thiên-mụ, chuông chiều ngân lanh-lánh...
 Của Thọ-xương, xao-xác tiếng canh gà
 Của Trường-Tiền sáu nhịp kẻ Đông-ba.
 Của Lăng-tâm, uy-hùng như trống-lệ.

Tôi nhớ Huế, không phải vì gái Huế,
 Vóc thanh-thanh, chiếc nón lá nghiêng-ngiêng...
 Tóc chấm vai đượm vẻ đẹp u-huyền.
 Làn môi thắm, nở nụ cười cũng thắm.

Tôi nhớ Huế không phải vì nắng ấm.
 Hay mưa xuân lấm-đám điểm trời xanh.
 Hay danh-lam thắng-cảnh của nội thành.
 Hoặc di-tích đất Thần-Kính cò-kính.

Tôi nhớ Huế là luôn luôn sùng-kính,
 Những anh-hùng tuấn-khết của non-sông.
 Đã đem tài thao-lược cứu giống-giòng,
 Ra khỏi ách nô-vong bao thế-kỷ...

Những lưỡi kiếm tung bay ngoài chiến-lấy,
 Khắp trời Nam hoa gấm diệt quân thù.
 Máu hồng tươi rửa sạch hận thiên-thu.
 Nút xương trắng xây nên đài tự-chủ,

Nhưng chưa vẹn trên con đường nghĩa-vụ...
 Mà hôm qua ôm hận xuống thuyền-đài...
 Mà hôm nay Lăng-tâm hãy còn đây.
 Hương khời quện theo mây ngàn gió núi...

Xưa đang-dở, giờ còn ai đeo đuôi...
 Theo đường đi lối bước phù chông gai.
 Hay phôi-pha theo tháng lạnh năm dài,
 Cho tụi nhục một đời trại trại-thể-hệ...

Nay nhân dịp dừng chân nơi đất Huế...
 Động hồn thơ, Tôi vội dệt vần thơ,
 Lúc đêm khuya, văng-vẳng tiếng chuông thờ,
 Đề tặng bạn phương trời làm kỷ-niệm.

BẠCH-HUỆ-HOÀ

Gửi Phạm-dình-Tân

Tiếp Tuần báo do anh gửi đến,
 Vài dòng thơ cảm mến thiết tha.
 Nhớ hôm chung nhấp hương trà,
 Nay ngồi tĩnh lại thoát đà hai năm.
 Hai năm ấy duyên văn càng thắm,
 Tình yêu nhau bao quản xa xôi.
 Cảm anh ngon bút thiên tài,
 Cảm anh chung thủy một lời thủy chung.
 Bây giờ nói việc mừng chuyện mới,
 Con anh rày tới tuổi hai năm.
 Gần xa đã nổi tiếng tăm,
 Nhờ anh công khó lo chăm mỗi ngày.
 Đuốc soi nẻo vãng lai khắp cõi,
 Chuông reo tình vang dội đó đây.
 Con anh tươi tỉnh mặt mày,
 Chắc anh quên hết những ngày gian lao !
 Nhìn thêm vẻ hồng hào duyên dáng,
 Áo xinh xinh nhưng mảnh đó thôi !
 Phen này kình tế có vui,
 Anh cho nó bận đậm mùi chút đi !
 Lòng thì chẳng có gì chỉ trích,
 Càng nhiệt tâm giúp ích đồng bào.
 Một vầng trăng sáng treo cao !
 Giang sơn hoa gấm biết bao nhiêu tình !

NGÔ-GANH

Huế, ngày 11 tháng 11 năm 1961.

Phóng họa phúc đáp

Báo gửi đi tưởng chừng chưa đến,
 Thư sớm về nồng mến thiết tha.
 Thời gian chẳng đượm hương trà,
 Nhưng tình thân ái đậm-đà bao năm !
 Vì duyên-nợ nên văn càng thắm,
 Trót kiếp tâm càng lấm ươn tại.
 Phận hèn đâu nói trí, tài,
 Một đời gói ghém trong lời thủy chung !
 Chuyện báo chí bận mừng đời mới,
 Tôi hằng lo nghĩ tới tháng năm...
 Khi gieo giống tưởng chìm tăm,
 Phúc nhà mọc đợi người chăm nom cùng.
 Mùa đầu chẳng từng bùng khắp cõi,
 Cũng ánh vàng vang dội nơi đây ;
 Gọi là nở mặt tổ mày,
 Cho non nước cũ quên ngày gian-lao !
 Đâu giám tưởng kiệt hào về hãnh !
 Đâu giám thấu thắm mãnh áo thôi !
 Nay đầu lòng chứa toàn vui,
 Ôn trên đùm bọc đôi mùi thơm xinh.
 Bạn xa xôi thương tình không trách,
 Lại thêm lời khuyến khích, hô hào.
 Lòng son : sông núi, trời cao,
 Hãy xin chứng giám cho bao nhiêu tình !

PHẠM-ĐÌNH-TÂN

Saigon, 16-11-1961

Văn đàn

ƯỠI Ử

NGƯỜI TIÊU-PHU

với CON BẠCH-TRĨ

Truyện cổ-lịch Triều-Tiên
do **QUÂN-TƯỜNG-VI** thuật

N GÀY xưa, có một người tiêu-phu sống rất thanh bạch. Hàng ngày bác chỉ biết vào rừng kiếm củi khô mang ra chợ đổi lấy gạo và thức ăn. Anh em bạn muốn dạy cho bác cách gài bẫy để bắt các loài cầm thú hay thả lưới để bắt cá, nhưng bác cho thế là thất đức, nhất định không chịu làm theo.

Một buổi trưa, đang nằm nghỉ trong rừng sâu, bỗng bác chú ý đến một con bạch trĩ đậu trên cành cây gần đấy. Bác thấy tự nhiên nó ngừng gáy, xong toàn thân nó run bật lên, hai mắt nó dờ lại, miệng nó thốt ra một tiếng kêu náo nùng, rồi rơi đến bịch một cái xuống đất... trước mồm con rắn lớn ! Thì ra con rắn đã thò miên con trĩ và sắp sửa nuốt miếng mồi ngon lành vào bụng.

Nhanh như chớp, cành tre đang ở trên tay bác tiêu-phu đã vụt xuống, và con rắn, bị một roi trúng vào giữa đầu, đã lăn ngay vào trong bụi cây bên cạnh...

Bác đỡ con chim lên, hà hơi vào đầu nó, hai tay bưng lấy nó như muốn truyền hết nhiệt độ sang thân mình nó... Chẳng bao lâu, con chim đã hồi tỉnh. Bác bèn để chim đậu lên cành cây và không quên chúc nó đủ sức bay

xa, để tránh khỏi nanh vuốt của mọi thú dữ. Con bạch trĩ cất cánh bay bổng lên trời, lượn quanh trên đầu bác mấy vòng như tỏ vẻ cảm ơn rồi chọn ngọn cây cao nhất đậu xuống nghỉ.

Bỗng bác nghe thấy tiếng người rên rỉ ở lùm cây bên tay phải. Bác vội vã chạy đến chỗ ấy, và xiết bao kinh ngạc khi thấy một người đàn bà trẻ đẹp đang lẫn lộn trên cỏ. Bác tiêu-phu ngăn người ra, đứng sững lại không biết phải nói gì nữa. Mỹ nhân cất tiếng thở thê nói rằng : « Em bị lạc vào rừng... nay bỗng dừng lại bị cầm mào, đầu đau như búa bổ, không còn thể đứng lên được ; xin chàng hãy làm ơn dìu em đến cái tháp ở trước mặt kia để em vào nghỉ tạm trong ấy. »

Bác tiêu-phu làm theo lời người đẹp. Khi vào đến trong tháp, bác bỗng rùng mình vì mùi hôi-hám, và có cảm giác là đang ôm một khúc cây lạnh buốt ngoài có đầy những vẩy cứng sắc bao bọc. Bác vội lồm nhồm đọc mấy câu kinh Phật mà xưa kia thân-mẫu bác từng dạy bác để trấn tĩnh nỗi lo sợ hay đàn áp dục vọng...

Khi đã hoàn hồn, bác định thẩn nhẩn kỹ lại. Thì ra người

đẹp kia chính là con rắn hồi nãy đã biến hình đổi dạng cốt để dẫn dụ bác vào cái tháp hoang này để hãm hại bác. Bác vùng chạy ra, nhưng cửa tháp đã bị lấp tự bao giờ.

Con rắn ở phía ngoài, cười ngạo nghễ và nói :

« Nay không còn ai cứu nỗi người ra thoát khỏi ! Ta chờ đến sáng mai, khi họ hàng thân thích của ta đến đầy đủ, sẽ mang người ra làm thịt tế thần... Người cứ việc cầu nguyện ! Cầu làm sao cho đến đúng nửa đêm nay, cái chuông chùa ở phía bắc kia tự nhiên đóng lên, thì ta sẽ thả người ra ! »

Bác tiêu-phu chẳng lạ gì việc ngôi chùa ấy đã bị bỏ hoang đến gần nửa thế kỷ rồi ; cái chuông treo lơ lửng trên cao không biết còn được nguyên vẹn nữa không, còn kêu nữa không... chắc cả đến bà thần mẫu của bác, trong cả đời bà cũng chưa hề được nghe thấy chuông ấy kêu bao giờ... Nhưng bác không hết niềm tin tưởng và cứ cầu nguyện...

Đến đúng nửa đêm, chuông chùa tự nhiên dội lên từng hồi, tiếng ngân lạnh lạnh khiến cho các loài thú dữ đều nháo nhác hoảng sợ.

Con rắn thất kinh vội vã biến đi ngay ; ngôi tháp cũng tự nhiên tan ra thành khói... Bác tiêu-phu khoan khoái hít khí trời trong sạch, rồi ba chân bốn cẳng chạy thật mau về hướng ngôi chùa, với ý định gấp cho được người nào đã tình cờ rung chuông cứu bác và để tạ ơn vị này.

Vào đến trong chùa, bác nhìn quanh không thấy ai : bác bèn leo lên tháp chuông đó nhìn ra từ phía... Ở một góc chuông, bác đã trông thấy một đám máu hầy còn tươi... Lăn theo giọt máu đang nhỏ xuống đất bác tiêu-phu thấy thi thể con bạch trĩ nằm co quắp trên đám cỏ khô...

GIẢI-TRÍ KHOA-HỌC

Chiều bóng bằng tay

H. DUY-VIỆT phụ trách

Chiều bóng bằng tay

MỖI khi các em đi xem chiều bóng các em có biết khi xưa mới có chiều bóng, thời kỳ phôi-thai là thế nào không? Rất sơ sài: dùng những hình cắt đem chiều vào tường. Nhưng nay các em dùng hai bàn tay cũng có thể chiều bóng được. Tối đến, các em đứng trước đèn sáng lấy tay cứ làm theo bản vẽ sau đây các em sẽ được xem hình con ngỗng, nom rất ngoạn-mục.

Trong lúc nhàn rỗi, anh em tối đến trò truyện rồi lại xem



chớp bóng không mất tiền thì thật là thú!

Các em thử làm mà xem, kỳ này chiều hình con ngỗng, sau sẽ mách em chiều hình giống vật khác mà coi.

Cũng như Staline

MUSSOLINI không được mò yên mã đẹp!

CÁU chuyện Cút-Xếp « đuôi » xác chết của Staline ra khỏi công trường đồ, đã làm xôn-xao dư-luận thế giới và bị coi như là một cuộc đảo mồi cuộc mã.

Có điều trùng-diệp hơi lạ là một yếu nhân khác trong trận Thế-chiến thứ nhì, nhà độc tài Ý phát-xít là Mussolini cũng không được yên mồi mã sau khi chết. Nguyên là sau khi chế độ bị sụp đổ ở Ý, Mussolini bị bắt và kết án tử hình.

Lúc hành hình xong rồi, nhà chức trách cho an táng bí mật ở nghĩa địa thành phố Milan, để giấu những bộ hạ cuồng tín của đảng phát-xít. Ai ngờ, đêm này hay được chôn cất, bèn đào mồ lên, an tẩm tử-thi đem giấu đi nơi khác. Việc này xảy ra mùa hè năm 1946 và do nghị sĩ D. Lecissi tổ chức. Ông này là một yếu-nhân Phong-trào Xã-hội Ý, một chánh đảng trung thành với Mussolini. Lấy trộm rồi họ bọc tử thi nhà độc tài trong một tấm vải dày bỏ vào một cái rương lớn, rồi đưa lên chiếc xe ca-mi-ông chuyên đi nơi khác.

Song nghị sĩ Lecissi biết rằng một đồng chí của ông bị một cảnh sát bắt và việc an tẩm tử-thi đã bại lộ, bọn ông đang bị theo dõi. Ông liền bảo chiếc xe trú ẩn trong một nhà xe ở Madesimo.

Một đêm, ông đến gõ cửa nhà tu kia ở Milan và yêu cầu cha Parini cho một chỗ để chôn cất Mussolini. Sau khi thân luận với bề trên, cha Parini chấp nhận lời yêu cầu và định sẽ cho an táng ở nghĩa địa Parie.

Nhưng cảnh binh theo dõi đã đến kịp nhà tu để can-thiệp, đòi lại các xác chết.

Cha Parini ưng thuận trả lại song buộc nhà cầm quyền phải cho Mussolini một nơi an-táng đáng hoàng.

Chánh phủ Ý lại đem tử-thi ấy giấu ở một nơi an-táng bí mật. Mãi vài năm sau bà vợ góa của nhà độc tài Ý mới xin được xác chôn đem về chôn tại nghĩa-địa gia đình ở Predapio.

Cho hay số kiếp những tên độc-tài khát máu giống nhau cả đến... cái mồ! Ta hãy chờ coi số phận dành cho mã Cút-kếp—không lâu nữa đâu!

MỖI NGÀY NÊN ĐỌC NHẬT BÁO Lẽ-Sống

Đề hiểu rõ tin tức Quốc-tế và Quốc-nội cùng nhiều tài liệu giá-trị khác.

Chủ-nhiệm : NGÔ-CÔNG-MINH

Tòa-soạn 66 đại-lộ Nguyễn-Huệ, SAIGON

VÒNG QUANH THẾ-GIỚI

(Tiếp theo trang 31)

Trong khi đó vụ thử bom 50 mê ga-ton của Nga vẫn tiếp tục gây những làn sóng phản nộ ở khắp thế giới ngoài bức màn sắt. Ủy Hội chính trị Liên Hiệp Quốc đã chấp thuận một dự quyết của các nước Á Phi yêu cầu các cường quốc ngừng thử bom. Dự quyết này rõ rệt là nhằm dả kích Nga một cách gián tiếp và do đó người ta thấy thái độ của các nước mệnh danh là trung lập đã có chút thay đổi đối với chính sách đe dọa nguyên tử của Nga.

Algérie quốc tế hóa và Congo lộn xộn

Tại Pháp chính phủ de Gaulle bị bối rối vì vụ tuyệt thực của các tù binh Algérie, trong khi các nước Á Phi mở cuộc tấn công bằng ngoại giao và ở Liên Hiệp Quốc đề buộc Pháp mau giải quyết cuộc xung đột ở Algérie đã bước sang năm thứ 8. Người ta có cảm tưởng vấn đề Algérie đã bắt đầu được quốc tế hóa và đó là một thắng lợi của phe kháng chiến tranh đấu giành độc lập.

Vấn đề Congo lại bắt đầu sôi nổi trở lại với vụ xung đột giữa Katanga và Chính phủ trung ương trong khi Liên Hiệp Quốc cố gắng giữ trật tự và an ninh. Song lẽ, chính các nhân viên L.H.Q. lại thường là nạn nhân: 13 phi công Ý phục vụ cho L.H.Q. đã bị quân đội Congo hạ sát dã man. Đồng thời người ta tố cáo Thủ tướng Tshombé đã nhúng tay vào vụ hạ sát Lunumba trước đây.

Tranh chấp Nga-Tàu

Về phía Cộng-sản, mặc dầu đại hội thứ 22 của đảng Cộng sản Nga đã chấm dứt, nhưng di âm vẫn còn! Khrushchev đã đắc thắng trong việc hạ bệ Staline lần nữa và công cuộc tẩy thanh các di tích của Staline tiếp diễn ở khắp nước Nga sau khi thi hài ướp khô của Staline bị đưa ra khỏi nhà mồ danh dự ở Công trường Đỏ.

Tuy nhiên vụ Albanie vẫn còn gây cho Khrushchev nhiều khó dễ. Trung-Cộng cương quyết bênh vực Albanie và có lẽ bênh vực cả phe « chống đảng » của Molotov chống lại Khrushchev. Trong cuộc tranh chấp này mà người ta coi là một sự dạn nứt trầm trọng của khối Cộng, phe Trung-Cộng có vẻ đã đắc thắng ở hiệp đầu: Bắc Việt và Bắc Hàn công khai ngả theo Trung Cộng bênh vực Albanie.

Tuy nhiên người ta tin cuộc tranh chấp trong nội bộ Cộng sản còn gay go và sẽ gây ra nhiều hậu quả quan trọng đối với cục diện thế giới.

★ ★ NHỮNG KỶ QUAN trên thế-giới ★ ★

Kỳ quan tại Trung-Quốc xưa : Vạn-Lý Trường-Thành

(Tiếp theo)

THƯỜNG-CỐC-SƠN là một thị trấn nhỏ, có thể nói là thị trấn biên thủy của Trung-Quốc xưa. Chỉ đi qua một công lớn gọi là Thường-Cốc-Sơn ải là ra khỏi địa phận Trung-Quốc xưa để vào nội địa nước Mông-Cổ xưa mà Vạn-Lý Trường-Thành có nhiệm vụ ngăn ra làm hai nước và giữ cho giặc Hung-Nô khỏi tràn vào Trung-Hoa.

Chúng tôi xin phép nhà đương chức trấn thủ ở Thường-cốc-Sơn-Ái rồi trèo thang đá lên mặt thành và thẳng tiến về phía Bắc để tới Độc-Thạch khầu, một trấn biên thủy xa lắc xa lơ, nơi mà hàng chục vạn sinh-linh đã bị chôn vùi dưới đá, gạch của trường thành.

Đi bằng ngựa hay kiệu song loan cũng phải ba giờ mới tới nơi. Đi trên mặt của khúc Vạn Lý trường Thành nơi đây, du khách có dịp ngắm cảnh tượng hoang-vu của hai cánh đồng cỏ : Một bên là cánh đồng cỏ rộng mênh mông do Vạn-lý trường-Thành bao bọc tứ phía và theo truyền thuyết thì ở nơi đây xưa kia là bãi chiến-trường giữa quân Trung-Hoa với quân Hung-Nô và là mồ chôn của nửa triệu rợ Hồ bị bao vây trong mấy chục năm ! Tương-truyền rằng : « Sau mấy năm công phá các thành-trị ở phía Tây Thượng-Cốc-Sơn, hai chục ngàn quân Hung Nô phá được một vài nơi của Vạn-Lý Trường-Thành đã xâm nhập nội địa rồi chiếm cứ được cả một vùng đất đai phì-nhiều rộng trên 10 vạn dặm, gồm có các trấn ngày xưa có từ đời tam quốc là Tang-Kiền, Mã-Ấp, Bạch-Đăng, Đại-Quân, Thượng-Cốc.

Quân nhà Minh vội tuyển-mộ hàng triệu dân và ngày đêm xây thêm đoạn trường thành từ phía tây Tang-kiền đến phía Nam Thượng-Cốc. Quân lính thì đánh nhau với giặc Hung-Nô ở tiền-quyển, cũng ở trong Vạn-Lý Trường Thành bị chọc thủng, còn dân thì đắp lũy xây thành để bảo vệ hậu-quyển.

Một mặt quân Tàu lại tập hậu quân Hung-Nô mà bao bọc lấy ở phía tây bắc, nghĩa là phía ngoài thành Vạn-Lý cũ, công hãm quân Hung-Nô ở

trong khoảng đất Thượng-Thượng Cốc-Sơn. Sau khi đã bao vây tứ phía giặc, đại đội binh mã nhà Minh mở một cuộc tấn công vũ bão rồi giết hết không còn một tên nào !

Vì lý do bảo vệ đất đai và bao vây quân địch mà quân Trung-Hoa đã kiên nhẫn xây thành đồng đá trong mấy năm trời cho nên mới có một đoạn thành kép trong Vạn-Lý Trường-Thành của vùng



Đền Kỷ-niệm ở Bắc-kinh

Bắc-Bình (Bắc-Kinh) ngày nay .. » Bây giờ, đứng trên mặt thành Vạn-Lý ở trấn Thượng-Cốc-Sơn, du khách chỉ trông thấy những đồng lúa xanh tươi, cây cối xum xoe, làng mạc đông đúc, và nếu tưởng nhớ đến truyền xưa thì mới biết đây là mồ chôn của hàng chục vạn sinh-linh và nhớ đến mấy vần thơ của Thủ-Khoa Bùi-hữu-Nghĩa khi qua viếng bãi chiến trường xưa, bãi Hà-Âm ở ranh giới Miên-Việt thuộc đất Hà-Tiên. Thơ rằng :

Một mịt mây đêm kéo tối dăm,
Đau lòng phong cảnh chốn Hà-Âm.
Đống xương vô định sương phao trắng,
Vũng máu oan hồn cỏ nhuộm thâm.
Giỏ tro (ma) đặt dờ nơi chiến lũy,
Đền trời leo lét đám u-lâm.
Sót sa trên mộ câu thơ điệu,
Vẳng về bên thềm tiếng dế ngâm.

Người dẫn lộ dục chúng tôi mau đi để sớm tới Độc-Thạch-Khầu và sau đó một giờ thì chúng tôi tới. Đây là một đồn gác xây trên mặt thành cũng như hàng vạn đồn gác khác ; nhưng đặc biệt là đồn gác này được xây ở trên một cái công thành rất lớn và kiên-cố đục qua một tảng đá không-lỗ có thể nói rằng cao bằng 10 đầu người. Công việc đục hòn đá, xây thành Vạn-lý và đồn gác ở nơi biên thủy xa xôi, hẻo lánh lạnh lùng, ở nơi thâm-sơn cùng cốc này đã làm tốn hàng ngàn hàng vạn nhân-mạng, trong số đó có cả nàng Lệ-Nga và chàng Tuấn-Sinh.

Tới đây, ông lão dẫn lộ tự tập chúng tôi ở trước cửa chòi gác nay bỏ hoang, tường rách đồ nát, cây cỏ chen nhau mọc phủ um tùm, tuy nhiên cổ tích vẫn cùng Vạn-Lý Trường-Thành thì gan cùng tể nguyệt. Ông lão chỉ vào tảng đá lớn trên xây bốp gác và chậm rãi nói :

— Tảng đá không-lỗ độc nhất ở vùng này mà người xưa đã dùng làm cửa ải và xây đồn canh được người đời truyền khẩu lại rằng đây là nơi đánh dấu chỗ mà hai linh-hồn của nàng Lệ-Nga và chàng Tuấn-Sinh đã hiện thành hai phiến đá thần-bí để cho vị Hòa-Thượng Chuyết-Công đem theo về quê quán, khi Chuyết-Công được con của Tần-Thị-Hoàng là Tần-nhị-Thế ra ân tha cho về nguyên-quán, theo lời khuyên của viên Thái-sư Chu-huệ-Ly.

Ngừng một lát, lấy bầu rượu Gia bì ra tu một hớp, lão dẫn lộ tiếp tục nói :

— Truyền mà lão kể lại đây đã được truyền tụng từ bao nhiêu thế kỷ, người Trung-Hoa đều biết, không biết nó có thực không, nhưng ai cũng tin là có, dù nó có tính cách hoang đường và huyền bí, nhưng quý vị nên nhớ là hồi Tần - Thi - Hoàng, nhưng truyện huyền-bí rừng rợn không phải là không có, nó cũng huyền bí, kỳ lạ như chính đời Tần-Thị-Hoàng !

(Xem tiếp trang 30)



Hương Lúa TÌNH QUÊ

KỊCH DÀI XÃ HỘI TÌNH CẢM

★ CỦA ANH - TUYẾN ★

(Tiếp theo)

Xương : Thưa Bác, xin Bác bỏ lỗi cho. Tôi thư thật với Bác, tôi thấy Cô Mùi thì cũng thương. Nếu bác bằng lòng thì...

Ông Tư : (vuốt râu) Chú Cặp Răng nói sao ? Chú nói Chú thương con Mùi...

Xương : Dạ.

Ông Tư : Chú Cặp Răng đã nghĩ kỹ chưa ? Tôi e rằng với tuổi tác của chú...

Xương : Thưa Bác, tôi cũng biết phận của tôi góa bụa. Nhưng mà tục huyền thì phải chọn nơi nào biết làm ăn mới được. Nếu Bác không chê tôi...

Ông Tư : Thôi chú đề tôi suy nghĩ lại đã, phần vì con Mùi, tánh nó cứng đầu lắm. Đề tôi dò ý nó ra sao đã. Tôi thì già rồi, kể ra lập gia đình cho nó cũng phải. Nhưng chú biết, ép đầu ép mớ, ai nó ép duyên... Đề tôi xem ý từ nó ra sao trước đã.

Xương : Dạ, trăm sự nhờ Bác. Nếu Bác không chê cháu, thì chắc Cô Mùi...

Ông Tư : Chú Cặp-răng đừng vội tin tưởng như vậy. Chú chưa biết tánh con nhỏ. Thôi thông thẳng rồi hãy hay.

Thôi chào Cặp-Răng nghe, ở chú thưa với cậu Hai, bữa nào trâu ở không, chú cho qua bữa cho tôi một bữa.

Xương : Dạ, được. Đề tôi sắp đặt công việc rồi tôi cho Bác hay.

Ông Tư : Ở được, thôi tôi về nghe.

(ra, còn lại một mình Xương đứng vuốt râu cười.)

(Trong hậu trường vang ra tiếng hò của Chi): Sông sâu cá lội vô bờ.

Lạy ai Ông lạy, đừng chờ uống công.

Xương : (trợn mắt) Lại thằng quý chùa đồ ousa 1) xách cây thước, hăm hực chạy vào)

CẢNH IX

Một đêm trăng, bên hiên lùm lúa. Ngoài sân trăng sáng vắng vặc dưới mái hiên. Chi, Mão và một đám trẻ đang ngồi học.

Thái : (chỉ lên bảng đen) Chữ này là chữ I. Chữ này là chữ tờ. Các em trông kỹ đây, chữ I và chữ tờ đều có cái móc như lưới câu câu mấy em thường câu cá rô. Đây là cái móc, các em thấy rõ chưa. Nhưng chữ I thì ngắn hơn, và chữ tờ dài hơn và có cái ngang ở trên như cái đòn gánh vậy.

Nhớ không. Chữ I lại có cái chấm ở đầu, chữ tờ không có. Bởi vậy người ta nói :

I tờ có móc cá hai

I thì có chấm, tờ dài có ngang

Đầu các em lập lại coi !

(Mấy đứa trẻ lập lại)

Em Thành chữ này là chữ gì ?

(có tiếng đáp, Dạ, chữ tờ)

Giỏi, sao em biết là chữ tờ ?

(Tiếng đáp, dạ, tại nó có cái gát ngang)

Giỏi, em Nhung, chữ này là chữ gì ?

(Nhung : Dạ chữ I ạ)

Tốt, tại sao em biết là chữ I ?

(Nhung : dạ, vì em thấy nó có cái chấm trên đầu)

Hay lắm, thôi các em tiếp tục đi.

(Lũ trẻ ã a học)

Thái : (đốt thuốc hút, rồi đi lại phía Chi).

Sao, chú bé viết rồi chưa.

Chi : (Đưa vở cho Thái xem) Thưa Cậu, rồi ạ.

Thái : (cầm xem) Ủ, chứ em hôm nay đẹp

lắm, em thuộc bài chưa ?

Chi : Thưa Cậu, con thuộc từ hôm qua. Đó con đọc cho cậu nghe (khoanh tay đọc lâu lâu Công cha như núi thái-sơn.

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra

Một lòng thờ mẹ kính cha

Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con

Thái : Giỏi, bài này dạy đều gì ! em biết không !

Chi : Bài này dạy chúng ta phải biết thương yêu cha mẹ, vì cha mẹ đã sanh thành dạy dỗ chúng ta.

Thái : (vò đầu Chi) Giỏi, em Chi giỏi lắm. Thôi các em nghỉ, mai đến học sớm.

(Chi và các trẻ đứng lên chạy ra sân. Thái thông thả đi vào nhà, vừa đi vừa hút thuốc)

Mão : Trăng sáng quá, tụi bây ơi. Về chi sớm, ở đây cút bắt chọi.

Chi : Đừng thêm chọi cút bắt. Một lắm. Tụi mình chọi thẳng bờm đi.

(Lũ trẻ nhao nhao : Ở phải đó, anh Chi làm thẳng bờm).

Chi : Hồng thêm đầu. Tao làm Phứ-ông. Con Mão làm thẳng Bờm đi.

Mão : Anh này nói dễ nghe quá. Tôi là con gái làm thẳng Bờm sao được. Anh làm mới đúng bờm đi.

Chi : Tao hồng làm.

Mão : Anh không làm thì tụi tôi chọi cút bắt vậy. Tại anh bày đặt thì anh phải làm thẳng bờm chứ.

Lũ Trẻ : Phải đó, anh Chi phải làm thẳng Bờm. Không thôi tụi tôi về da.

Chi : Làm thì làm (cứ đầu Mão) Con nhỏ này, cái gì mà cũng chọi gát hơn tao. Đầu dừa nào kiếm cho tao cái quạt đi.

Mão : (Chạy vô, lấy quạt ra) Đây cái quạt đây, anh phải vò đầu cho bờm ra mới được chứ. Trời, làm thẳng bờm mà đầu chải láng bóng vậy sao được ? (vò đầu Chi) ở coi được rồi đó (Chi cầm cái quạt, mua mưa) Không được, mặt anh phải là ra bụi một chút mới đúng điệu chứ.

Chi : Tao mà mày bắt làm bụi ! Bộ tao ngu lắm sao, con nhỏ này nhiều chuyện quá. Đồ như vậy được chưa ?

(Chi làm ra vẻ ngổ, cầm quạt múa múa.

Mão và lũ trẻ ngồi vây quanh dưới đất và hát vũ khúc :

«Thẳng Bờm có cái quạt mo !

CẢNH X

(thêm Thái và Mùi)

có tiếng chó rọ lên sủa,

Thái : (Trong nhà đi ra) Chi, em ra coi ai mà chó sủa vậy em.

Chi : (ngừng chọi, chạy ra la chó) Chết nghe vện ! Cái gì mà sủa dữ vậy... Ủa chi Mùi. Vô đây chi Mùi, vô hát với mấy em chọi, đi chi. Vui lắm.

(Mùi và Chi bước vào).

Thái : Cô Mùi, cô đi đâu mà có một mình vậy ?

Mùi : (Bén lên) Dạ, thưa Cậu em lại đình xóm trả tiền mướn.

Qua đây nghe mấy em hát nên ghé lại xem...

Thái : Tối nào chúng nó cũng tụ họp ở đây chọi. Tôi không có việc gì làm, nên dạy chúng nó cho vui. Học xong chúng nó nó đùa với nhau.

Mùi : Cậu thiệt là siêng. Ban ngày, lo việc trong điền, tối lại còn dạy học.

Thái : Thì dạy học cũng là việc trong điền vậy.

Mùi : Cậu từ tế quá. Em ít thấy người được như Cậu.

Thái : Tôi ở chợ, thức khuya quen rồi. Về đây không có chứng nó thật ra không biết làm gì cho đỡ buồn. Mì vì Cô vào nhà chọi.

Mùi : Dạ, cảm ơn Cậu, đề em đứng ngoài này cho mát... và cũng đề xem mấy em nó hát với chọi...

Thái : Tôi quên đi mất, Chi ơi cho vài cái ghế đi em.

(Chi và Mão đem ghế ra)

Cô ngồi chọi.

Chi : Hát với tụi em đi chi Mùi.

Thái : Ở phải đó, Cô Mùi hát chắc là hay lắm.

Mùi : Em mà biết hát xướng gì đâu. Chẳng Chi nó nói láo đó.

Mão : Không có láo đâu. Cậu Hai, chị Mùi hát hay nhất xóm đó. Chị hát với chúng em đi Chi.

Thái : Tôi biết Cô hát hay lắm, hôm nọ, qua xưởng có tôi có nghe cô hát rồi đó.

Mùi : Em hò, chớ đâu có hát. Hờ thì ai mà không biết hò. Em hát dờ lắm.

Thái : Dờ hay giỏi gì cũng được, miễn là có giọng của Cô là được rồi.

(Lại có chó sủa, khi đứng dậy ngo ngắc !

Cô ngồi chọi, có việc gì mà xem cô có vẻ ngo ngắc vậy.

Mùi : (ngồi xuống) Dạ, thưa Cậu, em muốn xin phép về... (thêm Tư-Thợ, Tư-Thợ bưng một thùng gạo vào).

Tư Thợ : Dạ, kính chào Cậu bai.

Thái : A, chào chú Tư, đi đâu tối vậy ?

Tư Thợ : Dạ, sắn thấy bên lùm còn thức, tôi xin phép Cậu cho mượn cối giã ít cối gạo.

Thái : Tưởng gì, đó chứ cứ giã đi.

Chi : (vỗ tay) A phải rồi, tụi bay ơi mới thêm người lại giã chày tư chọi. Giã chày tư anh Tư.

Tư : Có ai đâu mà giã cho đủ chày tư. Thôi anh giã một mình được rồi.

Mão : Đề tôi kêu thêm mấy anh bên nhà tôi qua giã tiếp cho

Chi : Phải đó. Mấy anh ra giã đi, rồi chị Mùi bắt cho nghe.

(Thêm vài ba điền lực, họ xây cối lại dưới gốc tre, và giã gạo chày tư. Lũ trẻ ngồi quay chung quanh xem và vỗ tay đánh nhịp theo. Mùi cũng nhập bọn, hát bản « Gạo trắng trắng thanh ». Dưới ánh trăng, tiếng chày đều nhịp, hòa theo tiếng hát trong trẻo gây một không khí vui vẻ nhộn nhịp)

Tư-Thợ : (ngưng chày) Thôi trăng rồi. Cảm ơn mấy anh. Bữa nọ có giã đàng nhà, kêu tôi, tôi giã giúp cho.

(Xúc gạo ra thùng, thôi, xin phép Cậu Hai tôi về. Cô Mùi ở chọi, Ế, về chưa mấy thùng nhỏ.

(ra)

Mùi : Em cũng xin phép Cậu em về, khuya rồi.

Thái : Còn sớm mà. Cô ngồi chọi, đề tôi biếu Chi nó pha nước uống. Chi ơi, mở cửa

cho mấy em chúng nó về. Rồi biếu con Mão nấu nước, châm trà mang ra đây.

Chi: Thôi đi về đi tụi bay, mai qua sớm nghe (Lũ trẻ đứng dậy, chào Thái, rồi ra. Chi và Mão vào trong)

Thái: Cô hát hay quá, nếu Cô ở Thành, được luyện thêm giọng chắc là còn hay nữa.

Mùi: (vân vơ tà áo) Cậu cứ chế em hoài.

Thái: Không tôi nói thật đó. À Chi nó nói là Cô muốn lại học phải không?

Mùi: Dạ, dẫu có, thằng nói bá láp hoài dẫu em dẫu làm phiền đến Cậu.

Thái: Phiền gì mà phiền. Tôi dạy mấy đứa đó thì tôi dạy luôn cô có hại gì đâu. Mà Cô không biết chữ thiệt hay sao?

Mùi: Thì Cậu nghĩ coi, chúng em từ nhỏ đã làm bạn với con trâu cái cày, có ngày giờ đâu mà đi học.

Thái: Vậy, sao Cô biết hát, ai dạy Cô vậy?

Mùi: Có ai dạy đâu. Em nghe thiên hạ hát, em hát theo...

Thái: Có thông minh quá. Nếu cô chưa biết chữ, thì tôi tới lại đây, tôi dạy cho.

Mùi: Em tối dạ lắm. Sợ học không thuộc, thầy giáo đánh chết!

Thái: Ờ, tôi dữ lắm. Ai không thuộc bài, tôi nọc ra sân, đánh đủ mười roi...

Mùi: (lè lưỡi) Thôi, thôi, nếu vậy thì em không học đâu. Em đành chịu dốt vậy.

Thái: Không, đó là đối với tụi thằng Chi, con Mão, còn đối với Cô thì khác. Học trò không thuộc bài, cứ việc đánh lại Ông Thầy.

Mùi: Chết, ai lại hỗn thế.

Thái: Học-trò mà đẹp, thì đánh chết thầy giáo cũng không sao.

Mùi: Cậu cứ chế em, mà thôi, em lớn chồng chồng như vậy đi học mắc cỡ chết!

Thái: Gì mà thẹn. Với lại có ai đâu mà mắc cỡ. Nếu cô không chịu học chung với tụi trẻ tôi dạy riêng cho.

Mùi: Như vậy mất công của Cậu lắm.

Thái: Không có gì mất công đâu, với cô thì tôi không tiếc cái gì hết...

Mùi: Dạ, em tính lại coi, với lại em sợ quá...

Thái: Cô sợ cái gì?

Mùi: (nhìn thẳng vào Thái) em sợ cậu quá.

Thái: (cũng nhìn lại Mùi, bỗng bật lên cười, sao lại sợ. Tôi dẫu có ăn thịt ai bao giờ. Bộ tịch tôi chính là dữ dằn lắm thì phải.

Mùi: (ngó xuống đất) Không phải vậy, nhưng sao nhiều lúc Cậu nhìn em, em sợ muốn phát run...

Thái: (phá lên cười). Nếu vậy tôi là con vi trùng sốt rét rồi (nhìn vào mặt Mùi) Bây giờ Cô có sao động?

Mùi: Không, bây giờ thì không run nữa.

Thái: Nếu vậy chắc không phải là vi trùng rét. Với lại có rét cũng không sao. Tôi có ký-nh nhiều lắm.

Mùi: Ký-nh là cái gì thưa Cậu?

Thái: Là thuốc đề trị bệnh sốt rét đó mà.

Mùi: À, nếu vậy cậu trị tà của Bà Hai Sảng, với ký-nh. Vậy mà thằng Chi nó nói cậu Chích chớ.

Thái: Cũng tùy theo bệnh. Có lúc phải chích, có lúc không chích được. Cô có đau lại đây tôi trị cho.

Mùi: Cám ơn cậu, em sợ chích lắm. Với lại, nhờ trời em ít khi đau yếu. Có đau thì thuốc chung quanh nhà đó cũng đủ dùng.

Thái: Thuốc gì. Nhà Cô có thuốc nữa sao?

Mùi: Dạ, thiếu gì, rau sam, cỏ mực, lá ổi đủ thứ.

Thái: Tôi chưa nghe ông thầy nào trị bệnh với các thứ đó bao giờ.

Mùi: Đi kiết thì uống lá ổi này. Đứt tay thì đắp lá cỏ mực. Rau sam thì trị bá chứng.

Thái: Nếu vậy, tôi phải học thuốc với Cô rồi... Tôi lại nhà Cô mấy lần sao không thấy các thứ thuốc đó.

Mùi: Cậu có lại nhà em sao?

Thái: Tôi lại ba lần mà không lần nào gặp Cô cả. Chắc là Cô muốn trốn tôi.

Mùi: Dạ dẫu dăm, em mắc công việc ngoài đồng chớ. Từ gà gáy em phải ra ruộng rồi.

(Bỗng lại có tiếng chó sủa, Mùi ngo ngắc đứng lên)

Thôi khuya quá rồi, Cậu cho em về...

Thái: Cô ngồi chơi uống nước đá. Mão ơi, nước được chưa?

Cô có làm sao không. (cầm lấy tay Mùi) Tay Cô lạnh ngắt mà Cô lại run nữa...

Mùi: Dạ, không sao, nhưng mà không hiểu sao nhiều khi nghe chó sủa vọng trong đêm khuya, em hồi hộp quá.

Thái: Cô ở thôn quê mà nhát vậy sao? Cô sợ chó chớ gì?

Mùi: Thưa không phải, em không biết sợ cái gì hết. Nhưng những lúc đêm khuya vắng vẻ, nghe tiếng chó sủa ma, em buồn muốn khóc lên được.

Thái: (lại nắm Mùi) Chắc cô có tâm sự gì! Cô có thể nói cho tôi nghe được không.

Mùi: (Rút tay lại) Không, em có chuyện gì đâu. Thôi em về kéo Tía em trông (đứng dậy).

(Còn nữa)

CÔNG - TY ĐƯỜNG VIỆT - NAM

Có bán:

☆ Đường miễng mía
nguyên chất.

☆ Rượu dốt 90°

Phẩm : TỐT — TRONG SẠCH

Lượng : THÙNG LỚN 200 LÍT
BÌNH 20 LÍT

Giá : RẤT RẺ — BÁN SỈ
VÀ LẺ

SẠCH — NGON — RIÊ

ĐIỀU.KIỆN ĐẶC.BIỆT NẾU MUA NHIỀU

Xin hỏi :

CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM

103, Trần-hưng-Đạo — Saigon

Đ.T. 24.454

Kho số 6, Bến-Vân-Đồn Khánh-Hội — Saigon

Đ.T. 21.360

NHỮNG KỶ QUAN THẾ GIỚI

(Tiếp theo trang 27)

Mà ở nước Trung Hoa, tự cô chỉ kim, nhất là trong công cuộc xây đắp cái thành Vạn lý bất hủ cũng như trong các câu truyện của nhân vật Trung-Hoa như Gia cát-Lượng, Tào-Tháo, Đổng-Phủ, Lý-thái-Bạch v.v..., những sự tích hay phải có phần thần thoại, phần kỳ dị, huyền bí thì mới có lý thú, để ai tin tưởng là có thì ghi nhớ trong tâm khảm, và nếu không tin thì nghe rồi để ngoài tai cũng chẳng sao ! Ấu cũng là một cách thẩm nhuần triết-lý Á-Đông đã phát huy từ trung tâm Vạn-Lý Trường-Thành... với quan niệm ấy, tôi xin kể tiếp :

— Trước khi Hòa-Thượng Chuyết-Công lên đường, người đến gần góc thành sạt đề có đôi lời từ biệt linh hồn nàng Lê-Nga và chàng Tuấn-Sinh. Chuyết Công vừa nhằm nói xong một mình đề khăn Nga-Sinh thì người giết mình vì thấy ở hai tầng đá đây trên mặt hai mộ của đôi uyên ương bất hạnh, bỗng nổi lên tiếng khóc thồn thức ai oán.

Trong tiếng khóc thấy giọng nói nghẹn ngào của hai linh hồn, khăn khăn van xin Hòa-Thượng cho theo về nguyên quán.

Chuyết-Công lấy lời dẫn dụ, an ủi nhưng tiếng khóc lại càng ào ạt, làm cho Chuyết Công phải cúi lòng, không cầm được giọt lệ.

Người định bỏ đi nhưng không đành lòng, vì tiếng khóc bi ai của hai phiến đá khiến người bước đi một bước dầy dầy lại dừng. Người lại ngạc nhiên khi thấy ở trên phiến đá những giọt nước bỗng đọng ở trong đá tiết ra như thê hạt lệ tuôn. Trước cảnh tượng kỳ dị, nào tiếng khóc nức nở sụt sùi, nào giọt nước mắt đầm đìa trên đá, Chuyết-Công không nỡ bỏ rơi hai linh hồn bị xa-đọa nơi biên cương này, nên người nói :

H. DUY-VIỆT

(Còn nữa)

NÊN ĐỌC :

NHẬT-BÁO Buổi-Sáng

Thông-tin mau lẹ. Bình-luận sắc đáng.

Chủ-nhiệm : TAM-MỘC

Báo quán, 40 Nguyễn-An-Ninh,

SAIGON

TIN SÁCH BÁO

Dưới đây là nhan đề một số sách mới xuất bản hoặc tái bản, phân chia theo loại. Nếu có thiếu sót là ngoài ý muốn của chúng tôi.

Những sách do các tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng sẽ được giới thiệu tỉ mỉ hơn.

Thơ

Đời Thúc Giã của Ưng Bình Thúc Giã Thị

Hoa duyên của Phạm-Lương

Tiểu thuyết

Tình yêu và sân khấu của Ngô Hải
Mưa đêm của Thu-Vân
Hoàng Mộng Ngọc của Phi-Long

Nhạc

Trước phút xa em của Lê-Hoàng-Long

Tiếng sáu Tao đàn của Tô Kiều Ngân

Sầu gieo cung oán của Lê Bình
Phổ văng đêm mưa của Lê-Dinh

Đôi ngả của Nguyễn hữu Thiết
Kiếp tha hương của Lam Phương

Sách dịch

20.000 dặm-dưới đáy biển của Jules Verne Nguyễn-Quân dịch

Dũng sĩ Ben-nuya của Việt-An-Thanh

Mũi tên đen của Thăm - thệ - Hà
Truyện nhi đồng

— Hoàng tử cá của Nguyễn-Hoài
— Đề của bí mật của Khái-Hưng

Sách giáo khoa

— Vạn vật học Đệ nhất của Ng. Hoài-Minh

— Dịch và luận Anh văn của Ng. văn-Ngãi

— Rédaction của Trần thừa Dụ

Sách luật

— Hình luật giảng tập của Đàm Trung Mệc

KẾT QUẢ CÂU ĐỐ VUI

ĐĂNG TRỌNG VĂN-ĐÀN SỐ 2 BỘ III

Câu đố lần này dễ quá. »

* Đó là lời đầu bức thư của một độc-giả tham dự câu đố kỳ này. Không phải chỉ có một vị nói như trên mà đến 3 phần tư các bạn tham dự cuộc thi cũng nói như vậy. Phải chăng vì câu đố dễ quá mà nhiều bạn coi thường và vì coi thường mà các bạn bị vấp, nghĩa là lầm lẫn «Cọp gầm» ra Cặp «rồng» và «Sư tử rồng» ra có sư tử gầm !

Vậy kết quả như thế này :

Chim hót, chó cắn, mèo kêu, gà gáy, cọp gầm, sư tử rồng, ngựa hí.

Trong số trên 1572 người dự, có 162 bạn đáp trúng như trên, và trong số đó 162 vị sau này, có 1 bạn dự đoán số người dự gần sát với số chính thức. Đó là bạn Nguyễn-trung-Bình 298c Đường-Minh-Mạng Cholon dự đoán 549.

Vậy chúng tôi xin tặng bạn 1 tháng báo và 1 cuốn thơ Tiếng Thăm Lời Thiêng của Phạm-dinh-Tân.



Cho đến nay, khi sắp công bố kết quả trên đây, chúng tôi còn nhận được rất nhiều thư của các độc giả giải đáp câu đố đăng trong Văn Đàn số 1 bộ III.

Tiếc vì kết quả câu đố này đã công bố rồi nên chúng tôi không thể xét những bài đó được. Mong rằng từ nay bạn đọc nên gửi lời giải đáp về sớm để khỏi bị trễ.

CÂU ĐỐ KỲ NÀY :

« Yêu người, ta nhắc từng ngày
Thương ta, người lại đang tay hủy dần.

Ngày ngày mòn mỏi tấm thân ;
— Mỗi năm ta lại một lần ra đi. »

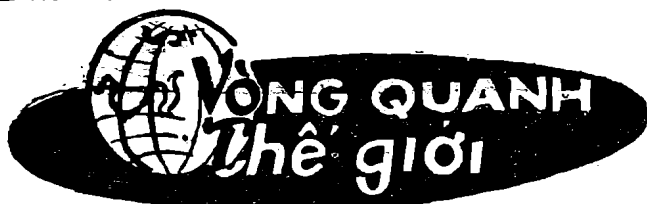
Đố các bạn biết đó là cái gì ?

Bạn nào giải đáp trúng và cắt phiếu in dưới đây gửi về sớm hơn cả sẽ được tặng 1 tháng báo V.Đ. và một cuốn thơ Tiếng Thăm của Phạm đình Tân.

Câu hỏi phụ : Có bao nhiêu người dự cuộc thi đố này ?

PHIẾU DỰ THI

Câu đố vui đăng trong V.Đ. số 4



Cuộc điện thế-giới trong 7 ngày

L. T. S.— *Đề thay thế hai mục « Điện-Tín » và « Trước thời cuộc » từ nay mỗi tuần, bạn Việt-Khanh sẽ tổng kết gồm các bạn tình hình thế giới và Việt-Nam, đề nghị cho bạn đọc theo dõi thời sự...*

Tình hình nghiêm trọng ở Việt-Nam và Đông Nam Á

TRONG tuần vừa qua, vấn đề Việt-Nam trước mối hăm dọa trực tiếp của Cộng-sản đã chiếm hàng đầu của thời cuộc Thế-giới.

Sở dĩ vấn đề Việt-Nam được các quan sát viên quốc tế đặc biệt chú ý như vậy là vì người ta biết rằng Hoa-kỳ đang phải quyết định những biện pháp quan trọng, kể cả biện pháp quân sự trực tiếp đề đối phó với mối họa Cộng-sản đe dọa không những miền Nam Việt Nam và Ai-lao mà cả toàn thể miền Đông Nam Á nữa.

Tổng Thống Kennedy đã nghiên cứu bản phúc-trình của tướng Taylor về tình hình ở Việt Nam và sau đó đã triệu tập Hội đồng an ninh quốc gia để thảo luận. Đồng thời Tổng Thống Mỹ cũng đã hội đàm với Tướng Nehru nhân dịp Thủ Tướng Ấn viếng thăm Hoa thịnh Đốn.

Người ta đã biết vai trò quan trọng của Ấn-Độ ở Đông Nam-Á: Ấn-Độ là chủ tịch Ủy-hội Quốc-Tế kiểm soát Đình chiến ở Việt-Nam và Ai-Lao và cũng là nước trung lập có uy thế nhất đối với khối Cộng-sản cũng như đối với Thế giới Tự do. Dĩ nhiên, một chính sách của Mỹ ở Á-Đông cần có sự ủng hộ, nếu không ít ra là thái độ thông cảm của Ấn độ.

Phản ứng quyết liệt của Hoa-Kỳ

Tuy nhiên, trong khi Hoa-Kỳ còn đang tra liệu xem biện pháp nào hữu hiệu nhất để đối phó với Cộng-Sản ở

miền Đông Nam Á, thì Cộng-Sản đã vội vã làm trước, công khai chuẩn bị cuộc xâm lăng miền Nam Việt-Nam bằng cách cho phi cơ vận tải chiến cụ tới Tchépone, một địa điểm ở biên giới Ai-Lao ngay với vĩ tuyến 17 của Việt-Nam, và dùng khu vực chiếm đóng của Pathet Lào như một hành lang để tiến quân về miền Nam. Ngoài ra những tin tức không được kiểm soát cho biết nhiều sư đoàn Trung-Cộng đã tiến vào Bắc-Việt để sửa soạn một cuộc xâm lăng đại quy mô.

Trước tình thế đó, Hoa Kỳ đã có những phản ứng quyết liệt ngay tức khắc. Nhiều chiến hạm từ cả hàng không mẫu hạm của Đệ Thất Hạm đội Mỹ đã được lệnh di chuyển từ eo biển Đài Loan tiến tới một nơi « không được xác định » ở phía Nam Thái Bình Dương. Người ta hiểu nơi đó chỉ có thể là Nam Hải, khoảng giữa bờ biển Việt Nam và Phi Luật Tân. Đài Phát Thanh Bắc kinh vội vã tố cáo các đơn vị của Đệ Thất Hạm đội Mỹ đã đổ bộ ở quần đảo Tây Sa, nhưng tin này không được xác nhận. Dẫu sao, những cuộc điều động lực lượng của Mỹ đã là một sự cảnh cáo rõ rệt đối với các mưu toan xâm lăng của Cộng sản.

Tình thế Ai-Lao khẩn trương

Trong khi đó, ở Ai-Lao tình hình mỗi lúc một khẩn trương thêm, sau khi Thủ-tướng Boun-Oum nhất quyết từ chối lời mời của Hoàng-thân Souvana Phouma mở một cuộc hội nghị Tam Hoàng nữa ở Cánh Đồng-Chum. Hoàng thân Phouma đã không thành lập nổi

chính phủ Liên-hiệp Ai-Lao mặc dầu đã được Quốc-vương Savang Vattana chính thức chỉ định. Lý do là Hoàng thân Souphanouvong lãnh tụ Pathet Lào đã tuân theo mệnh lệnh của Bắc-kinh và Hanội phá rối mọi nỗ lực hòa giải.

Trước tình thế bế tắc đó, cả phía Chính phủ Vạn-tượng lẫn phe Pathet Lào đều chuẩn bị quân lực. Các trận đánh lẻ tẻ đã xảy ra sau khi mùa mưa chấm dứt. Người ta e ngại những trận đánh lớn có thể bùng nổ bất cứ lúc nào ở Ai Lao, mặc dầu Ủy Hội Quốc Tế tìm mọi cách để ngăn chặn chiến tranh, tái diễn.

Liên Phòng Đông Bắc Á?

Trong khi tình thế ở Đông Dương nghiêm trọng như vậy, ở Phi Luật Tân cuộc bầu cử Tổng Thống đã đem lại thắng lợi cho ông Macapagal. Tổng Thống Garcia thất cử. Sự thay đổi này không có ảnh hưởng gì quan trọng đối với quốc tế, bởi vì ông Macapagal, hiện là Phó Tổng Thống, cũng là một chiến sĩ chống cộng và được sự ủng hộ tích cực của Hoa kỳ.

Ở Đông Kinh, sau các cuộc hội kiến giữa các ông Dean Rusk Ngoại trưởng Mỹ và Keda thủ tướng Nhật, và cuộc hội đàm giữa tướng Pak Chung Hi. Chủ tịch Hội Đồng Cách Mạng Quân Nhân Đại hàn, người ta đồn đại rất nhiều về việc thành lập một tổ chức Liên Phòng lấy tên là Minh ước Đông Bắc Á. Tuy nhiên các giới chính thức chưa xác nhận tin này.

Bá Linh và dư âm của trái bom 50 méga-ton

Ở Âu Châu, vấn đề Bá Linh vẫn là trung tâm điểm của cuộc chiến tranh lạnh (nhiều khi đã hóa ấm) giữa Cộng Sản và Thế-giới Tự-do. Nhiều cuộc xung đột lẻ tẻ giữa Cảnh Binh Đông và Tây Bá Linh ở ranh giới thành phố chia đôi này, trong khi các hoạt động ngoại giao vẫn tiếp diễn để tìm một giải pháp ôn hòa.

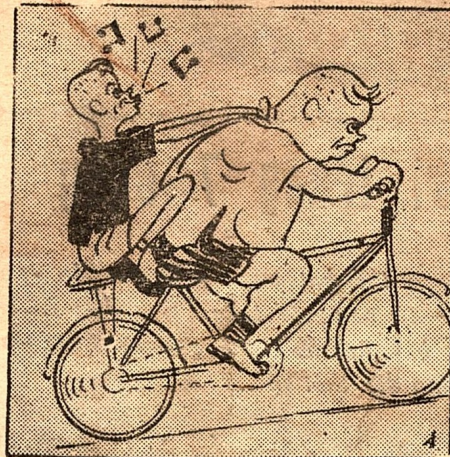
Cũng về địa hạt ngoại giao, Nga Sô vừa mưu toan uy hiếp Phần Lan và các nước Bắc Âu, nhưng các nhà lãnh đạo của những nước này đã hội họp để tìm cách đối phó.

(Xem tiếp ở trang 26)

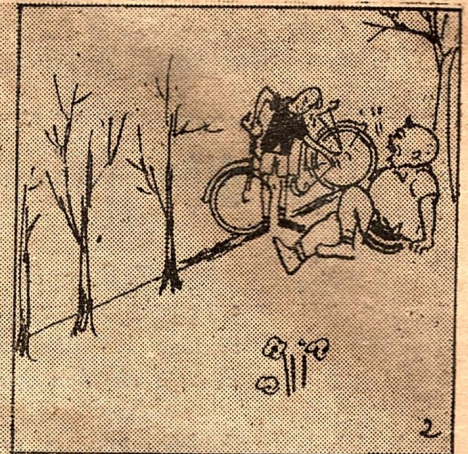
Vui Trong Luân... Vui



CHÀNG: Hôm gặp em ban đầu
Anh cũng muốn tỏ tình, nhưng nghĩ
lỡ sợ sợ làm sao ấy!



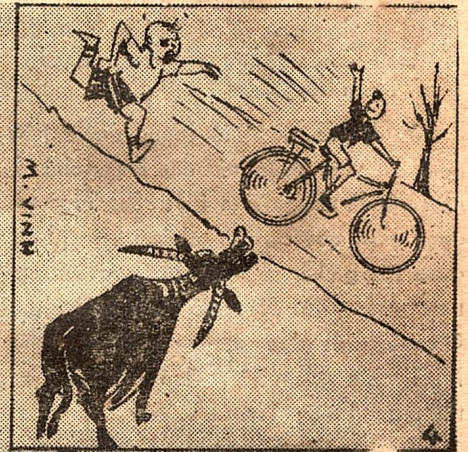
MẬP.— Tao đèo mày lướt lên
giốc, lướt xuống mày chờ
tao nghe mày.



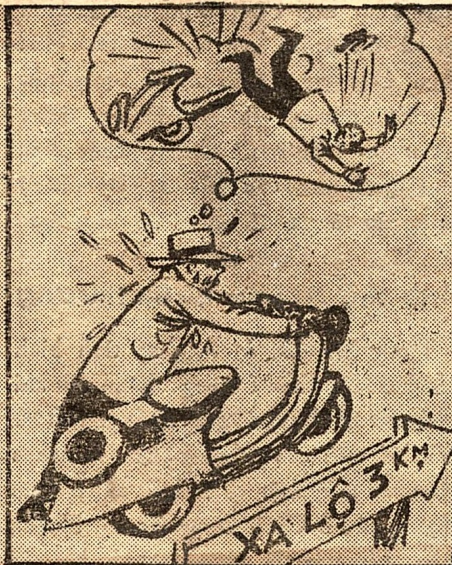
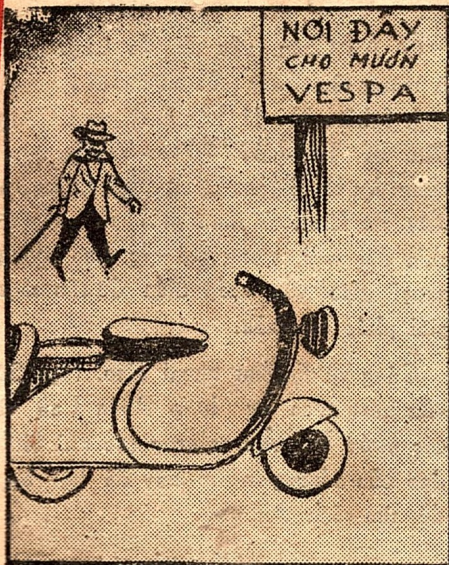
GẦY.— Mày nghỉ mệt rồi chưa,
tao đèo mày trở xuống.



MẬP.— Thôi mày ơi, sao mày
đi vòng chữ chi vậy —
nguy hiểm quá cho tao xuống
thôi.



GẦY.— Thôi mày chạy cho khỏe
nhé — và như vậy cũng đỡ
nguy hiểm nghe!



VĂN SĨ LẦM CẢM...